**GIÁO ÁN**

**CÔNG NGHỆ 7**

**PHẦN 1: TRỒNG TRỌT**

**CHƯƠNG I: ĐẠI CƯƠNG VỀ KĨ THUẬT TRỒNG TRỌT**

**BÀI 1: VAI TRÒ, NHIỆM VỤ CỦA TRỒNG TRỌT**

**I.MỤC TIÊU:**

1. **Kiến thức:**

- Nêu được vai trò quan trọng của trồng trọt trong nền kinh tế của nước ta.

- Biết được nhiệm vụ của trồng trọt trong giai đoạn hiện nay.

- Xác định được những biện pháp để thực hiện nhiệm vụ của trồng trọt.

**Kỹ năng**: Rèn luyện các kỹ năng

- Quan sát và nhìn nhận vấn đề.

- Vận dụng kiến thức vào đời sống thực tiễn.

**3.Thái độ:**

- Coi trọng việc sản xuất trồng trọt.

- Có trách nhiệm áp dụng các biện pháp kỹ thuật để tăng sản lượng và chất lượng sản phẩm trồng trọt.

**II: PHƯƠNG TIỆN**

1. **Giáo viên:**

- Hình 1 SGK phóng to trang 5.

- Bảng phụ lục về nhiệm vụ và biện pháp để thực hiện nhiệm vụ trồng trọt.

- Chuẩn bị phiếu học tập cho học sinh.

Phương pháp: Trực quan, đàm thoại, thảo luận nhóm.

**2.Học sinh:**

Xem trước bài 1.

1. **TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP:**
2. **Ổn định lớp**: (1’)
3. **Giới thiệu khái quát chung môn hoc( 2’**)
4. **Bài mới:**

**Giới thiệu** (1’) Trồng trọt là lĩnh vực sản xuất quan trọng của nền nông nghiệp ở nước ta. Vậy trồng trọt có vai trò và nhiệm vụ như thế nào chúng ta học bài này sẽ rõ. Bài 1: Vai trò, nhiệm vụ của trồng trọt

**Hoạt động 1: Vai trò của trồng trọt**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| - Giáo viên cho hs quan sát hình 1 SGK và nêu câu hỏi:  + Trồng trọt có vai trò gì trong nền kinh tế?  - Giáo viên giải thích hình để học sinh rõ thêm về từng vai trò của trồng trọt.  - Giáo viên nhận xét, ghi bảng.  - Hỏi: cây xanh có vai trò gì đối với môi trường?  - Nhận xét kết hợp GDBVMT | - Học sinh lắng nghe và trả lời:  🡪 Vai trò của trồng trọt là:  - Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.(hình a)  - Cung cấp thức ăn cho ngành chăn nuôi.(hình b)  - Cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp. (hình c)  - Cung cấp nông sản xuất khẩu. (hình d)  - Học sinh ghi bài.  - TL: cây xanh điều hòa không khí, cải tạo làm cho môi trường . | **I. Vai trò của trồng trọt:**    Trồng trọt cung cấp  - lương thực, thực phẩm cho con người,   * thức ăn cho chăn nuôi, * nguyên liệu cho công nghiệp * nông sản xuất khẩu. |

**\* Hoạt động 2: Nhiệm vụ của trồng trọt**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Yêu cầu học sinh chia nhóm và tiến hành thảo luận để xác định nhiệm vụ nào là nhiệm vụ của trồng trọt?  + Tại sao nhiệm vụ 3,5 không phải là nhiệm vụ trồng trọt?  - Giáo viên giảng rõ thêm về từng nhiệm vụ của trồng trọt.  - Kết luận , ghi bảng | - Học sinh chia nhóm, thảo luận và đại diện trả lời:  🡪 Đó là các nhiệm vụ 1,2,4,6.  🡪 vì:  + Nhiệm vụ 3: Thuộc lĩnh vực chăn nuôi.  + Nhiệm vụ 5: Thuộc lĩnh vực lâm nghiệp.  - Học sinh lắng nghe.  - Học sinh ghi bài. | **II. Nhiệm vụ của trồng trọt**:    - Sản xuất lương thực đủ ăn và có dự trữ  - Phát triển nhanh cây thực phẩm, cây làm nguyên liệu cho công nghiệp , thức ăn cho chăn nuôi và nông sản cho xuất khẩu |

**Hoạt động 3: Để thực hiện nhiệm vụ của trồng trọt, cần sử dụng những biện pháp gì?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | **Nội dung** |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh theo nhóm cũ, quan sát bảng và hoàn thành bảng.  \_ Giáo viên nhận xét.  + Sử dụng các biện pháp trên có ý nghĩa gì?  + Có phải ở bất kỳ vùng nào ta cũng sử dụng các biện pháp đó không? Vì sao?  \_ Giáo viên chốt lại kiến thức, ghi bảng. | | - Học sinh thảo luận nhóm và hoàn thành bảng.  - Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung  - Yêu cầu nêu được:  + Khai hoang, lấn biển: tăng diện tích đất canh tác.  + Tăng vụ trên đơn vị diện tích: tăng sản lượng nông sản.  + Áp dụng đúng biện pháp kỹ thuật trồng trọt: tăng năng suất cây trồng.  - Học sinh lắng nghe.  🡪 Có ý nghĩa là sản xuất ra nhiều nông sản cung cấp cho tiêu dùng.  🡪 Không phải vùng nào ta cũng sử dụng được 3 biện pháp đó vì mỗi vùng có điều kiện khác nhau.  - Học sinh ghi bài | **III. Để thực hiện nhiệm vụ của trồng trọt, cần sử dụng những biện pháp gì?**    - Khai hoang, lấn biển  - Tăng vụ trên đơn vị diện tích đất trồng  - Áp dụng các biện pháp kĩ thuật trong trồng trọt |

1. **Củng cố**: ( 3’)

- Trồng trọt có vai trò gì trong nền kinh tế của nước ta?

- Trồng trọt có những nhiệm vụ nào? Và cách sử dụng các biện pháp để thực hiện nhiệm vụ của trồng trọt.

**5. Hướng dẫn về nhà**: ( 1’)

- Nhận xét về thái độ học tập của học sinh.

- Dặn dò: về nhà học bài, trả lời các câu hỏi cuối bài và xem trước bài 2

**IV.RÚT KINH NGHIỆM**

* **Bổ sung**

**BÀI 2 : KHÁI NIỆM VỀ ĐẤT TRỒNG VÀ THÀNH PHẦN**

**CỦA ĐẤT TRỒNG**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu được khái niệm, vai trò và thành phần của đất trồng.

**2**.**Kỹ năng**:

- Phân biệt được sự khác nhau giữa đất và đá.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức giữ gìn và bảo vệ tài nguyên môi trường đất.

**II: PHƯƠNG TIỆN**

1. **Giáo viên:**

- Tranh: Vai trò của đất trồng.

- Sơ đồ thành phần của đất trồng

- Bảng: thành phần của đất trồng

Phương pháp: Trực quan, đàm thoại, thảo luận nhóm.

**2.Học sinh:**

- Sách giáo khoa và phiếu học tập

- Tìm hiểu đặc điểm đất trồng ở gia đình và địa phương

1. **TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP:**
2. **Ổn định lớp**: (1’)
3. **Kiểm tra bài cũ:**

**Câu 1: Trồng trọt có vai trò như thế nào đối với đời sống nhân dân và nền kinh tế địa phương?**

**Câu 2: Nghành trồng trọt có nhiệm vụ như thế nào? Em hãy nêu những biện pháp để thực hiện nhiệm vụ của trồng trọt?**

1. **Bài mới:**

**Giới thiệu** (1’) Đất là tài nguyên thiên nhiên quý giá của quốc gia, là cơ sở sản xuất nông, lâm nghiệp.Vì thế trước khi nghiên cứu các quy trình kỹ thuật của trồng trọt, chúng ta cần tìm hiểu thế nào là đất trồng và đất trồng gồm những thành phần nào? Muốn thế chúng ta cùng tìm hiểu bài 2

**Hoạt động 1: Khái niệm về đát trồng.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| -Yêu cầu học sinh đọc thông tin mục I SGK và trả lời các câu hỏi: Đất trồng là gì?  + Theo em lớp than đá tơi xốp có phải là đất trồng hay không? Tại sao?  - Yêu cầu học sinh chia nhóm quan sát hình 2 và thảo luận xem 2 hình có điểm nào giống và khác nhau?  - Giáo viên nhận xét, bổ sung.  + Qua đó cho biết đất có tầm quan trọng như thế nào đối với cây trồng.  - Giáo viên chốt lại kiến thức, ghi bảng.  - Hỏi: nếu môi trường đất bị ô nhiễm sẽ ảnh hưởng tới cây trồng như thế nào?  - Nhận xét kết hợp GDBVMT. | - Học sinh đọc thông tin và trả lời:  🡪 Là lớp bề mặt tơi xốp của vỏ Trái Đất trên đó thực vật có khả năng sinh sống và tạo ra sản phẩm.  🡪 Lớp than đá không phải là đất trồng vì thực vật không thể sống trên lớp than đá được.  🡪 Đất trồng khác với đá ở chổ đất trồng có độ phì nhiêu.  - Học sinh thảo luận nhóm và cử đại diện trả lời:  + Giống nhau: đều có oxi, nước, dinh dưỡng.  + Khác nhau: cây ở chậu (a) không có giá đỡ nhưng vẫn đứng vững còn chậu (b) nhờ có giá đỡ nên mới đứng vững.  - Học sinh lắng nghe.  🡪 Đất cung cấp nước, chất dinh dưỡng, oxi cho cây và giúp cho cây đứng vững.  - TL: cây sinh trưởng và phát triển không tốt, ảnh hưởng năng suất chất lượng nông sản, ảnh hưởng tới con người và vật nuôi. | **I. Khái niệm về đất trồng:**  1. Đất trồng là gì?  Đất trồng là lớp bề mặt tơi xốp của vỏ Trái Đất, trên đó thực vật có thể sinh sống và tạo ra sản phẩm.  - Đất có độ phì nhiêu  2. Vai trò của đất trồng:  Đất có vai trò đặc biệt đối với đời sống cây trồng vì đất là môi trường cung cấp nước, chất dinh dưỡng, oxi cho cây và giữ cho cây đứng vững |

\* **Hoạt động 2: Thành phần của đất trồng.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Giáo viên giới thiệu cho học sinh sơ đồ 1 về thành phần của đất trồng và hỏi:  + Đất trồng gồm những thành phần gì? Kể ra.  + Oxi có vai trò gì trong đời sống cây trồng?  + Cho biết phần rắn có chứa những chất gì?  + Chất khoáng và chất mùn có vai trò gì đối với cây trồng?  + Phần lỏng có những chất gì?  + Nước có vai trò gì đối với đời sống cây trồng?  -Theo nhóm cũ thảo luận  và điền vào bảng thành phần của đất trồng:    - Giáo viên nhận xét. | - Học sinh quan sát sơ đồ 1 và trả lời:  🡪 Đất trồng bao gồm: phần khí, phần lỏng và phần rắn (chất hữu cơ và chất vô cơ).  🡪 Oxi cần cho quá trình hô hấp của cây.  🡪 Có chứa những chất như: chất khoáng, chất mùn.  🡪 Cung cấp chất dinh dưỡng cho cây.  🡪 Phần lỏng chính là nước trong đất.  🡪 Có tác dụng hòa tan các chất dinh dưỡng giúp cây dễ hấp thu.  - Học sinh thảo luận nhóm và hoàn thành bảng.  - Yêu cầu nêu được:  + Phần khí: cung cấp oxi cho cây hô hấp.  + Phần rắn: cung cấp chất dinh dưỡng cho cây.  + Phần lỏng cung cấp nước cho cây.  - Học sinh ghi bài. | **II. Thành phần của đất trồng:**    Gồm 3 phần: phần rắn, phần khí, phần lỏng.  - Phần khí cung cấp oxi cho cây.  - Phần rắn cung cấp chất dinh dưỡng cho cây.  - Phần lỏng: cung cấp nước cho cây. |

1. **Củng cố**: ( 3’)

- Học sinh đóng tập sách lại và làm bài tập trong phiếu học tập

**5. Hướng dẫn về nhà**: ( 1’)

- Dặn dò: về nhà học bài, trả lời các câu hỏi cuối bài và xem trước bài 3

**IV.RÚT KINH NGHIỆM**

* **Bổ sung**

**.**

**BÀI 3: MỘT SỐ TÍNH CHẤT CHÍNH CỦA ĐẤT TRỒNG**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức:. - Biết được thành phần cơ giới của đất trồng.

- Hiểu được thế nào là đất chua, đất kiềm và đất trung tính.

- Biết được khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng của đất trồng.

- Hiểu được thế nào là độ phì nhiêu của đất.

2. Kĩ năng: - Có khả năng phân biệt được các loại đất.

- Có các biện pháp canh tác thích hợp.

3. Thái độ: Có ý thức bảo vệ, duy trì và nâng cao độ phì nhiêu của đất.

**II. CHUẨN BỊ**

* GV: Tham khảo SGK và Sách giáo viên.

Phương pháp: vấn đáp. Thảo luận nhóm

* HS: Đọc trước bài khi đến lớp. chuẩn bị đất

**III. TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**2. Kiểm tra** (3’): Đất trồng là gì? Vai trò của đất trồng?

**3. Bài mới :** Đất trồng là môi trường sống của cây. Do đó ta cần biết đất có những tính chất chính nào để từ đó ta có biện pháp sử dụng và cải tạo hợp lí. Đây là nội dung của bài học hôm nay.

**Hoạt động 1: Thành phần cơ giới của đất là gì? (12’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| \_ Yêu cầu học sinh đọc thông tin mục I SGK và hỏi:  + Phần rắn của đất bao gồm những thành phần nào?  + Phần vô cơ gồm có mấy cấp hạt?  + Thành phần cơ giới của đất là gì?  + Căn cứ vào thành phần cơ giới người ta chia đất ra mấy loại?  - Nhận xét  - Kết luận, ghi bảng. | Học sinh đọc thông tin và trả lời:  🡪 Bao gồm thành phần vô cơ và thành phần hữu cơ.  🡪 Gồm có các cấp hạt: hạt cát (0,05 – 2mm), limon ( bột, bụi) (0,002 – 0,05 mm) và sét (<0,002 mm).  🡪 Thành phần cơ giới của đất là tỉ lệ phần trăm các loại hạt cát, limon, sét có trong đất.  🡪 Chia đất làm 3 loại: Đất cát, đất thịt và đất sét.  - Học sinh lắng nghe., ghi bài | **I. Thành phần cơ giới của đất là gì**?  Thành phần cơ giới của đất là tỉ lệ phần trăm các loại hạt cát, limon, sét có trong đất.    Tùy tỉ lệ từng loại hạt trong đất mà chia đất ra làm 3 loại chính: đất cát, đất thịt, đất sét. |

**Hoạt động 2:Phân biệt thế nào là độ chua, độ kiềm của đất. (10’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| . - Yêu cầu học sinh đọc thông tin mục II và hỏi:  + Người ta dùng độ pH để làm gì?  + Trị số pH dao động trong phạm vi nào?  + Với giá trị nào của pH thì đất được gọi là đất chua, đất kiềm, đất trung tính?  + Em hãy cho biết tại sao người ta xác định độ chua, độ kiềm của đất nhằm mục đích gì?  - Giáo viên sửa, bổ sung và giảng:  Biện pháp làm giảm độ chua của đất là bón vôi kết hợp với thủy lợi đi đôi với canh tác hợp lí.  - Giáo viên kết luận, ghi bảng. | Học sinh đọc thông tin và trả lời:  🡪 Dùng để đo độ chua, độ kiềm của đất.  🡪 Dao động từ 0 đến 14.  🡪 Với các giá trị:  + Đất chua: pH<6,5.  + Đất kiềm: pH> 7,5.  + Đất trung tính: pH = 6,6 -7,5.  🡪 Để có kế hoạch sử dụng và cải tạo đất. Vì mỗi loại cây trồng chỉ sinh trưởng, phát triển tốt trong một phạm vi pH nhất định.  - Học sinh lắng nghe.  - Học sinh ghi bài. | **II. Độ chua, độ kiềm của đất:**    Độ pH dao động từ 0 đến 14.    Căn cứ vào độ pH người ta chia đất thành đất chua, đất kiềm và đất trung tinh.  + Đất chua có pH < 6,5.  + Đất kiềm có pH > 7,5.  + Đất trung tính có pH= 6,6 -7,5 |

**Hoạt động 3: Khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng của đất** **(10’)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| - Yêu cầu 1 học sinh đọc to thông tin mục III SGK.  - Yêu cầu học sinh chia nhóm, thảo luận và hoàn thành bảng.  - Giáo viên nhận xét và hỏi:  + Nhờ đâu mà đất có khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng?  + Sau khi hoàn thành bảng các em có nhận xét gì về đất?  - Nhận xét, ghi bảng. | - Học sinh đọc to.  - Học sinh thảo luận nhóm, cử đại diện trả lời và nhóm khác bổ sung.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Đất | Khả năng giữ nước và.. | | | | Tốt | TB | Kém | | Cát  Thịt  Sé | x | x | x |   - Học sinh lắng nghe và trả lời:  🡪 Nhờ các hạt cát, limon, sét và chất mùn mà đất giữ được nước và chất dinh dưỡng.  🡪 Đất chứa nhiều hạt có kích thước bé, đất càng chứa nhiều mùn thì khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng càng tốt.  - Học sinh lắng nghe. Ghi bài | **III. Khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng của đất**:    Nhờ các hạt cát, limon, sét và chất mùn mà đất giữ được nước và chất dinh dưỡng. |

**Hoạt động 4:Tìm hiểu độ phì nhiêu của đất (5’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Yêu cầu học sinh đọc thông tin mục IV. SGK và hỏi:  + Theo em độ phì nhiêu của đất là gì?  + Ngoài độ phì nhiêu còn có yếu tố nào khác quyết định năng suất cây trồng không?  - Nhận xét  - Hỏi: tình hình về độ phì nhiêu của đất ở nước ta như thế nào?  - Nhận xét  Giáo viên chốt lại kiến thức, ghi bảng. | - Học sinh đọc thông tin và trả lời:  🡪 Độ phì nhiêu của đất là khả năng của đất cung cấp đủ nước, oxi, chất dinh dưỡng cho cây trồng bảo đảm được năng suất cao, đồng thời không chứa các chất độc hại cho cây.  🡪 Còn cần các yếu tố khác như: giống tốt, chăm sóc tốt và thời tiết thuận lợi.  - Độ phì nhiêu giảm một cách nghiêm trọng vì: chăn bón không hợp lý, phá rừng gây ra sự xói mòn.  - Học sinh ghi bài. | **IV. Độ phì nhiêu của đất là gì?**  Độ phì nhiêu của đất là khả năng của đất cung cấp đủ nước, oxi, chất dinh dưỡng cho cây trồng năng suất cao, đồng thời không chứa các chất có hại cho cây.  Tuy nhiên muốn có năng suất cao thì ngoài độ phì nhiêu còn cần phải chú ý đến các yếu tố khác như: Thời tiết thuận lợi, giống tốt và chăm sóc tốt. |

**4.Củng cố(2p’)**

- Thế nào là đất chua, đất kiềm và đất trung tính?

- Nhờ đâu mà đất giữ được nước và chất dinh dưỡng?

- Độ phì nhiêu của đất là gì?

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài,

-Trả lời lại các câu hỏi

- Đọc trước bài 4

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**\* Bổ sung**

**BÀI 4: Thực hành:**

**XÁC ĐỊNH THÀNH PHẦN CƠ GIỚI CỦA ĐẤT BẰNG**

**PHƯƠNG PHÁP ĐƠN GIẢN ( VÊ TAY)**

**MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Xác định được thành phần cơ giới của đất bằng phương pháp vê tay

2. Kĩ năng: Rèn luyện kỹ năng quan sát , thực hành

3. Thái độ: Có ý thức lao động cẩn thận, chính xác

**II. PHƯƠNG TIỆN**

* GV: Tranh các bước thực hiện

Bảng: chuẩn phân cấp đất

Mẫu vật: đất trồng

Dụng cụ: bình nước, thước đo

- HS: Xem trước nội dung các bước trong quy trình thực hành, chuẩn bị 3 mẫu đất khác nhau, phiếu học tập

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**2. Kiểm tra kiến thức cũ và sự chuẩn bị của học sinh**

**3. Bài mới :**Mỗi loại cây trồng chỉ phát triển tốt trên một loại đất nhất định , do đó trong trồng trọt muốn đạt kết quả cao đòi hỏi người trồng phải xác định được thành phần cơ giới của đất. Trong bài học hôm nay, cô giới thiệu với các em phương pháp xác định thành phần cơ giới đơn giản nhất, đó là cách xác định thành phần cơ giới của đất bằng phương pháp vê tay.

**Hoạt động 1: Giới thiệu bài thực hành**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| \_ Giới thiệu mục tiêu bài thực hành  - Yêu cầu học sinh trình bày thành phần cơ giới của đất  - Theo em mục đích xác định thành phần cơ giới của đất để làm gì? | - Học sinh lắng nghe kĩ nội dung bài thực hành  - Đại diện học sinh phát biểu  - HS trả lời: để chọn cây trồng thích hợp , có hướng cải tạo thích hợp |  |

**Hoạt động 2:Tổ chức thực hành**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Kiểm tra dụng cụ và mẫu đất của học sinh  - Cho điểm phần chuẩn bị  - Bố trí vị trí thực hành cho từng nhóm | - Các nhóm đặt mẫu vật và dụng cụ lên bàn cho GV kiểm tra  - Nhóm trưởng báo cáo tình hình chuẩn bị | **I: Vật liệu và dụng cụ cần thiết**  1. Vật liệu: mẫu đất trồng  2. Dụng cụ: bình nước, thước đo |

**Hoạt động 3: Thực hiện quy trình thực hành**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Treo tranh quy trình thực hành  - Cho HS quan sát và trình bày 4 bước của quy trình thực hành  - GV lưu ý học sinh nhỏ nước đủ ẩm ( mát tay, nhào được)  - GV thao tác mẫu theo đúng quy trình  - GV treo bảng chuẩn phân cấp đất  - Gv nhận xét phần xác định của học sinh  - Cho HS thực hành theo nhóm  - GV theo dõi HS thực hành và kịp thời sửa sai cho từng nhóm  - Chấm điểm thao tác, trật tự cho từng nhóm  - Cho mỗi nhóm tự đánh giá  - Phân công đại diện các nhớm kiểm tra chéo  - Ghi nhận phần báo cáo  - Kiểm tra lại và cho điểm từng nhóm. | - Học sinh quan sát tranh  1-2 HS trình bày quy trình thực hành  - HS quan sát GV làm mẫu  - HS quan sát mẫu GV đã hoàn thành  - Dựa vào bảng chuẩn phân cấp đất để xác định thành phần cơ giới của mẫu đất GV vừa thực hành  - HS nhận xét và bổ sung ( nếu có)  - Mỗi nhóm thực hành theo đúng trình tự 4 bước trên 3 mẫu đất của nhóm  - Nhóm thảo luận để chọn 3 mẫu đạt tiêu chuẩn nộp cho Gv  - Mỗi nhóm tự đánh giá vào phiếu thực hành  - Đại diện các nhóm kiểm tra chéo theo phân công  - Báo cáo kết quả kiểm tra | **II: Quy trình thực hành**  Gồm 4 bước  1. Bước 1: Lấy một ít đất bằng viên bi cho vào lòng bàn tay  2. Bước 2: Nhỏ vài giọt nước cho đủ ẩm  3. Bước 3: Dùng 2 bàn tay vê đất thành thỏi có đường kính 3mm  4. Bước 4: Uốn thỏi đât thành vòng tròn có đường kính khoảng 3cm    **III. Thực hành** |

**Hoạt động 4: Đánh giá kết quả**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Đánh giá kết quả thực hành của các nhóm  - Nhận xét giờ thực hành  - Thu phiếu thực hành nhóm | - Thu dọn, trả dụng cụ và vệ sinh nơi thực hành  - HS hoàn thành đầy đủ nội dung trong phiếu thực hành  - Nộp phiếu thực hành cho Gv |  |

**4.Củng cố (2p’)**

- 1-2 HS nhắc lại toàn bộ quy trình thực hành

- HS làm phần báo cáo thực hành trong phiếu thực hành cá nhân

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Xem trước nội dung bài 5 trang 12, 13

- Chuẩn bị mẫu cho tiết sau

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**\* Bổ sung**

**=======================================**

**BÀI 5: Thực hành:**

**XÁC ĐỊNH ĐỘ PH CỦA ĐẤT BẰNG**

**PHƯƠNG PHÁP SO MÀU**

**MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Xác định được độ pH của đất bằng phương pháp so màu

2. Kĩ năng: Rèn luyện kỹ năng quan sát , thực hành

3. Thái độ: Có ý thức lao động cẩn thận, chính xác

**II. PHƯƠNG TIỆN**

* GV: Tranh các bước thực hiện

Bảng: kết quả thực hành

Mẫu vật: mẫu đất, chất chỉ thị màu tổng hợp

Dụng cụ: thìa, khay nhựa, dao nhựa, ống nhỏ giọt, thang màu pH

- HS: Mỗi nhóm 2 mẫu đất trên 2 mảnh đất khác nhau, phiếu thực hành

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**2. Kiểm tra kiến thức cũ và sự chuẩn bị của học sinh**

**3. Bài mới :**Để xác định tính chất của đất trồng người ta dựa vào trị số pH của đất. Hôm nay cô sẽ hướng dẫn các em cách xác định độ pH của đất bằng phương pháp so màu

**Hoạt động 1: Giới thiệu mục tiêu bài thực hành**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Giới thiệu mục tiêu bài thực hành | - Học sinh lắng nghe và nắm vững muc tiêu bài thực hành |  |

**Hoạt động 2:Tổ chức thực hành**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Kiểm tra dụng cụ và mẫu đất của học sinh  - Gv nhận xét cụ thể từng nhóm và cho điểm phần chuẩn bị của các nhóm | - Các nhóm đặt mẫu vật và dụng cụ lên bàn cho GV kiểm tra  - Nhóm trưởng kiểm tra lại và báo cáo tình hình chuẩn bị của nhóm mình | **I: Vật liệu và dụng cụ cần thiết**  1. Vật liệu: chất chỉ thị màu tổng hợp  2. Dụng cụ: thìa, khay nhựa, dao nhựa, ống nhỏ giọt, thang màu pH |

**Hoạt động 3: Thực hiện quy trình thực hành**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Cho HS thảo luận để tìm ra quy trình thực hành  - GV treo tranh quy trình thực hành không có chú thích  - Yêu cầu HS trình bày lại các bước của quy trình  -GV thực hiện thao tác mẫu  - Cho Hs so màu với thang đo pH  - Với độ pH các bạn vừa đọc , em hãy cho cô biết đất có tính chất gì?  - GV quan sát HS thực hành và sửa sai ngay | - HS thảo luận theo nhóm các bước của quy trình thực hành  - Đại diện của nhóm trình bày các bước  - HS quan sát tranh quy trình thực hành  - HS quan sát GV làm mẫu  - HS quan sát mẫu GV đã hoàn thành  - 1-2 HS lên quan sát và so màu với thang màu pH chuẩn và đọc to cho cả lớp nghe  - HS trả lời theo quy trình đã học  - Mỗi nhóm thực hành theo đúng trình tự 3 bước trên 2 mẫu đất của nhóm  - Mỗi nhóm ghi nhận kết quả vào phiếu thực hành | **II: Quy trình thực hành**  Gồm 4 bước  1. Bước 1: Lấy 1 lượng đất bằng hạt ngô cho vào thìa  2. Bước 2: Nhỏ từ từ chất chỉ thị màu tổng hợp vào mẫu đất cho đến khi thừa một giọt.  3. Bước 3: Sau 1 phút nghiêng thìa cho chất chỉ thị màu chảy ra và so màu với thang màu pH  **III. Thực hành** |

**Hoạt động 4: Đánh giá kết quả**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Đánh giá kết quả thực hành của các nhóm  - Nhận xét giờ thực hành  - Thu phiếu thực hành nhóm | - Thu dọn, trả dụng cụ và vệ sinh nơi thực hành  - HS hoàn thành đầy đủ nội dung trong phiếu thực hành  - Nộp phiếu thực hành cho Gv |  |

**4.Củng cố (2p’)**

- 1-2 HS nhắc lại toàn bộ quy trình thực hành

- HS làm phần báo cáo thực hành trong phiếu thực hành cá nhân

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Xem trước nội dung bài 6

- Chuẩn bị mẫu cho tiết sau

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**\* Bổ sung**

**BÀI 6: BIỆN PHÁP SỬ DỤNG, CẢI TẠO VÀ BẢO VỆ ĐẤT**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Vì sao phải sử dụng đất hợp lý

Biết được các biện pháp thường dùng để cải tạo và bảo vệ đất

2. Kĩ năng: Biết sử dụng các biện pháp tường dùng để cải tạo và bảo vệ đất

3. Thái độ: Có ý thức chăm sóc, bảo vệ tài nguyên môi trường đất.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

* GV: Tham khảo sgk và sgv.

Phương pháp: vấn đáp.

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**2. Kiểm tra 3’** : Thế nào là đất chua , đất kiềm và đất trung tính?

**3. Bài mới**  **GT** 1’ : Đất là tài nguyên quý của quốc gia, là cơ sở để sản xuất nông , lâm nghiệp. Vì vậy chúng ta phải biết cách sử dụng cải tạo và bảo vệ đất. Để biết như thế nào là sử dụng, cải tạo và bảo vệ đất hợp lí ta vào bài mới.

**Hoạt động 1: Vì sao phải sử dụng đất hợp lí?(20’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Yêu cầu học sinh xem phần thông tin mục I SGK và hỏi:  + Vì sao phải sử dụng đất hợp lí?  - Chia nhóm, yêu cầu thảo luận và hoàn thành bảng mẫu:  - Giáo viên tổng hợp ý kiến đưa ra đáp án.  - Giáo viên nhận xét giảng giải thêm:  Biện pháp vừa sử dụng, vừa cải tạo thường áp dụng đối với những vùng đất mới khai hoang hoặc mới lấn ra biển. Đối với những vùng đất này, không nên chờ đến khi cải tạo xong mới sử dụng mà phải sử dụng ngay để sớm thu hoạch.  - Kết luận, ghi bảng. | - Học sinh đọc thông tin và trả lời:  🡪 Do dân số tăng nhanh dẫn đến nhu cầu lương thực, thực phẩm tăng theo trong khi đó diện tích đất trồng có hạn,  - Học sinh chia nhóm, thảo luận.  - Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung  - Học sinh lắng nghe.  - Học sinh ghi bài. | . **I. Vì sao phải sử dụng đất hợp lí**?  Do dân số tăng nhanh dẫn đến nhu cầu lương thực, thực phẩm tăng theo, trong khi đó diện tích đất trồng trọt có hạn, vì vậy phải sử dụng đất hợp lí.  - Biện pháp sử dụng đất hợp lí:  + Thâm canh tăng vụ  + Không bỏ đất hoang  + Chọn cây trồng phù hợp với đất  + Vừa sử dụng, vừa cải tạo đất |

**Hoạt động 2:** **Biện pháp cải tạo và bảo vệ đất.(17’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Hỏi: Tại sao ta phải cải tạo đất?  - Giáo viên giới thiệu cho HS một số loại đất cần cải tạo ở nước ta:  + Đất xám bạc màu  + Đất mặn  + Đất phèn  - Yêu cầu theo nhóm cũ thảo luận theo bảng và kết hợp quan sát hình 3,4,5.  - Tổng hợp các ý kiến và đưa ra đáp án.  - Giáo viên hỏi:  + Qua đó thì cho biết những biện pháp nào thường dùng để cải tạo và bảo vệ đất?  - Giáo viên giải thích hình thêm.  - HỎi: hãy cho biết những nguyên nhân nào làm cho đất xấu ngày càng tăng?  - Chốt lại kết hợp giao dục bảo vệ môi trường. | - HS trả lời: Vì có những nơi đất có những tính chất xấu như: chua, mặn, bạc màu… nên cần phải cải tạo mới sử dụng có hiệu quả được.  - Học sinh lắng nghe.  - Nhóm thảo luận và hoàn thành bảng. Cử đại diện nhóm trình bày và nhóm khác bổ sung.  - Học sinh ghi bài vào vở.  - Học sinh trả lời:  🡪 Các biện pháp thường dùng: canh tác, thuỷ lợi, bón phân.  - Học sinh lắng nghe.  - TL: tập quán canh tác lạc hậu, lạm dụng thuốc hóa học… | **II. Biện pháp cải tạo và bảo vệ đất**:  - Đất phèn: cày nông bừa sục, giữ nước liên tục, thay nước thường xuyên  - Đất xám bạc màu: cày sâu bừa kĩ, bón phân hữu cơ  - Đất mặn: đắp đê ngăn mặn  - Đất chua: bón vôi  - Đất đồi dốc: làm ruộng bậc thang |

**4.Củng cố (2p’)**

- Hỏi: Vì sao phải cải tạo đất? Người ta thường dùng những biện pháp nào để cải tạo đất?

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài, Trả lời lại các câu hỏi

- Đọc trước bài 7

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**\* Bổ sung**

**BÀI 7:TÁC DỤNG CỦA PHÂN BÓN**

**TRONG TRỒNG TRỌT**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức:. Hiểu được thế nào là phân bón, các loại phân bón thường dùng và tác dụng của phân bón.

2. Kĩ năng: Phân biệt được các loại phân bón và biết cách sử dụng từng loại phân bón phù hợp với từng loại đất và từng loại cây.

3. Thái độ: Có ý thức tận dụng các sản phẩm phụ như thân, cành, lá và cây hoang dại để làm phân bón.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: Hình 6 trang 17 SGK phóng to.Bảng phụ.

Phương pháp: vấn đáp. Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**2. Kiểm tra 3’** : Vì sao phải cải tạo đất? Người ta thường dùng những biện pháp nào để cải tạo đất?

**3. Bài mới**

**GT** 1’ : Người ta nói rằng phân bón là một yếu tố không thể thiếu trong sản xuất trồng trọt. Vậy phân bón là gì và nó có tác dụng như thế nào đối với cây trồng? Để biết được điều này ta vào bài 7.

**Hoạt động 1: Phân bón là gì? (12’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Yêu cầu học sinh đọc thông tin mục I SGK và hỏi:  + Phần rắn của đất bao gồm những thành phần nào?  + Phần vô cơ gồm có mấy cấp hạt?  + Thành phần cơ giới của đất là gì?  + Căn cứ vào thành phần cơ giới người ta chia đất ra mấy loại?  - Nhận xét  - Tiểu kết, ghi bảng. | Học sinh đọc thông tin và trả lời:  🡪 Bao gồm thành phần vô cơ và thành phần hữu cơ.  🡪 Gồm có các cấp hạt: hạt cát (0,05 – 2mm), limon ( bột, bụi) (0,002 – 0,05 mm) và sét (<0,002 mm).  🡪 Thành phần cơ giới của đất là tỉ lệ phần trăm các loại hạt cát, limon, sét có trong đất.  🡪 Chia đất làm 3 loại: Đất cát, đất thịt và đất sét.  - Học sinh lắng nghe., ghi bảng | **I. Thành phần cơ giới của đất là gì**?  Thành phần cơ giới của đất là tỉ lệ phần trăm các loại hạt cát, limon, sét có trong đất.    Tùy tỉ lệ từng loại hạt trong đất mà chia đất ra làm 3 loại chính: đất cát, đất thịt, đất sét. |

**Hoạt động 2:Phân biệt thế nào là độ chua, độ kiềm của đất.(13’)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| - Yêu cầu HS đọc mục I và trả lời các câu hỏi:  + Phân bón là gì?  + Vì sao người ta bón phân cho cây?  + Các chất dinh dưỡng chính trong cây là những chất nào?  - Nhận xét từng câu  - GV giải thích thêm ngoài các chất trên , còn có nhóm các nguyên tốt vi lượng như: Cu, Fe, Zn,…  - Hỏi: Người ta chia phân bón ra làm mấy nhóm chính?  + Phân hữu cơ gồm những loại nào?  + Phân hóa học gồm những loại nào?  + Phân vi sinh gồm những loại nào?  - Nhận xét và yêu cầu học sinh chia nhóm và thảo luận để hoàn thành bản  - Nhận xét | - HS đọc mục I và trả lời:  🡪 Phân bón là thức ăn do con người bổ sung cho cây trồng.  🡪 Vì phân bón có chứa các chất dinh dưỡng cần thiết cho cây trồng.  🡪 Đó là đạm, lân, kali.  - Học sinh lắng nghe.  🡪 Phân bón chia làm 3 nhóm chính: phân hữu cơ, phân hóa học và phân vi sinh.  🡪 Gồm: phân chuồng, phân bắc, phân rác, phân xanh, than bùn và khô dầu.  🡪 Gồm: phân lân, phân đạm, phân kali, phân đa lượng, phân vi lượng.  🡪 Gồm: phân bón có chứa vi sinh vật chuyển hóa đồng, vi sinh vật chuyển hóa lân.  - Học sinh thảo luận nhóm và hoàn thành bảng.   |  |  | | --- | --- | | Nhóm phân bón | Loại phân bón | | Phân hữu cơ  Phânhóa học  Phân vi sinh | a, b, e, g, k, l, m.  c, d, h, n.  i |   - Đại diện nhóm trả lời, nhóm khác bổ sung. | **I. Phân bón là gì?**    Phân bón là thức ăn do con người bổ sung cho cây trồng.  Các chất dinh dưỡng chính có trong phân bón là đạm (N), lân (P), kali (K). Có 3 nhóm phân bón là phân hữu cơ, phân hóa học và phân vi sinh |

**Hoạt động 3** :**Tác dụng của phân bón.(12’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Yêu cầu học sinh quan sát hình 6 SGK hỏi: Phân bón có ảnh hưởng thế nào đến đất, năng suất cây trồng và chất lượng nông sản?  \_ Giáo viên nhận xét.  \_ Giáo viên giải thích thêm thông qua hình 6 : Nhờ phân bón mà có nhiều chất dinh dưỡng hơn nên cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt, đạt năng suất cao và chất lượng nông sản cũng cao hơn.  + Vậy bón phân cho đất càng nhiều càng tốt phải không? Vì sao?  - Tiểu kết, ghi bảng | - Học sinh quan sát hình và trả lời:  Phân bón làm tăng độ phì nhiêu của đất, tăng năng suất và chất lượng nông sản.  \_ Học sinh lắng nghe.  🡪 Không, vì khi bón phân quá liều lượng, sai chủng loại, không cân đối giữa các loại phân nhất là phân hóa học thì năng suất cây trồng không những không tăng mà có khi còn giảm.  - Học sinh ghi bài. | **II. Tác dụng của phân bón**:  Phân bón làm tăng độ phì nhiều của đất, tăng năng suất cây trồng và tăng chất lượng nông sản. |

**4.Củng cố(2p’)**

- Gọi HS đọc ghi nhớ

- Hỏi: Phân bón là gì? Phân hữu cơ gồm những loại nào?

Bón phân vào đất có tác dụng gì?

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài,

-Trả lời lại các câu hỏi

- Đọc và chuẩn bị trước bài 8.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

* **Bổ sung**

**BÀI 8 : Thực hành: NHẬN BIẾT MỘT SỐ LỌAI**

**PHÂN HÓA HỌC THÔNG THƯỜNG**

**I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức Nhận biết được một số loại phân hóa học thông thường.

2. Kĩ năng: Rèn luyện kỹ năng quan sát, thực hành và thảo luận nhóm.

3. Thái độ: Có ý thức cẩn thận trong thực hành và bảo đảm an toàn lao động.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: Phương pháp: vấn đáp. Thảo luận nhóm

- HS: Mẫu phân hóa học, ống nghiệm. Đèn cồn, than củi. Kẹp sắt gấp than, thìa nhỏ.Diêm, nước sạch.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**2. Kiểm tra 3’** : Vì sao phải cải tạo đất? Người ta thường dùng những biện pháp nào để cải tạo đất?

**3. Bài mới**

**GT** 1’ : Muốn cây trồng đạt năng suất cao người nông dân cần bổ sung thức ăn cho cây bằng cách bón phân vào đất. Tuy nhiên điều quan trọng là phải bón như thế nào là hợp lí cho từng loại cây trồng. Vì vậy việc nhận biết một số loại phân hóa học thông thường là rất cần thiết.

**Hoạt động 1: Vật liệu và dụng cụ cần thiết. (3’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Yêu cầu 1 học sinh đọc to phần I trang 18 SGK.  - Giáo viên kiểm tra dụng cụ thực hành của HS  - Giáo viên chia nhóm thực hành cho học sinh. . | - Một học sinh đọc to phần I.  - Để dụng cụ cho GV kiểm tra  - Học sinh chia nhóm thực hành theo chỉ dẫn của giáo viên . | **I. Vật liệu và dụng cụ cần thiết**:  - Mẫu phân hóa học, ống nghiệm.  - Đèn cồn, than củi.  - Kẹp sắt gấp than, thìa nhỏ.  - Diêm, nước sạch. |

**Hoạt động 2: Quy trình thực hành. (7’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Yêu cầu học sinh đọc 3 bước phần 1 SGK trang 18.  - Giáo viên hướng dẫn và làm mẫu cho học sinh xem  - Yêu cầu học sinh xác định nhóm phân hòa tan và không hòa tan.  - Yêu cầu học sinh đọc 2 bước ở mục 2 SGK trang 19.  - Giáo viên hướng dẫn và làm mẫu..  - Yêu cầu học sinh đọc to phần 3 trang 19.  - Yêu cầu học sinh xem mẫu và nhận dạng ống nghiệm nào chứa phân lân, ống nghiệm nào chứa vôi.  - Yêu cầu học sinh viết vào tập. | - Một học sinh đọc to 3 bước.  - Học sinh quan sát và tiến hành thực hành.  - Học sinh xác định.  - Học sinh đọc to phần 2.  - Học sinh quan sát  - Một học sinh đọc to thông tin mục 3  - Học sinh xác định.  - Học sinh ghi bài. | **II. Quy trình thực hành**:  1.Phân biệt nhóm phân bón hòa tan và nhóm ít hoặc không hòa tan:  2. Phân biệt trong nhóm phân bón hòa tan:  3. Phân biệt trong nhóm phân bón ít hoặc không hòa tan: |

**Hoạt động 3** : **Thực hành.(27’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Yêu cầu nhóm thực hành  - Sau đó yêu cầu học sinh kẻ bảng mẫu vào vở và nộp bài thu hoạch cho giáo viên. | - Các nhóm thực hành –  - Học sinh kẻ bảng và nộp bài thu hoạch cho giáo viên. | **III. Thực hành** |

**4.Củng cố(2p’)**

- Thu báo cáo.

- Cho học sinh nêu lại cách thực hành và nhận dạng từng loại phân

- Nhận xét giờ thực hành

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về nhà học bài và xem trước bài 9.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

* **Bổ sung**

**===================================================**

**BÀI 9: CÁCH SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN**

**CÁC LẠO PHÂN BÓN THÔNG THƯỜNG**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Hiểu được các cách bón phân, cách sử dụng và bảo quản các loại phân bón thông thường.

2. Kĩ năng: Rèn luyện kỹ năng quan sát, phân tích.

3. Thái độ: Có ý thức tiết kiệm và bảo vệ môi trường khi sử dụng phân bón.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: Các hình 7, 8, 9, 10 ( nếu có) . Chuẩn bị nôi dung SGK và SGV

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**2. Kiểm tra**

**3. Bài mới**

**GT** 1’ : Trong trồng trọt, phân bón là một yếu tố không thể thiếu được. Do đó chúng ta phải biết cách sử dụng và bảo quản phân bón. Đó là nội dung của bài hôm nay.

**Hoạt động 1:** **Cách bón phân (15’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Yêu cầu học sinh đọc thông tin mục I SGK và hỏi:  + Căn cứ vào thời điểm bón phân người ta chia ra mấy cách bón phân?  + Thế nào là bón lót? Bón lót nhằm mục đích gì?  + Thế nào là bón thúc?  + Căn cứ vào hình thức bón phân người ta chia ra mấy cách bón phân? Là những cách nào?  - Nhận xét  - Yêu cầu học sinh chia nhóm, thảo luận và hoàn thành các hình trên bảng.  - Giáo viên nhận xét, tổng kết . | - Học sinh đọc và trả lời:  🡪 Người ta chia làm 2 cách bón: bón lót và bón thúc.  🡪 Bón lót là bón phân vào đất trước khi gieo trồng. Bón lót nhằm cung cấp chất dinh dưỡng cho cây con ngay khi nó mới bén rễ.  🡪 Bón thúc là bón phân trong thời gian sinh trưởng của cây.  🡪 Chia thành các cách bón: bón vãi, bón theo hàng, bón theo hốc hoặc phun trên lá.  - Học sinh chia nhóm, thảo luận.  Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung.  \* Theo hàng ( hình 7)  + Ưu: 1 và 9 + Nhược: 3  \* Theo hốc ( hình 8)  + Ưu: 1 và 9 + Nhược: 3  \* Bón vãi: ( hình9)  + Ưu: 6 và 9. + Nhược : 4  \* Phun trên lá: ( hình 10)  + Ưu: 1,2,5. + Nhược: 8.  - Học sinh lắng nghe và ghi bài. | **I. Cách bón phân**:    - Bón lót là bón phân vào đất trước khi gieo trồng nhằm cung cấp chất dinh dưỡng cần thiết cho cây con.  - Bón thúc là bón phân trong thời kì cây đang sinh trưởng nhằm đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của cây trong từng thời kì.    Có nhiều cách bón: Có thể bón vãi, bón theo hàng, bón theo hốc hoặc phun trên lá. |

**Hoạt động 2:** **Cách sử dụng các loại phân bón thông thường (10’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm và hoàn thành bảng.  - Giáo viên nhận xét.  + Hỏi: khi sử dụng phân bón cần chú ý đến điều gì?  - Tiểu kết, ghi bảng. | - Học sinh thảo luận nhóm và hoàn thành bảng.  \_ Đại diện nhóm trình bày, các nhóm còn lại bổ sung.  \_ Yêu cầu nêu được:  + Phân hữu cơ: bón lót.  + Phân N,P,K : bón thúc  + Phân lân: bón lót, bón thúc.  - Học sinh lắng nghe.  🡪 Cần chú ý đến đặc điểm của từng loại phân mà có cách sử dụng phù hợp.  - Học sinh ghi bài. | **II. Cách sử dụng các loại phân bón thông thường**:    \_ Phân hữu cơ: bón lót.  \_ Phân vô cơ: bón thúc.  \_ Phân lân:bón lót hoặc bón thúc  Khi sử dụng phân bón phải chú ý tới các đặc điểm của chúng. |

**Hoạt động 3** : **Bảo quản các loại phân bón thông thường. (15’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Yêu cầu học sinh đọc mục III và trả lời các câu hỏi: + Đối với phân hóa học ta phải bảo quản như thế nào?  + Vì sao không để lẫn lộn các loại phân bón với nhau?  + Đối với phân chuồng ta phải bảo quản như thế nào?  + Tại sao lại dùng bùn ao để trét kín đóng phân ủ?  - Giáo viên tổng kết giảng thêm. | - Học sinh đọc và trả lời:  🡪 Đối với phân hóa học có các biện pháp sau:  + Đựng trong chum, vại, sành đậy kín hoặc bọc kín bằng bao nilông.  + Để ở nơi khô ráo, thoáng mát.  + Không để lẫn lộn các loại phân bón với nhau.  🡪 Vì sẽ xảy ra phản ứng làm giảm chất lượng phân.  🡪 Có thể bảo quản tại chuồng nuôi hoặc lấy ra ủ thành đóng, dùng bùn ao trét kín bên ngoài.  🡪 Tạo điều kiện cho vi sinh vật phân giải phân hoạt động, hạn chế đạm bay đi và giữ vệ sinh môi trường.  - Học sinh lắng nghe.ghi bài. | **III.Bảo quản các loại phân bón thông thường**:    Để đảm bảo chất lượng phân bón cần phải có biện pháp bảo quản như:  + Đựng trong chum, vại, sành đậy kín hoặc bọc kín bằng bao nilông.  + Để ở nơi khô ráo, thoáng mát.  + Không để lẫn lộn các loại phân bón với nhau. |

**4.Củng cố(2p’)**

- Gọi HS đọc ghi nhớ

- Hỏi: Thế nào là bón lót, bón thúc? Phân hữu cơ thường dùng để bón lót hay bón thúc ? vì sao?

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài,

-Trả lời lại các câu hỏi

- Đọc và chuẩn bị trước bài 10.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

* **Bổ sung**

**===================================================**

**ÔN TẬP**

**KIỂM TRA 1 TIẾT**

**BÀI 10**: **VAI TRÒ CỦA GIỐNG VÀ PHƯƠNG PHÁP CHỌN TẠO GIỐNG CÂY TRỒNG**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: - Hiểu được vai trò của giống cây trồng.

- Nắm được một số tiêu chí của giống cây trồng tốt.

- Biết được các phương pháp chọn, tạo giống cây trồng.

2. Kĩ năng: Phân biệt được các phương pháp chọn tạo giống.

3. Thái độ: Có ý thức quý trọng, bảo vệ các giống cây trồng quý hiếm trong sản xuất.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: Hình 11,12,13,14 SGK phóng to.

Phương pháp: Trực quan, hỏi đáp tìm tòi, thảo luận nhóm.

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**2. Kiểm tra 4’:** Thế nào là bón lót, bón thúc?

Phân hữu cơ, phân lân thường dùng để bón lót hay bón thúc? Vì sao?

**3. Bài mới**

**GT** 1’ : Ông cha ta thường có câu “nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống” . nhưng ngày nay con người đã chủ động trong tưới tiêu nước, chủ động tạo và sử dụng phân bón, thì giống được đặt lên hàng đầu. Vậy giống cây trồng có vai trò như thế nào trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất trồng trọt và làm như thế nào để có giống tốt? Ta hãy vào bài mới.

**Hoạt động 1:** **Vai trò của giống cây trồng. (10’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Giáo viên cho HS quan sát hình 1 sgk hỏi:và hỏi:  + Nhìn vào hình 11a hãy cho biết thay giống cũ bằng giống mới năng suất cao có tác dụng gì?  + Hình 11b sử dụng giống mới ngắn ngày có tác dụng gì đối với các vụ gieo trồng trong năm?  + Nhìn hình 11c sử dụng giống mới ngắn ngày có ảnh hưởng như thế nào đến cơ cấu cây trồng?  + Giáo viên nhận xét,chốt lại kiến thức, ghi bảng. | - Học sinh quan sát, phân tích và trả lời:  🡪 Giống cây trồng là yếu tố quyết định đối với năng suất cây trồng.  🡪 Có tác dụng tăng các vụ gieo trồng trong năm.  🡪 Làm thay đổi cớ cấu cây trồng trong năm.  - Học sinh ghi bài. | **I. Vai trò của giống cây trồng**:    Giống cây trồng tốt có tác dụng làm tăng năng suất, tăng chất lượng nông sản, tăng vụ và làm thay đổi cơ cấu cây trồng trong năm. |

**Hoạt động 2:** **Tiêu chí của giống cây trồng. (10’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Yêu cầu học sinh chia nhóm, thảo luận 5 tiêu chí để chọn ra những giống cây trồng tốt.    - Giáo viên hỏi:  + Tại sao tiêu chí 2 không phải là tiêu chí của giống cây trồng tốt?  - Giáo viên giảng giải từng tiêu chí và hỏi:  + Tại sao người ta lại chọn tiêu chí là giống chống chịu sâu bệnh?  - Tiểu kết, ghi bảng. | - Học sinh thảo luận nhóm, cử đại diện trả lời, nhóm khác bổ sung.  🡪 Đó là tiêu chí : 1,3,4,5.  - Học sinh trả lời:  🡪 Giống có năng suất cao chưa hẳn là giống tốt mà giống có năng suất cao và ổn định mới là giống tốt.  - Học sinh lắng nghe và trả lời:  🡪 Nếu giống không chống chịu được sâu bệnh thì sẽ tốn nhiều công chăm sóc, năng suất và phẩm chất nông sản thấp.  - Học sinh ghi bài. | **II. Tiêu chí của giống cây trồng tốt**:  -Sinh trưởng tốt trong điều kiện khí hậu, đất đai và trình độ canh tác của địa phương.  - Có chất lượng tốt.  - Có năng suất cao và ổn định.  - Chống chịu được sâu bệnh. |

**Hoạt động 3** : **Phương pháp chọn tạo giống cây trồng. (15’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Giới thiệu về hương pháp chọn tạo giống cây trồng. Gọi HS đọc thông tin.  - Yêu cầu học sinh quan sát hình 12,13,14 và kết hợp đọc thông tin, thảo luận nhóm về 4 phương pháp đó và trả lời theo câu hỏi:  + Thế nào là phương pháp chọn lọc?  - Giáo viên nhận xét,giảng thêm.  - Yêu cầu học sinh quan sát hình 13 và cho biết:  + Cây dùng làm bố có chứa gì?  + Cây dùng làm mẹ có chứa gì?  + Thế nào là phương pháp lai?  - Giáo viên giải thích hình và ghi bảng.  - GV giảng giải cho HS hai phương pháp gây đột biến và nuôi cấy mô.  - GV hỏi:  + Theo em trong 4 phương pháp trên thì phương pháp nào được ứng dụng rộng rãi nhất hiện nay?  - Giáo viên chốt lại kiến thức. | - Lắng nghe. Đọc thông tin  Học sinh quan sát và thảo luận nhóm.  \_ Đại diện nhóm trả lời, nhóm khác bổ sung.  🡪 Từ nguồn giống khởi đầu (1) chọn các cây có đặc tính tốt, thu lấy hạt. Gieo hạt của các cây được chọn (2) và so sánh với giống khởi đầu (1) và giống địa phương (3). Nếu tốt hơn thì cho sản xuất đại trà.  - Học sinh lắng nghe, ghi bài.  - Học sinh quan sát và trả lời:  🡪 Có chứa hạt phấn.  🡪 Có chứa nhuỵ.  🡪 Lấy phân hoa cuả cây dùng làm bố thụ phân cho nhụy hoa của cây dùng làm mẹ. Sau đó lấy hạt của cây mẹ gieo trồng ta được cây lai. Chọn các cây lai có đặc tính tốt để làm giống.  - Học sinh lắng nghe và ghi bài.   1. Học sinh lắng nghe và ghi bải.   🡪 Đó là phương pháp chọn lọc.  - Học sinh lắng nghe. | **III. Phương pháp chọn lọc giống cây** **trồng**:   1. Phương pháp chọn lọc:   Từ nguồn giống khởi đầu (1) chọn các cây có đặc tính tốt, thu lấy hạt. Gieo hạt của các cây được chọn (2) và so sánh với giống khởi đầu (1) và giống địa phương (3). Nếu tốt hơn thì cho sản xuất đại trà.   1. Phương pháp lai:   Lấy phấn hoa của cây dùng làm bố thụ phấn cho nhụy hoa của cây dùng làm mẹ. Sau đó lấy hạt của cây mẹ gieo trồng ta được cây lai. Chọn các cây lai có đặc tính tốt để làm giống.  3. Phương pháp gây đột biến:  Sử dụng tác nhân vật lí .......................làm giống.  4. Phương pháp nuôi cấy mô: |

**4.Củng cố (3p’)**

- Giống có vai trò như thế nào trong trồng trọt?

- Có mấy phương pháp chọn tạo giống cây trồng? Hãy cho biết đặc điểm của phương pháp nuôi cấy mô.

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài,

-Trả lời lại các câu hỏi

- Đọc và chuẩn bị trước bài 11.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

================================

**BÀI 11: SẢN XUẤT VÀ BẢO QUẢN GIỐNG**

**CÂY TRỒNG**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Hiểu được quy trình sản xuất giống cây trồng. Biết cách bảo quản hạt giống.

2. Kĩ năng: Biết cách giâm cành, chiết cành, ghép cành. Biết cách bảo quản hạt giống.

3. Thái độ: Có ý thức bảo vệ giống cây trồng nhất là giống quý, đặc sản.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: Sơ đồ 3, hình 15, 16, 17 SGK

Phương pháp: Trực quan, hỏi đáp tìm tòi, thảo luận nhóm.

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**2. Kiểm tra 4’:** Giống cây trồng có vai trò như thế nào trong trồng trọt? Có mấy phương pháp chọn tạo giống cây trồng? Kể tên.

**3. Bài mới**

**GT** 1’ : Để có giống tốt dùng trong sản xuất thì ta phải biết cách sản xuất và bảo quản. Vậy làm sao để sản xuất giống tốt và bảo quản nó? Đó là nội dung của bài học hôm nay.

**Hoạt động 1:** **Sản xuất giống cây trồng. (20’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Gọi HS đọ mục 1 sgk.  Giáo viên hỏi:  + Sản xuất giống cây trồng nhằm mục đích gì?  - Yêu cầu học sinh quan sát sơ đồ 3 và cho biết:  + Quy trình sản xuất giống bằng hạt được tiến hành trong mấy năm? Nội dung công việc của từng năm là gì?  - Giáo viên giảng giải cho học sinh thế nào là giống nguyên chủng, siêu nguyên chủng.  - Giáo viên chốt lại kiến thức, ghi bảng.  - Yêu cầu học sinh chia nhóm, quan sát hình 15,16,17 và thảo luận câu hỏi:  + Hãy cho biết đặc điểm của các phương pháp giâm cành, chiết cành, ghép mắt.  - Giáo viên nhận xét, bổ sung và hỏi:  + Tại sao khi giâm cành người ta phải cắt bớt lại?  + Tại sao khi chiết cành người ta phải dùng nilông bó kín bầu đất lại?  - Giáo viên nhận xét, chốt lại kiến thức, ghi bảng. | - HS đọc  Học sinh trả lời:  🡪 Sản xuất giống cây trồng nhằm mục đích tạo ra nhiều hạt giống, cây con phục vụ gieo trồng.  - Học sinh quan sát và trả lời:  🡪 Có 4 năm:……..  - Học sinh lắng nghe.  - Học sinh ghi bài.  - Học sinh thảo luận nhóm. Đại diện nhóm trả lời, nhóm khác bổ sung.  - Yêu cầu phải nêu được:  + Giâm cành: từ cây mẹ cắt một đoạn đem giâm sau một thời gian cây ra rể.  + Chiết cành; bốc 1 khoanh vỏ trên cành, bó đất lại. Sau một thời gian ra rể thì cắt rời khỏi cây mẹ và đem trồng.  + Ghép mắt: là lấy mắt cuả cây này ghép vào cây khác.  - Học sinh trả lời:  🡪 Để giảm bớt cường độ thoát hơi nước giữ cho hom giống không bị héo.  🡪 Để giữ ẩm cho đất bó bầu và hạn chế sự xâm nhập của sâu bệnh.  - Học sinh ghi bài. | **I. Sản xuất giống cây trồng**:  1. Sản xuất giống cây trồng bằng hạt:  Hạt giống đã phục tráng đem gieo thành từng dòng. Lấy hạt của các dòng tốt nhất hợp lại thành giống siêu nguyên chủng rồi nhân lên thành giống nguyên chủng. Sau đó đem giống nguyên chủng ra sản xuất đại trà.  2. Sản xuất giống cây trồng bằng nhân giống vô tính:  - Giâm cành là từ 1 đoạn cành cắt rời khỏi thân mẹ đem giâm vào đất cát, sau một thời gian cành giâm ra rể.  - Chiết cành là bóc khoanh vỏ của cành sau đó bó đất. Khi cành đã ra rể thì cắt khỏi cây mẹ và trồng xuống đất.  - Ghép mắt: lấy mắt ghép ghép vào một cây khác (gốc ghép). |

**Hoạt động 2:** **bảo quản hạt giống cây trồng. (15’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Yêu cầu học sinh đọc mục II . Giải thích nguyên nhân gây ra hao hụt về số lượng hạt giốngvà hỏi:  + Tại sao phải bảo quản hạt giống cây trồng?  + Tại sao hạt giống đem bảo quản phải khô?  + Tại sao hạt giống đem bảo quản phải sạch, không lẫn tạp chất?  + Hạt giống thường có thể bảo quản ở đâu?  - Nhận xét, giảng thêm, chốt lại kiến thức. | - Học sinh đọc và trả lời:  🡪 Nếu như không bảo quản thì chất lượng hạt sẽ giảm và có thể mất khả năng nẩy mầm.  🡪 Để hạn chế sự hô hấp của hạt.  🡪 Nếu lẫn tạp chất thì chất lượng giống sẽ kém và các loại côn trùng sẽ dễ xâm nhập hơn.  🡪 Hạt giống có thể bảo quản trong chum, vại, bao, túi khí hoặc trong các kho đông lạnh.  - Học sinh ghi bài. | **II. Bảo quản hạt giống cây trồng:**  Có hạt giống tốt phải biết cách bảo quản tốt thì mới duy trì được chất lượng của hạt. Hạt giống có thể bảo quản trong chum, vại, bao, túi khí hoặc trong các kho đông lạnh. |

**4.Củng cố (3p’)**

- Cho biết quy trình sản xuất giống bằng hạt.

- Có những phương pháp nhân giống vô tính nào?

- Nêu những điều kiện cần thiết để bảo quản tốt hạt giống.

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài,

-Trả lời lại các câu hỏi

- Đọc và chuẩn bị trước bài 12.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

* **Bổ sung**

==========================================

**BÀI 12: SÂU BỆNH HẠI CÂY TRỒNG**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: - Biết được tác hại của sâu bệnh hại cây trồng.

- Hiểu được khái niệm côn trùng và bệnh cây.

2. Kĩ năng: - Nhận biết được các dấu hiệu của cây khi bị sâu bệnh phá hại.

- Hình thành những kỹ năng phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng.

3. Thái độ: Có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây trồng thường xuyên để hạn chế tác hại của sâu bệnh.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: Có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây trồng thường xuyên để hạn chế tác hại của sâu bệnh. Phương pháp: Trực quan, hỏi đáp tìm tòi.

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**2. Kiểm tra 3’:** Sản xuất giống cây trồng bằng hạt được tiến hành theo trình tự nào?

Thế nào là giâm cành, chiết cành, ghép mắt?

**3. Bài mới**

**GT** 1’ : Trong trồng trọt có nhiều nhân tố làm giảm năng suất và chất lượng nông sản, trong đó sâu, bệnh là 2 nhân tố gây hại nhiều nhất. Để hạn chế sâu bệnh hại cây trồng ta cần nắm vững các đặc điểm của sâu bệnh hại. Để hiểu rõ điều đó ta vào bài mới.

**Hoạt động 1:** **Tác hại của sâu bệnh. 8’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Yêu cầu học sinh đọc phần I SGK và trả lời các câu hỏi:  + Sâu, bệnh có ảnh hưởng như thế nào đến đời sống cây trồng?  + Em hãy nêu một vài ví dụ về ảnh hưởng của sâu bệnh hại đến năng suất và chất lượng nông sản mà em biết hay thấy ở địa phương.  - Giáo viên nhận xét, bổ sung.  - Giáo viên giảng thêm, ghi bảng. | - Học sinh đọc và trả lời:  🡪 Sâu, bệnh có ảnh hưởng xấu đến đời sống cây trồng. Khi bị sâu, bệnh phá hại, cây trồng sinh trưởng, phát triển kém, năng suất và chất lượng nông sản giảm thậm chí không cho thu hoạch.  - Học sinh cho ví dụ: Sâu ăn lá trên rau.  Học sinh lắng nghe, ghi bài. | **I. Tác hại của sâu, bệnh**:    Sâu, bệnh ảnh hưởng xấu đến sinh trưởng phát triển của cây trồng và làm giảm năng suất, chất lượng nông sản. |

**Hoạt động 2:** **Khái niệm về côn trùng và bệnh cây 28’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Yêu cầu học sinh đọc mục II.1 và trả lời các câu hỏi: + Côn trùng là gì?  + Vòng đời của côn trùng được tính như thế nào?  + Trong vòng đời , côn trùng trải qua các giai đoạn sinh trưởng, phát triển nào?  + Biến thái của côn trùng là gì?  - Yêu cầu học sinh chia nhóm, quan sát kĩ hình 18,19 và nêu những điểm khác nhau giữa biến thái hoàn toàn và biến thái không hoàn toàn?  - Mỗi câu hỏi, GV có nhận xét, Giáo viên giảng giải thêm khái niệm về côn trùng.  - GV hỏi: đối với côn trùng có hại thì phải xử lý thế nào?  - Đối với côn trùng có ích như Ong chẳng hạn thì chúng ta phải làm gì với chúng?  - Nhận xét kết hợp GDBVMT  - Yêu cầu học sinh đọc thông tin mục II và hỏi:  + Thế nào là bệnh cây?  + Hãy cho một số ví dụ về bệnh cây.  - Giáo viên nhận xét, bổ sung.  - Giáo viên cho HS quan sát H20 trả lời các câu hỏi:  + Ở những cây bị sâu, bệnh phá hại ta thường gặp những dấu hiệu gì?  + Nhìn vào hình cho biết hình nào cây bị sâu và hình nào cây bị bệnh.  + Khi cây bị sâu, bệnh phá hại thường có những biến đổi về màu sắc, cấu tạo, trạng thái như thế nào?  - Giáo viên chốt lại kiến thức cho học sinh. | - Học sinh đọc thông tin và trả lời:  🡪 Côn trùng là lớp động vật thuộc ngành Chân khớp, cơ thể chia làm 3 phần: đầu, ngực, bụng. Ngực mang 3 đôi chân và thường có 2 đôi cánh, đầu có 1 đôi râu.  🡪 Vòng đời của côn trùng là khoảng thời gian từ giai đoạn trứng đến giai đoạn trưởng thành và lại đẻ trứng.  🡪 Qua các giai đoạn: trứng – sâu non – nhộng – trưởng thành hoặc trứng – sâu non – trưởng thành.  🡪 Biến thái là sự thay đổi cấu tạo, hình thái cuả côn trùng trong vòng đời.  - Học sinh chia nhóm và thảo luận , nêu ra sự khác nhau:  + Biến thái hoàn toàn phải trải qua 4 giai đoạn: trứng – sâu non – nhộng – trưởng thành.  + Biến thái không hoàn toàn chỉ trải qua 3 giai đoạn: trứng – sâu non- trưởng thành.  - Học sinh lắng nghe.  - Phòng trừ và tiêu diệt nếu phát hiện.  - TL: Phải bảo vệ chúng, bảo vệ chúng xem như chúng ta tự bảo vệ mùa màng, cân bằng hệ sinh thái.  🡪 Bệnh cây là trạng thái không bình thường về chức năng sinh lí, cấu tạo và hình thái cả cây dưới tác động của VSV gây bệnh và điều kiện sống không bình thường.  - Học sinh cho một số ví dụ: nắng hạn làm cây thiếu nước bị héo.  - Học sinh ghi bài.  - Học sinh thảo luận nhóm và trả lời:  🡪 Thường có những biến đổi về màu sắc, hình thái,cấu tạo….  - Yêu cầu nêu được:  + Bị sâu: a,b,h.  + Bệnh: c,d,e,g.  🡪 Cây trồng thường thay đổi:  + Cấu tạo hình thái: biến dạng lá, quả, gãy cành, thối cũ, thân cành sần sùi.  + Màu sắc: trên lá, quả có đốm nâu, đen, vàng….  + Trạng thái: cây bị héo rũ.  - Học sinh lắng nghe, ghi bài | **III. Khái niệm về côn trùng và bệnh cây:**  1. Khái niệm về côn trùng:  Côn trùng là lớp động vật thuộc ngành Chân khớp, cơ thể chia làm 3 phần: đầu, ngực, bụng. Ngực mang 3 đôi chân và thường có 2 đôi cánh, đầu có 1 đôi râu.    Biến thái của côn trùng là sự thay đổi cấu tạo, hình thái của côn trùng trong vòng đời.    Có 2 loại biến thái:  + Biến thái hoàn toàn.  + Biến thái không hoàn toàn.  2. Khái niệm về bệnh cây:  Bệnh cây là trạng thái không bình thường của cây do VSV gây hại hoặc điều kiện sống bất lợi gây nên.  3. Một số dấu hiệu của cây trồng bị sâu, bệnh phá hại:  Khi bị sâu bệnh phá hại màu sắc, cấu tạo, hình thái các bộ phận của cây bị thay đổi. |

**4.Củng cố (3p’)**

- Em hãy nêu tác hại của sâu, bệnh.

- Trình bày khái niệm về côn trùng và bệnh cây.

- Dấu hiệu nào chứng tỏ cây trồng bị sâu, bệnh phá hại?

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài,

-Trả lời lại các câu hỏi

- Đọc và chuẩn bị trước bài 13.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

* **Bổ sung**

**BÀI 13: PHÒNG TRỪ SÂU, BỆNH HẠI**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Biết được các nguyên tắc phòng trừ sâu bệnh.

Hiểu được các phương pháp phòng trừ sâu bệnh.

2. Kĩ năng: Có khả năng vận dụng các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại trong sản xuất.

3. Thái độ: Có ý thức bảo vệ cây trồng, đồng thời bảo vệ môi trường sống.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: Hình 21,22 (nếu có). Thanh khảo nội dung sgk và sgv

Phương pháp: vấn đáp.Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**2. Kiểm tra 3’:** Thế nào là biến thái của côn trùng? Phân biệt 2 loại biến thái.

Nêu những dấu hiệu thường gặp ở cây bị sâu, bệnh phá hại.

**3. Bài mới**

**GT** 1’ : Sâu, bệnh ảnh hưởng xấu đến sinh trưởng, phát triển của cây trồng và làm giảm năng suất, chất lượng nông sản. Vậy làm thế nào để phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng? Đây là nội dung của bài học hôm nay chúng ta tìm hiểu.

**Hoạt động 1:** **Nguyên tắc phòng trừ sâu, bệnh hại. 11’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Yêu cầu học sinh đọc mục I và trả lời các câu hỏi:  + Khi tiến hành phòng trừ sâu, bệnh cần đảm bảo các nguyên tắc nào?  + Nguyên tắc “ phòng là chính” có những lợi ích gì?  + Em hãy kể một số biện pháp phòng mà em biết.  + Trừ sớm, trừ kịp thời là như thế nào?  + Sử dụng tổng hợp các biện pháp phòng trừ là như thế nào?  - Nhận xét  - Giáo viên giảng giải thêm cho học sinh hiểu rõ hơn về các nguyên tắc đó. | - Học sinh đọc và trả lời: Cần đảm bảo các nguyên tắc sau:  + Phòng là chính.  + Trừ sớm, trừ kịp thời, nhanh chóng và triệt để.  + Sử dụng tổng hợp các biện pháp phòng trừ.  🡪 Ít tốn công, cây sinh trưởng tốt, sâu bệnh ít, giá thành thấp.I1  🡪 Như: làm cỏ, vun xới, trồng giống kháng sâu bệnh, luân canh,…  🡪 Khi cây mới biểu hiện bệnh sâu thì trừ ngay, triệt để để mầm bệnh không có khả năng gây tái phát.  🡪 Là phối hợp sử dụng nhiều biện pháp với nhau để phòng trừ sâu, bệnh hại.  - Học sinh lắng nghe. Ghi bài | **I. Nguyên tắc phòng trừ sâu bệnh hại:**  Cần phải đảm bảo các nguyên tắc:  - Phòng là chính.  - Trừ sớm, trừ kịp thời, nhanh chóng và triệt để.  - Sử dụng tổng hợp các biện pháp phòng trừ. |

**Hoạt động 2:** **Các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại 25’’**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| - Giáo viên hỏi:  + Có mấy biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại?  - Chia nhóm học sinh, yêu cầu thảo luận và hoàn thành bảng.  \_ Giáo viên tổng hợp ý kiến các nhóm và đưa ra đáp án:   |  | | --- | | - Vệ sinh đồng ruộng.Làm đất.  - Gieo trồng đúng thời vụ.  - Chăm sóc kịp thời, bón phân hợp lí.  - Luân phiên các loại cây trồng khác nhau trên một đơn vị diện tích.  \_ Sử dụng giống kháng sâu bệnh. |   - yêu cầu học sinh quan sát hình 21 và 22 sgk và trả lời:  + Thế nào là biện pháp thủ công?  + Em hãy nêu các ưu và nhược điểm của biện pháp thủ công trong phòng trừ sâu, bệnh.  -Giáo viên nhận xét, ghi bảng.  - Nhóm cũ thảo luận và trả lời các câu hỏi:  + Nêu lên các ưu và nhược điểm của biện pháp hoá học trong công tác phòng trừ sâu, bệnh.  - Giáo viên nhận xét và hỏi tiếp:  + Khi sử dụng biện pháp hóa học cần thực hiện các yêu cầu gì?  - Yêu cầu học sinh quan sát hình 23 và trả lời:  + Thuốc hóa học được sử dụng trừ sâu bệnh bằng những cách nào?  - GV nhận xét, giảng thêm  - Yêu cầu 1 học sinh đọc to mục 4,5và hỏi:  + Thế nào là biện pháp sinh học?  + Thế nào là biện pháp kiểm dịch thực vật?  - Giáo viên nhận xét, bổ sung, giải thích thêm.  - Hỏi: trong các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại.Biện pháp nào theo em cần được ưu tiên?  - Nếu như cây trồng đang bị bệnh thì biện pháp nào cần được ưu tiên?  - Nhận xét, kết hợp GDBVMT.Tuy nhiên, GV chỉ ra những trường hợp ngộ độc thực phẩm | - Học sinh trả lời:  🡪 Có 5 biện pháp: (kể tên)  - Học sinh thảo luận nhóm và hoàn thành bảng. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung.   |  | | --- | | - Trừ mầm mống sâu bệnh. nơi ẩn náu.  - Để tránh thời kì sâu, bệnh phát sinh mạnh.  - Để tăng sức chống chịu cho cây.  - Làm thay đổi điều kiện sống và nguồn thức ăn cuả sâu, bệnh.  \_ Hạn chế được sâu, bệnh xâm nhập gây hại. |   -Học sinh quan sát và trả lời:  🡪 Dùng tay bắt sâu hay cắt bỏ những cành, lá bị bệnh. Ngoài ra còn dùng vợt, bẩy đèn, bả độc để diệt sâu hại.  🡪 Học sinh nêu:  + Ưu: đơn giản, dễ thực hiện, có hiệu quả khi sâu bệnh mới phát sinh.  + Nhược: hiểu quả thấp, tốn công.  - Học sinh lắng nghe, ghi bài.  - Đại diện nhóm trả lời, nhóm khác bổ sung.  🡪 Học sinh nêu:  + Ưu: diệt sâu, bệnh nhanh, ít tốn công.  + Nhược: gây độc cho người, cây trồng, vật nuôi, làm ô nhiểm môi trường (đất, nước, không khí), giết chết các sinh vật khác ở ruộng.  - Học sinh trả lời:  🡪 Cần đảm bảo các yêu cầu:  + Sử dụng đúng loại thuốc, nồng độ và liều lượng.  + Phun đúng kỹ thuật.  - Học sinh quan sát và trả lời:  🡪 Được dùng bằng các cách:  + Phun thuốc: (hình 23a)  + Rắc thuốc vào đất (hình 23b)  + Trộn thuốc vào hạt giống (hình 23c)  - 1 học sinh đọc to và trả lời:  🡪 Sử dụng một số sinh vật như nấm, chim, ếch, các chế phẩm sinh học để diệt sâu hại.  - Học sinh trả lời:  🡪 Là sử dụng hệ thống các biện pháp kiểm tra, xử lí những sản phẩm nông, lâm nghiệp khi xuất nhập khẩu hoặc vận chuyển từ vùng này sang vùng khác nhằm ngăn chặn sự lây lan của sâu bệnh hại nguy hiểm.  - Học sinh lắng nghe. ghi bài  - TL: Biện pháp sử dụng giống chống sâu bệnh hại với biện pháp sinh học.  - TL: Biện pháp hóa học | **II. Các biện pháp phòng trừ sâu,bệnh hại**:  1. Biện pháp canh tác và sử dụng giống chống chịu sâu, bệnh hại:  Có thể sử dụng các biện pháp phòng trừ như:  \_ Vệ sinh đồng ruộng, làm đất.  \_ Gieo trồng đúng kỹ thuật.  \_ Luân canh.  \_ Chăm sóc kịp thời, bón phân hợp lí.  \_ Sử dụng giống chống chịu sâu bệnh.  2. Biện pháp thủ công:  Dùng tay bắt sâu hay vợt, bẩy đèn, bả độc để diệt sâu hại.  3. Biện pháp hóa học:  Sử dụng thuốc hóa học để trừ sâu bệnh bằng cách: phun thuốc, rắc thuốc vào đất, trộn thuốc vào hạt giống.  4. Biện pháp sinh học:  Dùng các loài sinh vật như: ong mắt đỏ, bọ rùa, chim, ếch, các chế phẩm sinh học để diệt sâu hại.  5. Biện pháp kiểm dịch thực vật:  Là sử dụng hệ thống các biện pháp kiễm tra, xử lí những sản phẩm nông lâm nghiệp nhằm ngăn chặn sự lây lan của sâu, bệnh hại nguy hiểm. |

**4.Củng cố (3p’)**

- Hãy nêu lên các nguyên tắc phòng trừ sâu, bệnh hại.

- Nêu lên đặc điểm của các biện pháp phòng trừ sâu bệnh.

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài

-Trả lời lại các câu hỏi

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

* **Bổ sung**

**BÀI 14: Thực hành**

**NHẬN BIẾT MỘT SỐ LOẠI THUỐC VÀ NHÃN HIỆU CỦA THUỐC TRỪ SÂU, BỆNH HẠI**

**I.MỤC TIÊU**

* 1. ***Kiến thức:***

- Nhận biết được một số loại thuốc ở dạng bột, bột thấm nước, hạt và sữa.

- Đọc được nhãn hiệu của thuốc (độ độc của thuốc, tên thuốc….)

* 1. ***Kỹ năng:***
* Nhận biết được độ độc của thuốc qua kí hiệu, biểu thị trên nhãn hiệu thuốc trên bao bì.
* Nhận biết được tên thuốc, hàm lượng chất độc và dạng thuốc qua kí hiệu ghi ở nhãn trên bao bì.
* Nhận biết được dạng thuốc như bột thấm nước, bột hòa tan trong nước, thuốc dạng hạt, thuốc dạng sữa, thuốc nhũ dầu qua đặc điểm thuốc trong bao bì và kí hiệu dạng thuốc trên bao bì.
  1. ***Thái độ:*** Có ý thức bảo đảm an toàn khi sử dụng thuốc phòng trừ sâu, bảo vệ môi trường.

1. ***.Chuẩn bị***

***1. Giáo viên:***

- Tham khảo chuẩn kiến thức, kĩ năng và phương pháp tích hợp giáo dục môi trường.

- Các mẫu thuốc trừ sâu ở dạng bột, hạt, sữa. Chuẩn bị 3 nhãn thuốc có các kí hiệu rất độc, độc cao và cẩn thận.

**2*. Học sinh*:**  Xem trước bài 14: Chuẩn bị 3 vỏ thuốc có các kí hiệu rất độc, độc cao và cẩn thận.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**2. Kiểm tra 3’: Cho biết các nguyên tắc phòng trừ sâu, bệnh hại? Thế nào là phòng là chính?**

**3. Bài mới**

**GT** 1’ Người ta thường sử dụng thuốc hóa học trừ sâu, bệnh hại bằng cách phun trên lá, rải vào đất, trộn vào hạt giống. Vậy làm thế nào để nhận biết các loại thuốc hóa học đó và nhãn thuốc trước khi sử dụng? . Đây là nội dung của bài thực hành hôm nay.

**Hoạt động 1: Vật liệu và dụng cụ cần thiết**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Yêu cầu HS đọc to phần I SGK  - Giáo viên đưa ra một số mẫu và giới thiệu cho học sinh. | - HS đọc phần I SGK  - HS quan sát và lắng nghe giới thiệu. | **I. Vật liệu và dụng cụ cần thiết**:  - Các mẫu thuốc: dạng bột, bột không thấm nước, dạng hạt và sữa.  - Một số nhãn thuốc của 3 nhóm độc. |

**Hoạt động 2:** **Quy trình thực hành**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Giáo viên phân chia nhóm thực hành.  - Yêu cầu 3 học sinh đọc nhóm độc 1, 2, 3.  - Qua quan sát hình SGK yêu cầu các nhóm phân biệt mẫu đang cầm trên tay thuốc là nhóm nào?  - Giáo viên giảng:  Mẫu các em cầm trên tay gồm có tên sản phẩm, hàm lượng chất, tác dụng của thuốc và dạng thuốc.  - GV phân tích ví dụ SGK trang 34.  - Yêu cầu 1 học sinh đọc to phần II.2.  - GV chỉ rõ các từ viết tắt của một số dạng thuốc.  - GV cho HS quan sát một số từ viết tắt của một số loại thuốc.  Yêu cầu mỗi nhóm xác định tên thuốc, dạng thuốc, nhóm độc.  - Chú ý theo dõi các nhóm xác định chưa đúng theo yêu cầu.  - Yêu cầu các nhóm trao đổi kết quả thực hành và chấm điểm chéo. Sau đó nộp lại cho giáo viên. | - Học sinh chia nhóm.  - Học sinh đọc to 3 nhóm độc.  - Nhóm quan sát và xác định.  - Học sinh lắng nghe.  - Chú ý- Các nhóm tiến hành xác định tên thuốc theo yêu cầu.  - Các nhóm thực hiện theo hướng dẫn của giáo viên.  - Các nhóm thực hiện theo yêu cầu. quan sát | **II. Quy trình thực hành**:  ***1. Nhận biết nhãn hiệu thuốc trừ sâu, bệnh hại:***  ***a. Phân biệt độ độc:***  - Nhóm độc 1: “ Rất độc”, “ Nguy hiểm” kèm theo đầu lâu xương chéo trong hình vuông đặt lệch, hình tượng màu đen trên nền trắng. Có vạch màu đỏ dưới cùng nhãn.  - Nhóm độc 2: “ Độc cao” kèm theo chữ thập màu đen trong hình vuông đặt lệch, hình tượng màu đen trên nền trắng. Có vạch màu vàng ở dưới cùng nhãn.  - Nhóm độc 3: “ Cẩn thận” kèm theo hình vuông đặt lệch có vạch rời, vạch màu xanh nước biển ở dưới nhãn.  ***b. Tên thuốc:***  Bao gồm: tên sản phẩm, hàm lượng chất tác dụng, dạng thuốc, công dụng, cách sử dụng….  ***2. Quan sát một số dạng thuốc:***  - Thuốc bột thấm nước.  - Thuốc bột hòa tan trong nước.  - Thuốc hạt.  - Thuốc sữa.  **III. Thực hành**:  - Nhận biết nhãn hiệu thuốc, nhóm độc.  - Nhận dạng được thuốc thuộc dạng nào? |

**4.Củng cố (3p’)**

- Hãy nêu cách nhận biết nhãn thuốc, dạng thuốc

- Nhận xét kết quả thực hành của các nhóm và thái độc thực hành

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Xem lại nội dung trong quy trình thực hành

- Chuẩn bị bài mới

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

* **Bổ sung**

**BÀI 15: LÀM ĐẤT VÀ BÓN PHÂN LÓT**

Ngày soạn:……………

Ngày dạy:……………..

**I. MỤC TIÊU**:

***1. Kiến thức:***

- Trình bày được mục đích của việc làm đất trồng trọt, các công việc làm đất đối với mục đích trồng trọt khác nhau.

- Giải thích được ý nghĩa của việc làm đất đối với sự sinh trưởng, phát triển của cây trồng, đối với cỏ dại và sâu hại.

- Phân biệt được cách làm đất, yêu cầu kĩ thuật làm đất đối với cây trồng nước và cây trồng cạn.

- Kể ra được dụng cụ truyền thống và hiện đại để làm đất trồng lúa, trồng màu ở địa phương; nêu ưu, nhược điểm của việc sử dụng mỗi loại dụng cụ đó.

- Mô tả được quy trình lên luống và yêu cầu về độ cao, chiều rộng mặt luống tùy theo địa hình và loại cây.

- Kể được những loại phân thường dùng bón lót ở địa phương, kể được cách bón lót để sử dụng triệt để chất dinh dưỡng của phân bón.

***2. Kỹ năng:*** Rèn kỹ năng quan sát và thực hiện công việc theo quy trình.

***3. Thái độ:*** Có ý thức cùng gia đình thực hiện làm đất, bón phân cho cây trồng ở vườn gia đình để đảm bảo cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt.

**II. Chuẩn bị**

***1. Giáo viên:***

- Tham khảo chuẩn kiến thức, kĩ năng và phương pháp tích hợp giáo dục môi trường.

- Tài liệu liên quan về kĩ thuật làm đất và bón phân.

- Bảng phụ.

***2. Học sinh:*** Xem trước bài 15: Ở địa phương em làm đất làm những công việc gì?

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**2. Kiểm tra 3’: Nhắc lại cách nhận biết nhãn thuốc, dạng thuốc**

**3. Bài mới**

**GT** 1’ Trong chương trước chúng ta đã nghiên cứu về cơ sở của trồng trọt. Đó là đất trồng, phân bón, giống cây trồng và bảo vệ cây trồng. Trong chương này, ta sẽ nghiên cứu quá trình sản xuất một số loại cây trồng. Quá trình đó phải làm những việc gì và thực hiện theo trình tự như thế nào? Việc đầu tiên đó là làm đất và bón phân lót.

**Hoạt động 1: Làm đất nhằm mục đích gì?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Cho 1 học sinh đọc to phần I SGK.  - Giáo viên nêu ví dụ: Có 2 thửa ruộng , một thửa ruộng đã được cày bừa và thửa ruộng chưa cày bừa.  - Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi sau:  Hãy so sánh giữa 2 thửa ruộng đó về:   * Tình hình cỏ dại. * Tình trạng đất. * Sâu, bệnh. * Mức độ phát triển.   - Gọi đại diện nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung  + Hãy cho biết làm đất nhằm mục đích gì?  - Tiểu kết, ghi bảng | - Một học sinh đọc thông tin.  - Học sinh lắng nghe.  - Học sinh thảo luận nhóm và cử đại diện trả lời về ruộng được cày bừa thì:  🡪 Cỏ dại không phát triển mà bị diệt, đất tơi xốp, sâu, bệnh bị tiêu diệt, tạo điều kiện cho cây sinh trưởng, phát triển tốt hơn ruộng chưa cày bừa.  - Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung.  🡪 Làm đất có tác dụng làm cho đất tơi xốp, tăng khả năng giữ nước, chất dinh dưỡng, đồng thời còn diệt cỏ dại và mầm sống sâu, bệnh, tạo điều kiện cho cây sinh trưởng, phát triển tốt.  - Học sinh ghi bài. | **I. Làm đất nhằm mục đích gì**?  Mục đích của việc làm đất là làm cho đất tơi xốp, tăng khả năng giữ nước, giữ chất dinh dưỡng, đồng thời còn diệt được cỏ dại và mầm mống sâu bệnh, tạo điều kiện cho cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. |

**Hoạt động 2:Tìm hiểu các công việc làm đất**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Giáo viên hỏi:  + Công việc làm đất bao gồm những công việc gì?  + Cày đất có tác dụng gì?  - Cho HS quan sát hình 25 và cho biết cày đất bằng những công cụ gì?  + Cày đất là làm gì? Và độ sâu như thế nào là thích hợp?  - Giáo viên giảng thêm:  Độ cày sâu phụ thuộc vào từng loại đất, loại cây vd:  + Đất cát không cày sâu.  + Đất sét cày sâu dần.  + Đất bạc màu cày sâu dần do tầng canh tác mỏng….  - GV chốt lại kiến thức, ghi bảng.  Bừa và đập đất có tác dụng gì?  - Em hãy cho biết người ta bừa và đập đất bằng công cụ gì .Phải đảm bảo những yêu cầu kĩ thuật nào?  - Tiểu kết, ghi bảng | - Học sinh trả lời:  🡪 Bao gồm các công việc: cày đất, bừa và đập đất, lên luống.  🡪 Làm đất tơi xốp, thoáng khí và vuỳi lấp cỏ dại.  🡪 Bằng các công cụ như: trâu, bò hay máy cày.  🡪 Cày đất là xáo trộn lớp đất mặt ở độ sâu từ 20 đến 30 cm.  - Học sinh lắng nghe.  🡪 Để làm nhỏ đất, thu gom cỏ dại trong ruộng, trộn đều phân và san bằng mặt ruộng.  🡪 Bằng công cụ: trâu, bò, máy bừa hoặc dụng cụ đập. Cần đảm bảo các yêu cầu: phải bừa nhiều lần cho đất nhỏ và nhuyễn.  - Học sinh ghi bài. | . **II. Các công việc làm đất**:  ***1. Cày đất:*** Là xáo trộn lớp đất mặt ở độ sâu từ 20 đến 30cm, làm cho đất tơi xốp, thoáng khí và vùi lấp cỏ dại.  ***2. Bừa và đập đất:***  Để làm nhỏ đất, thu gom cỏ dại trong ruộng, trộn đều phân và san bằng mặt ruộng.  ***3. Lên luống:***  Mục đích: Để dễ chăm sóc, chống ngập úng và tạo tầng đất dày cho cây sinh trưởng, phát triển.  Được tiến hành theo quy trình:  - Xác định hướng luống.  -Xác định kích thước luống.  - Đánh rãnh, kéo đất tạo luống.  - Làm phẳng mặt luống. |

**Hoạt động 3: Bón phân lót**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Yêu cầu học sinh đọc phần III và trả lời các câu hỏi:  + Bón phân lót thường dùng những loại phân gì?  + Tiến hành bón lót theo quy trình nào?  - Giáo viên giảng thêm các bước trong quy trình.  + Em hãy nêu cách bón lót phổ biến mà em biết.  - Tiểu kết, ghi bảng. | Học sinh đọc và trả lời:  🡪 Thường sử dụng phân hữu cơ và phân lân.  🡪 Theo quy trình:  + Rải phân lên mặt ruộng hay theo hàng, hốc cây.  + Cày, bừa hay lấp đất để vùi phân xuống dưới.  - Học sinh lắng nghe.  🡪 Bón vãi và tập trung theo hàng, hốc cây là phổ biến nhất.  - Học sinh ghi bài. | .   1. **Bón phân lót**   Sử dụng phân hữu cơ và phân lân theo quy trình sau:  - Rải phân lên mặt ruộng hay theo hàng, hốc cây.  - Cày, bừa hay lấp đất để vùi phân bón xuống dưới |

**4.Củng cố (3p’)**

- Cho biết các công việc làm đất và tác dụng của từng công việc.

- Nêu quy trình bón phân lót

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Học bài cũ

- Chuẩn bị bài mới

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

* **Bổ sung**

**BÀI 16 :GIEO TRỒNG CÂY NÔNG NGHIỆP**

Ngày soạn:……………

Ngày dạy:……………..

**1. MỤC TIÊU**

***1.1. Kiến thức:***

HS biết:

- Hoạt động 2, 3: mục đích kiểm tra, xử lý hạt giống và các căn cứ để xác định thời vụ

HS hiểu:

- Hoạt động 4: hiểu được các phương pháp gieo trồng.

***1.2. Kĩ năng:***

- HS thực hiện được: biết vận dụng kiến thức học được vào thực tế trong gia đình

- HS thực hiện thành thạo: kiểm tra và xử lý được 1 số hạt giống quen thuộc

***1.3 Thái độ:***

- Thói quen: yêu thích, khám phá học tập về gieo trồng cây nông nghiệp

- Tính cách: tự tin, trung thực

**II. Chuẩn bị**

***GV:*** - Hình 27, 28.

- Cách gieo trồng ở địa phương.

***HS*** : - ôn bài cũ, nghiên cứu bài và trả lời câu hỏi

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**2. Kiểm tra 3’**

**Câu 1**: Em hãy cho biết làm đất nhằm mục đích gì ?

**Câu 2**: Em hãy trình bày một số công việc làm đất ?

**3. Bài mới**

**GT** 1’ Chúng ta đã được thấy gieo trồng cây nông nghiệp trong cuộc sống hàng ngày, nhưng để hiểu được gieo trồng như thế nào có hiệu quả tốt nhất chúng ta sẽ nghiên cứu bài "Gieo trồng cây nông nghiệp

**Hoạt động 1: Tìm hiểu thời vụ gieo trồng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| ? Em hãy nêu các cây trồng ở địa phương em thừơng gieo trồng vào thời vụ trong năm  Gv: lấy ví dụ mỗi loại cây thích ứng một nhiệt độ : như­ lúa …  + Yếu tố khí hậu : nhiệt độ, độ ẩm.  Lúa : từ 250 -> 350, Cam : 230->290, Cà chua: 200->250, hoa hồng : 180-> 250.  + Loại cây trồng : Mỗi cây trồng có đặc điểm sinh học và yêu cầu ngoại cảnh khác nhau gieo trồng khác nhau.  + Sâu bệnh : Nên tránh những đợt sâu bệnh.  ? Trong các yêu tố trên yếu tố nào quyết định nhất đến thời vụ ? Vì sao ?  Gv: Kết luận  ? Hoàn thành thông tin vào bảng SGK ở mục 2. ? | - Học sinh trả lời theo tình hình địa phương mình  - HS lắng nghe  - HS trả lời  - HS lắng nghe và gi bài  - HS hoàn thành thông tin | **I. Thời vụ gieo trồng**  **1.Căn cứ để xác định thời vụ gieo trồng**.  -Dựa vào các yếu tố: khí hậu loại cây trồng, tình hình phát sinh sâu, bệnh ở mỗi điạ phương.  => Do đó yếu tố khí hậu là yếu tố quyết định.  **2 . Các thời vụ gieo trồng**.  - Vụ đông xuân: từ tháng 11 đến tháng 4, 5 năm sau trồng lúa, lạc, khoai, ngô.  - Vụ hè thu: từ tháng 4 ->7 trong năm : trồng lúa, ngô, khoai, lạc, đậu...  - Vụ mùa: Từ tháng 6 đến tháng 11 trong năm trồng lúa  - Vụ đông từ tháng 9 đến tháng 12 trong năm trồng ngô, khoai (chỉ có ở miền Bắc). |

**Hoạt động 2*:* Tìm hiểu phương pháp kiểm tra và xử lý hạt giống**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ? Tại sao phải kiểm tra hạt giống và kiểm tra để làm gì ?  ? Hạt giống cần đạt những tiêu chuẩn nào ?  ? Xử lý hạt giống nhằm mục đích gì ?  ? Có những phương pháp xử lý hạt giống nào ?  - GV nhận xét, kết luận | * HS trả lời   - HS trả lời | **II. Kiểm tra và xử lý hạt giống**.  **1. Mục đích kiểm tra hạt giống**.  - Đảm bảo hạt giống có chất lượng tốt, đủ tiêu chuẩn đem gieo.  - Kiểm tra hạt giống theo tiêu chuẩn :  +Tỷ lệ nẵy mầm cao, không có sâu bệnh, độ ẩm thấp.  +Không lẫn giống khác và cỏ dại.  + Kích thước hạt to.  **2. Mục đích và phương pháp xử lý hạt giống.**  Kích thích hạt giống nảy mầm nhanh, trừ sâu, bệnh hại ở hạt. Có 2 cách xử lý :  +Xử lý bằng nhiệt độ: Lúa 540, Ngô 400. |

**Hoạt động 3:Tìm hiểu phương pháp gieo trồng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| -  Gv : yêu cầu học sinh nghiên cứu thông tin trong sách giáo khoa.  ? Nếu ý nghĩa của kĩ thuật gieo trồng?? Mật độ gieo trồng còn phụ thuộc những yếu tố gì ?  ? Trung bình hạt được gieo trồng ở mật độ nào ?  Gv : treo tranh H. 27 hs quan sát và trả lời các câu hỏi sau  ? ở địa phương em thường trồng những loại cây gì ?  ? Trồng theo những phương pháp gieo hạt nào ?  ? Như thế nào là trồng cây bằng hạt, bằng hom ?  Gv : cho học sinh quan sát H. 28  ? Điền vào dấu … trong các H. 28  ? Em hãy kể một số cây được trồng bằng hạt, bằng hom và bằng củ.  - GV nhận xét và kết luận | - HS đọc thông tin  - HS trả lời  - HS quan sát tranh và trả lời  - HS lắng nghe, ghi bài | **III. Phương pháp gieo trồng.**  **1. Yêu cầu kĩ thuật**  Phải đảm bảo các yêu cầu kĩ thuật như sau :  + Bảo đảm đúng thời vụ, mật độ, khoảng cách, và độ nông, sâu.  **2. Phương pháp gieo trồng**.  -Gieo bằng hạt: Cây ngắn ngày (lúa, ngô, đỗ, rau…) và trong các vườn ­ươm..  + Gieo vãi : nhanh, ít tốn công, sỗ lượng hạt nhiều, nhưng chăm sóc khó khăn.  + Gieo hàng và gieo hốc : Tiết kiệm giống, chăm sóc dễ, tốn nhiều công.  - Trồng bằng cây con: áp dụng rộng rãi với nhiều loại cây trồng ngắn ngày và dài ngày.  - Trồng bằng củ và trồng bằng hom |

**4.Củng cố (3p’)**

? Vì sao cây trồng đúng thời vụ mới có năng suất cao ? Nước ta có những thời vụ nào trong năm ?

? Vì sao cần kiểm tra và xử lý hạt giống trước khi gieo? Muốn kiểm tra tỉ lệ nảy mầm người ta làm thế nào ?

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Học bài cũ

- Chuẩn bị bài mới

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

* **Bổ sung**

**Bài 17 : Thực hành**

**XỬ LÍ HẠT GIỐNG BẰNG NƯỚC ẤM**

**I. MỤC TIÊU:**

***1.1. Kiến thức***:

*H*S biết:

: +Cách xử lý hạt bằng nước ấm, làm được các thao tác xử lý đúng quy trình.

***1.2. Kĩ năng:***

- HS thực hiện được:xử lí hạt giống bằng nước ấm

***1.3 Thái độ:***

- Tính cách: tự tin, ham học hỏi, hợp tác trong hoạt động nhóm,

**II. CHUẨN BỊ** :

***Giáo viên:***:

+ Mẫu hạt lúa, ngô.

+ Muối ăn

+ Nước sạch

***Học sinh :***

Vật liệu và dụng cụ như trên

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**2. Kiểm tra 3’**

***Câu 1:*** *Thời vụ gieo trồng là gì? để xác định thời vụ cần phải dựa vào những yếu tố nào?*

***Câu 2:*** *em hãy nêu yêu cầu kĩ thuật và phương pháp gieo trồng?*

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - GV phân chia nhóm.  - Nêu mục tiêu của bài và yêu cầu cần đạt: biết cách xử lí hạt giống bằng nước ấm, làm được các thao tác xử lí hạt giống đúng quy trình  GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.  Phân công và giao nhiêm vụ cho các nhóm  - GV cho HS quan sát hình.  - Thao tác mẫu cho HS quan sát  - Gọi 1-2 HS thao tác lại  - Gọi đại diện nhóm khác nhận xét  - GV cho HS thực hành  - HS thu dọn vật liệu.  - Các nhóm tự đánh giá dựa trên kết quả quan sát được.  GV nhận xét sự chuẩn bị, quá trình thực hành và kết quả thực hành của các nhóm- cho điểm | - HS phân chia nhóm.  - Để vật liệu và dụng cụ lên bàn cho GV kiểm tra  - Nhận nhiệm vụ phân công.  - HS quan sát hình.  - HS quan sát thao tác của GV  - HS thao tác lại  - HS đại diện nhóm khác nhận xét  - HS thực hành theo hướng dẫn của GV  - HS thu dọn vật liệu.  - Các nhóm tự đánh giá dựa trên kết quả quan sát được | **I. Vật liệu và dụng cụ cần thiết (SGK)**  **II. Quy trình thực hành (SGK)**  - Bước 1 (SGK)  - Bước 2 (SGK)  - Bước 3 (SGK)  - Bước 4 (SGK)  **III. Thực hành**  **IV. Đánh giá kết quả** |

**4.Củng cố (3p’)**

- HS làm phần báo cáo kết quả thực hành

- GV kiểm tra học sinh thực hiện

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Học bài ghi quy trình thực hành

- Chuẩn bị bài mới

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

* **Bổ sung**

**BÀI 18: Thực hành**

Ngày soạn:……………

Ngày dạy:……………..

**XÁC ĐỊNH SỨC NẢY MẦM VÀ TỈ LỆ**

**NẢY MẦM CỦA HẠT GIỐNG**

**1. MỤC TIÊU:**

***1.1. Kiến thức***:

*H*S biết: .

+ Cách xác định sức nảy mầm và tỉ lệ nảy mầm của hạt giống, Làm được các bước đúng quy định.

***1.2. Kĩ năng:***

- HS thực hiện được:

+ Xác định được sức nảy mầm, tỉ lệ nảy mầm và xử lí hạt giống bằng nước ấm

- HS thực hiện thành thạo:

+ Tính được tỉ lệ nảy mầm, sức nảy mầm của hạt lúa, ngô, mẫu cần kiểm tra phản ánh sát thực chất lượng của hạt

***1.3 Thái độ:***

-Thói quen:

+ Vận dụng hiểu biết về kiểm tra hạt giống trước khi gieo trồng để xđ được tỉ lệ nảy mầm, sức nảy mầm của hạt giống, giúp gia đình quyết định sử dụng hoặc thay bằng hạt giống khác

- Tính cách: tự tin, ham học hỏi, hợp tác trong hoạt động nhóm,

**II. Chuẩn bị**

***GV:*** - Tranh quy trình thực hành

- Bảng: thời gian xác định SNM và TLNM của một số hạt giống

- Mẫu vật: hạt đậu xanh đã xử lý

-Dụng cụ: đĩa petri, khay nhựa, giấy thấm nước, bông gòn thấm nước, kẹp

***HS*** : SGK, phiếu học tập, đậu xanh đã gieo 4 ngày, 7 ngày

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**2. Kiểm tra 3’**

Em hãy trình bày quy trình xử lý hạt giống bằng nước ấm

**3. Bài mới**

**GT** 1’ Để kiểm tra chất lượng hạt going trước khi gieo , người ta tiến hành xác định sức nảy mầm và tỉ lệ nảy mầm của hạt giống đó. Muốn biết người ta xác định như thế nào , chúng ta cùng thực hành bài 18

**Hoạt động 1: Tìm hiểu vật liệu và dụng cụ cần thiết**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh  - Theo em để thực hành chúng ta cần những vật liệu gì?  - Chúng ta cần những dụng cụ gì? | - Các nhóm đặt mẫu vật và dụng cụ lên bàn  - HS nêu những vật liệu cần thiết  - HS gh phần vật liệu  - HS nêu những dụng cụ cần thiết  - HS ghi phần dụng cụ | **I. Vật liệu và dụng cụ cần thiết**  - Hạt đậu xanh đã xử lí  - Đĩa Petri, khay men hãy gỗ, giấy thấm nước hay nước lọc, vải thô hoặc bông. |

**Hoạt động 2*:* Hướng dẫn quy trình thực hành**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - GV treo tranh quy trình thực hành  - Theo em quy trình thực hành gồm mấy bước?  - GV thao tác mẫu theo đúng trình tự các bước  - GV treo bảng phụ giới thiệu công thức tính SNM và TLNM của hạt giống  - GV sử dụng khay đậu đã gieo 4 ngày để hướng dẫn HS xác định SNM và TLNM của hạt giống  - Theo em xác định SNM vào lúc nào?  - Theo e xác định tỉ lệ nảy mầm vào lúc nào? | * HS quan sát tranh   - HS trả lời cá nhân  - HS quan sát giáo viên làm mẫu  - HS lắng nghe và theo dõi sự giới thiệu của GV  - HS lắng nghe yêu cầu của GV | **II. Quy trình thực hành**  - Bước 1: Chọn mẫu để kiểm tra  - Bước 2: Chuẩn bị đĩa, khay gieo hạt  - Bước 3: Xếp hạt đã ngâm nước 24 giờ vào khay, đĩa..  - Bước 4: Tính SNM và TLNM của hạt giống. |

**Hoạt động 3:Thực hành theo quy trình**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| -  Gv : Nêu nhiệm vụ của HS  - Phát phiếu báo cáo kết quả thưc hành  - Yêu cầu HS thực hành theo nhóm  - Cho các nhóm nhận xét lẫn nhau  - GV nhận xét chung tiết thực hành  - Cho điểm các nhóm | - HS lăng nghe yêu cầ của GV  - Các nhóm nhận phiếu báo cáo kết quả thực hành  - Thực hành theo nhóm  - Thực hiện theo đúng quy trình đã hướng dẫn  - Mỗi nhóm tự đánh giá kết quả vào phiếu báo cáo  - Các nhóm nộp phiếu báo cáo kết quả thực hành | **III. Thực hành**    **IV: Đánh giá kết quả** |

**4.Củng cố (3p’)**

- HS đóng tập sách lại và làm phần báo cáo kết quả thực hành trong phiếu học tập

- GV kiểm tra HS thực hiện

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Học bài ghi quy trình thực hành

- làm các bài tập còn lại trong phiếu học tập

- Chuẩn bị bài mới

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

* **Bổ sung**

**BÀI 19: CÁC BIỆN PHÁP CHĂM SÓC CÂY TRỒNG**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Hiểu được mục đích và nội dung của các biện pháp chăm sóc cây trồng.

2. Kĩ năng: Có được những kỹ năng chăm sóc cây trồng.

3. Thái độ: Có ý thức trong việc bảo vệ và 2chăm sóc cây trồng.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: Hình 29,30 . Nghiên cứu sgk và sgv

Phương pháp: đàm thoại, thảo luận nhóm.

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**2. Kiểm tra 3’:** Nêu quy trình xử lý hạt giống bằng nước ấm?

**3. Bài mới**

**GT** 1’ : Để cây trồng sinh trưởng phát triển tốt đạt năng suất cao thì phải biến cách chăm sóc cây trồng. Vậy chăm sóc cây trồng như thế nào cho tốt? Bài 19 sẽ giải thích rõ điều này.

**Hoạt động 1:** **Tỉa, dặm cây.**5’

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung ghi bảng** |
| - Giáo viên hỏi:  + Tỉa cây nhằm mục đích gì? Nó có vai trò như thế nào?  + Em hãy cho một số ví dụ về tỉa và dặm cây.  - Giáo viên sửa, ghi bảng. | \_ Học sinh trả lời:  🡪 Mục đích: loại bỏ cây yếu, sâu bệnh.  + Vai trò: loại bỏ cây bệnh đảm bảo mật độ.  🡪 Học sinh cho ví dụ.  - Học sinh ghi bài. | **I. Tỉa, dặm cây:**  Tiến hành tỉa bỏ các cây yếu, bị sâu, bệnh và dặm cây khỏe vào chổ hạt không mọc, cây bị chết để đảm bảo khoảng cách, mật độ cây trên ruộng. |

**Hoạt động 2:** **Làm cỏ, vun xới 20’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Giáo viên hỏi:  + Làm cỏ nhằm mục đích gì và có vai trò như thế nào?  + Vun xới nhằm mục đích gì và vai trò như thế nào?  - Yêu cầu học sinh chia nhóm và thảo luận .  + Vậy mục đích của việc làm cỏ, vun xới là gì?  - Giáo viên sửa, bổ sung để hoàn thiện kiến thức và ghi bảng. | - Học sinh trả lời:  🡪 Học sinh trả lời:  + Mục đích: diệt hết cỏ dại mọc xen với cây trồng.  + Vai trò: loại bỏ cây hoang dại cạnh tranh chất dinh dưỡng và ánh sáng với cây trồng.  🡪 Học sinh nêu:  + Mục đích: thêm đất màu vào gốc cây, làm đất tăng thêm độ thoáng.  + Vai trò: giữ cho cây đứng vững, cung cấp chất dinh dưỡng cho cây, cung cấp oxi cho cây, hạn chế bốc hơi nước.  - Học sinh thảo luận nhóm, cử đại diện trả lời và nhóm khác bổ sung.  🡪 Yêu cầu nêu được:  + Diệt cỏ dại.  + Làm cho đất tơi xốp.  + Hạn chế bốc hơi nước, bốc mặn, bốc phèn.  + Chống đổ.  - Học sinh lắng nghe và ghi bài | **II. Làm cỏ, vun xới**:    Nhằm mục đích là:  - Diệt cỏ dại.  - Làm cho đất tơi xốp.  - Hạn chế bốc hơi nước, bốc mặn, bốc phèn.  - Chống đổ |

**Hoạt động 3:** **Tưới, tiêu nước.11**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung ghi bảng** |
| - Giáo viên hỏi:  + Tưới nước nhằm mục đích gì? Nó có vai như thế nào?  - Giáo viên nhận xét, ghi bảng.  - Giáo viên giới thiệu có 4 cách tưới:  + Tưới theo hàng, vào gốc cây.  + Tưới thấm.  + Tưới ngập.  + Tưới phun mưa.  - Chia nhóm học sinh, thảo luận và cho biết cách tưới, tiêu trong hình.  + Hãy nêu cách thực hiện các phương pháp trên.  - Giáo viên chốt lại kiến thức, ghi bảng.  + Cây trồng rất cần nước nhưng nếu thừa nước sẽ gây ra hậu quã gì?  - Giáo viên sửa và giảng thêm: | - Học sinh trả lời:  🡪 Cung cấp nước làm cho đất đủ độ ẩm.  + Vai trò: đảm bảo đủ nước để cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt.  - Học sinh nghe.  - Học sinh chia nhóm và thảo lụân.  cử đại diện trả lời và nhóm khác bổ sung.  + (a): tưới ngập.  + (b): tưới theo hàng, vào gốc cây.  + (c ): tưới thấm.  + (d): tưới phun mưa.  - Học sinh nêu:  + Tưới theo hàng, vào gốc cây.  + Tưới thấm: nước được đưa vào rãnh luống để thấm dần vào luống.  + Tưới ngập: cho nước ngập tràn mặt ruộng.  + Tưới phun mưa: nước được phun thành hạt nhỏ toả ra như mưa bằng hệ thống vòi tưới phun.  - Học sinh ghi bài.  🡪 Cây trồng sẽ bị ngập úng và có thể chết.  - Học sinh lắng nghe. | **II. Tưới, tiêu nước**:  1. Tưới nước:  Cần cung cấp đủ nước và kịp thời để cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt.  2. Phương pháp tưới:  Thông thường có các cách tưới sau:  \_ Tưới theo hàng, vào gốc cây.  \_ Tưới thấm.  \_ Tưới ngập.  \_ Tưới phun mưa.  3. Tiêu nước:  Cây trồng rất cần nước, tuy nhiên nếu thừa nước sẽ gây ngập úng và cây có thể bị chết. Trong trường hợp này phải tiến hành tiêu nước kịp thời, nhanh chóng bằng các biện pháp thích hợp. |

**Hoạt động 4: Bón thúc phân**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung ghi bảng** |
| + Bón phân thúc bằng phân hữu cơ hoai mục và phân hóa học theo những quy trình nào?  + Em hiểu như thế nào về phân hữu cơ hoai mục?  + Em hãy kể tên các cách bón thúc phân cho cây.  - Giáo viên sửa, bổ sung. | 🡪 Theo quy trình:  + Bón phân.  + Làm cỏ, vun xới, vùi phân vào đất.  🡪 Chất dinh dưỡng được phân giải ở dạng dễ tiêu, cây hút dễ dàng đáp ứng kịp thời sự sinh trưởng, phát triển.  - Học sinh nêu:  - Học sinh lắng nghe, ghi bài. | **IV. Bón phân thúc:**  Bón phân thúc bằng phân hữu cơ hoai mục và phân hóa học theo quy trình:  - Bón phân;  - Làm cỏ, vun xới,vùi phân vào đất. |

**4.Củng cố (3’)**

- Hãy nêu mục đích của tỉa, dặm cây và làm cỏ, vun xới.

- Tưới, tiêu nước nhằm mục đích gì?

- Nêu lên quy trình bón phân thúc.

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài,

-Trả lời lại các câu hỏi. Chuẩn bị trước bài 20

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

* **Bổ sung**

**BÀI 20: THU HOẠCH, BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN NÔNG SẢN**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Hiểu được mục đích và yêu cầu của các phương pháp thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản.

2. Kĩ năng: Hình thành được các kỹ thuật thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản.

3. Thái độ: Có ý thức tiết kiệm, tránh làm hao hụt, thất thoát trong thu hoạch.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: Hình 31,32 (nếu có). Thanh khảo nội dung sgk và sgv

Phương pháp: vấn đáp.Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**2. Kiểm tra 3’:** Mục đích của làm cỏ, vun xới là gì?

Em hãy nêu các cách bón phân thúc cho cây và kỹ thuật bón thúc.

**3. Bài mới**

**GT** 1’ : Thu hoạch, bảo quản, chế biến là khâu cuối cùng trong sản xuất nông nghiệp. Các khâu này làm không tốt sẽ ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản phẩm và giá trị hàng hóa. Vậy để biết được cách làm tốt các khâu đó ta hãy vào bài mới.

.**Hoạt động 1:** **Thu hoạch 10’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Yêu cầu học sinh đọc thông tin mục I. 1 và trả lời các câu hỏi:  + Thu hoạch cần đảm bảo các yêu cầu thế nào?  + Tại sao khi thu hoạch phải đảm bảo yêu cầu là đúng độ chín? Cho ví dụ cụ thể.  + Tại sao khi thu hoạch phải nhanh gọn và cẩn thận? Cho ví vụ minh họa.  - Giáo viên sửa bổ sung.  - Giáo viên treo tranh 31 yêu cầu Học sinh chia nhóm và thảo luận để trả lời các câu hỏi:  +Nhìn hình 31a,b, c, d cho biết tên các phương pháp thu hoạch và cho ví dụ từng cách thu hoạch?  + Em cho biết người ta thường sử dụng công cụ gì để thu hoạch.  - Giáo viên chốt lại kiến thức và ghi bảng. | - Học sinh đọc thông tin và trả lời:  🡪 Cần đảm bảo các yêu cầu như: đúng độ chín, nhanh gọn và cẩn thận.  🡪 Vì nếu thu hoạch quá sớm hay quá muộn đều ảnh hưởng đến sản lượng và chất lượng nông sản.  Ví dụ:  + Khi thu hoạch lúa quá chín dẫn đến hao hụt hạt bị rụng quá nhiều.  + Thu hoạch sớm quá, lúa còn xanh, chất lựơng không tốt.  Do đó cần phải thu hoạch đúng độ chín.  🡪 Vì nếu thời gian thu hoạch kéo dài và không cẩn thận sẽ làm giảm chất lượng và sản lượng nông sản. Học sinh cho ví dụ minh hoạ.  - Học sinh chia nhóm và cử đại diện trả lời:  🡪 Hình 31:  + (a): hái (đậu, cam, quít,..).  + (b): nhổ (su hào, sắn (khoai mì), củ cải đỏ,…).  + I:đào (khoai lang,khoai tây,..).  + (d): cắt (hoa, lúa, bắp cải,…).  🡪 Thu hoạch bằng các công cụ đơn giản (liềm, lưỡi hái, dao, kéo,…). Người ta còn dùng máy để thu hoạch….  - Học sinh ghi bài. | **I. Thu hoạch:**  1. Yêu cầu:  Để đảm bảo được số lượng và chất lượng của nông sản phải tiến hành thu hoạch đúng độ chín, nhanh gọn và can thận.  2. Thu hoạch bằng phương pháp nào?  Tùy theo từng loại cây có cách thu hoạch khác nhau như: hái, cắt, nhổ, đào bằng phương pháp thủ công hay cơ giới. |

**Hoạt động 2:** **Bảo quản.16**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Theo em bảo quản nông sản nhằm mục đích gì?  - Theo em đối với những loại hạt chúng ta nên bảo quản như thế nào?  - Sấy khô các loại hạt nhằm mục đích gì?  - Các loại rau, quả nên bảo quản như thế nào?  - Kho bảo quản phải đạt những tiêu chuẩn nào?  - Giáo viên chốt lại kiến thức và ghi bảng.  - Cho HS đọc thông tin  - Em hãy kể những loại nông sản nào nên bảo quản | - HS trả lời theo thông tin trong SGK  - HS trả lời cá nhân  - HS trả lời theo suy nghĩ  - HS khác nhận xét và bổ sung ( nếu có)  - HS trả lời bằng hiểu biết thực tế hay theo SGK  - HS đọc thông tin trong SGK  - HS kể các loại nông sản  - HS khác nhận xét, bổ sung ( nếu có) | **II. Bảo quản**  1. Yêu cầu:  Hạn chế sự hao hụt về số lượng và giảm sút về chất lượng nông sản  2. Điều kiện bảo quản tốt:  - Các loại hạt: sấy khô  - Rau quả phải sạch sẽ không giập nát  - Kho bảo quản cao ráo, thoáng mát, thông gió và được khử trùng  3. Phương pháp bảo quản  - Bảo quản thông thoáng  - Bảo quản kín  - Bảo quản lạnh |

**Hoạt động 3: Chế biến 10’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Yêu cầu học sinh đọc thông tin mục III.1 và cho biết:  + Mục đích của việc chế biến nông sản là gì?    + Em hãy cho một vài ví dụ về các loại nông sản nhờ chế biến mà tăng giá trị và kéo dài thời gian bảo quản.  + Chế biến có các phương pháp nào?  + Hãy kể tên các loại rau, quả củ thường được sấy khô?  - Giáo viên nhận xét, giải thích quy trình sấy khô ở hình 32.  + Cho ví dụ về một số nông sản chế biến thành bột mịn hay tinh bột?  - Giáo viên giải thích quy trình trong ví dụ.  + Cho ví dụ về muối chua.  + Ở nhà khi muối chua mẹ em làm như thế nào?  + Còn sản phẩm đóng hộp thì em thấy ở loại nông sản nào?  - Giáo viên chốt lại kiến thức | - Học sinh đọc thông tin  🡪 Làm tăng giá trị của sản phẩm và kéo dài thời gian bảo quản.  🡪 Vd: Vải đóng hộp. Dứa làm xirô,…  🡪 Có các phương pháp:  + Sấy khô.  + Chế biến thành bột mịn hay tinh bột.  + Muối chua.  + Đống hộp.  🡪 Như nho, vải sấy khô,…  - Học sinh lắng nghe.  🡪 Vd: Sắn, khoai, ngô,…  - Học sinh lắng nghe.  🡪 Như: dưa chua, dưa kiệu, cải chua,…  - Học sinh trả lời.  - Học sinh cho ví dụ.  - Học sinh ghi bài. | **III. Chế biến**:  1. Mục đích:  Chế biến nông sản làm tăng giá trị của sản phẩm và kéo dài thời gian bảo quản.  2. Phương pháp chế biến:  Có 4 phương pháp:  - Sấy khô.  - Chế biến thành bột mịn hay tinh bột.  - Muối chua.  - Đóng hộp. |

**4.Củng cố (3p’)**

- Nêu lên các yêu cầu và phương pháp thu hoạch.

- Bảo quản nông sản nhằm mục đích gì và bằng cách nào?

- Người ta thường chế biến nông sản bằng cách nào? Cho ví dụ.

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài

-Trả lời lại các câu hỏi. Chuẩn bị trước bài21

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

* **Bổ sung**

===========================================

**BÀI 21: LUÂN CANH, XEN CANH, TĂNG VỤ**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Hiểu được thế nào là luân canh, xen canh, tăng vụ..Hiểu được tác dụng của luân canh, xen canh, tăng vụ.

2. Kĩ năng: Biết chon các loại cây trồng trong luân canh, xen canh, tăng vụ.

3. Thái độ: Giáo dục ý thức không nên trồng một loại cây trồng nào đó liên tục trong nhiều vụ.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: Hình 33 (nếu có). Tham khảo nội dung sgk và sgv

Phương pháp: vấn đáp.Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**2. Kiểm tra 3’:** Tại sao phải thu hoạch đúng lúc, nhanh gọn và cẩn thận?

Người ta thường chế biến nông sản bằng cách nào? Cho ví dụ.

**3. Bài mới**

**GT** 1’ : Một trong những nhiệm vụ của trồng trọt là tăng số lượng và chất lượng của sản phẩm qua luân canh, xen canh, tăng vụ. Vậy luân canh, xen canh, tăng vụ là như thế nào? Bài học hôm nay sẽ giúp ta giải quyết vấn đề này.

.**Hoạt động 1:** **Luân canh, xen canh, tăng vụ.25’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - hỏi:  + Trên ruộng của nhà em đang gieo trồng cây gì?  + Sau khi cắt lúa thì nhà em trồng gì?  + Thu hoạch đậu sẽ trồng cây gì?  - Giáo viên nhận xét.  Trong một năm trên một mảnh đất ta đã trồng : lúa- đậu nành- lúa. Đây chính là hình thức của luân canh.  + Qua đó cho biết luân canh là gì?  - Người ta thường luân canh những loại cây trồng nào với nhau? Cho ví dụ.  + Để luân canh một cách hợp lí ta cần chú ý những yếu tố nào?  - Giáo viên nhận xét giải thích thêm, bổ sung.  - Cho hs quan sát hình 33, hỏi:  + Trong hình người ta trồng cây gì với cây gì?  + Cho biết thế nào xen canh? Em hãy nêu ví dụ về xen canh các loại cây trồng mà em biết.  + Khi xen canh cần chú ý điều gì?  - Giáo viên giải thích thêm về các yếu tố xen canh.  + Ở địa phương em đã gieo trồng được mấy vụ trong năm trên một mảnh ruộng?  + Tăng vụ là gì?  - Giáo viên hoàn thiện kiến thức cho học sinh. | \_ Học sinh trả lời:  🡪 Học sinh nêu : cây lúa  🡪 Học sinh nêu: cây đậu  🡪 Học sinh nêu:  - Học sinh lắng nghe.  🡪 Là cách tiến hành gieo trồng luân phiên các loại cây trồng khác nhau trên cùng một diện tích.  🡪 Thường luân canh:  + Luân canh giữa các cây trồng cạn với nhau.  Ví dụ: ngô với đậu nành,….  + Luân canh giữa các cây trồng cạn với cây trồng nước.  Ví dụ: Ngô- đậu- lúa hay lúa- đậu- lúa,…..  🡪 Cần chú ý đến các yếu tố: mức độ tiêu thụ chất dinh dưỡng nhiều hay ít và khả năng chống sâu,bệnh của mỗi loại cây trồng.  - Học sinh ghi bài.  - Học sinh quan sát và trả lời:  🡪 Trồng xen canh ngô với đậu.  🡪 Xen canh là trên cùng một diện tích, trồng hai loại hoa màu cùng một lúc hoặc cách nhau một thời gian không lâu để tận dụng diện tích, chất dinh dưỡng, ánh sáng,….  Ví dụ: Ớt xen đậu, ngô xen mía,…  🡪 Mức độ chất dinh dưỡng, ánh sáng, độ sâu của rễ.  - Học sinh lắng nghe.  🡪 Thường trồng hai vụ.  🡪 Tăng vụ là tăng số vụ gieo trồng trong năm trên cùng một diện tích đất.  - Học sinh ghi bài. | **I. Luân canh, xen** **canh, tăng vụ**:  1. Luân canh:  Là cách tiến hành gieo trồng luân phiên các loại cây trồng khác nhau trên cùng một diện tích.  Người ta tiến hành các loại hình luân canh sau:  - Luân canh giữa các cây trồng cạn với nhau.  - Luân canh giữa cây trồng cạn với cây trồng nước.  2. Xen canh:  Trên cùng một diện tích , trồng hai loại hoa màu cùng một lúc và cách nhau một thời gian không lâu để tận dụng diện tích, chất dinh dưỡng, ánh sáng,…..  3. Tăng vụ:  Là tăng số vụ gieo trồng trong năm trên một diện tích đất. |

**Hoạt động 2:** **Tác dụng của luân canh, xen canh và tăng vụ. 11’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Luân canh có tác dụng gì?  - Xen canh có tác dụng gì?  - Tăng vụ có tác dụng gì?  - GV nhận xét, điều chỉnh  - Sửa bài tập cho học sinh | - Luân canh: Làm tăng độ phì nhiêu cho đất, điều hòa dinh dưỡng và giảm sâu, bệnh  - Xen canh: Sử dụng hợp lí đất đai, ánh sáng và giảm sâu, bệnh  - Tăng vụ: Góp phần tăng thêm sản phẩm thu hoạch  - HS làm bài tập tại lớp  - HS lên sửa bài tập | II, Tác dụng của luân canh, xen canh, tăng vụ  - Luân canh: Làm tăng độ phì nhiêu cho đất, điều hòa dinh dưỡng và giảm sâu, bệnh  - Xen canh: Sử dụng hợp lí đất đai, ánh sáng và giảm sâu, bệnh  - Tăng vụ: Góp phần tăng thêm sản phẩm thu hoạch |

**4.Củng cố (3p’)**

- Hỏi: Thế nào là luân canh, xen canh, tăng vj? Cho ví dụ minh họa.

- Nêu tác dụng cảu luân canh, xen canh, tăng vụ

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài

-Trả lời lại các câu hỏi. Chuẩn bị trước ôn tập

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

* **Bổ sung**

**ÔN TẬP**

**KIỂM TRA 1 TIẾT**

**PHẦN 2: CHĂN NUÔI**

**CHƯƠNG I: ĐẠI CƯƠNG VỀ KĨ THUẬT CHĂN NUÔI**

**BÀI 30:VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Hiểu được vai trò của chăn nuôi và nhiệm vụ phát triển của ngành chăn nuôi.

2. Kĩ năng:. Có kĩ năng quan sát, nhận biết

3. Thái độ: Có ý thức học tốt về kỹ thuật chăn nuôi và có thể vận dụng vào công việc chăn nuôi của gia đình.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: nghiên cứu sgk và sgv

Phương pháp: vấn đáp.Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**2. Kiểm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

**GT** 1’ : Chăn nuôi là một trong hai ngành sản xuất chính trong nông nghiệp. Chăn nuôi và trồng trọt luôn hỗ trợ nhau phát triển. Phát triển chăn nuôi toàn diện trên cơ sở đẩy mạnh chăn nuôi trang trại và gia đình để đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của nhân dân và xuất khẩu. Để hiểu rõ hơn vai trò và nhiệm vụ ngành chăn nuôi chúng ta cùng tìm hiểu bài 30.

**Hoạt động 1: Tìm hiểu vai trò của chăn nuôi 6’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Giáo viên yêu cầu HS quan sát hình 50, hỏi:  + Nhìn vào hình a, b, c cho biết chăn nuôi cung cấp gì?  - Nhận xét. HỎi: +Trâu, bò cung cấp sản phẩm gì?  + Làm thế nào để môi trường không bị ô nhiễm vì phân của vật nuôi?  + Hãy kể những đồ dùng làm từ sản phẩm chăn nuôi mà em biết?  + Em có biết ngành y và được dùng nguyên liệu từ ngành chăn nuôi để làm gì không?Nêu một vài ví dụ.  - Giáo viên hoàn thiện kiến thức | - Học sinh quan sát và trả lời các câu hỏi:  🡪 Cung cấp :  + Hình a: cung cấp thực phẩm như: thịt,trứng, sữa.  + Hình b: cung cấp sức kéo như: trâu, bò..  + Hình c: cung cấp phân bón.  + Hình d: cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp nhẹ.  🡪 Cung cấp sức kéo và thịt.  🡪 Phải ủ phân cho hoai mục  🡪Như: giầy, dép, cặp sách, lượt, quần áo..  🡪 Tạo vắc xin, huyết thanh.vd: thỏ và chuột bạch..  - Học sinh ghi bài | 1. **Vai trò của ngành chăn nuôi.**   - Cung cấp thực phẩm.  - Cung cấp sức kéo.  - Cung cấp phân bón.  - Cung cấp nguyên liệu cho ngành sản xuất khác |

**Hoạt động 2: Nhiệm vụ của ngành chăn nuôi ở nước ta**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Giáo viên treo tranh sơ đồ 7 yêu cầu học sinh quan sát và trả lời các câu hỏi:  + Chăn nuôi có mấy nhiệm vụ?  + Em hiểu như thế nào là phát triển chăn nuôi toàn diện?  + Phát triển chăn nuôi có lợi ích gì? Em hãy kể ra một vài ví dụ.  + Giáo viên sửa, bổ sung. | - Học sinh quan sát và trả lời các câu hỏi:  🡪 Có 3 nhiệm vụ:  + Phát triển chăn nuôi toàn diện.  + Đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ kỹ thuật sản xuất  + Tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và quản lý  🡪 Phát triển chăn nuôi toàn diện là phải:  + Đa dạng về loài vật nuôi  + Đa dạng về quy mô chăn nuôi: Nhà nước, nông hộ, trang trại.  🡪 Học sinh trả lời  - Ghi bài. | **II. Nhiệm vụ phát triển ngành chăn nuôi ở nước ta**  - Phát triển chăn nuôi toàn diện.  - Đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất  - Tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và quản lý. |

**4.Củng cố (3p’)**

- Yêu cầu HS đọc ghi nhớ

- Hỏi: Chăn nuôi có vai trò và nhiệm vụgì trong nền kinh tế?thế nào là một giống vật nuôi . cho ví dụ?Vai trò của giống vật nuôi trong chăn nuôi

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài

-Trả lời lại các câu hỏi. Chuẩn bị trước bài 32

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**BÀI 31: GIỐNG VẬT NUÔI**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Hiểu được khái niệm về giống vật nuôi và vai trò của giống vật nuôi

2. Kĩ năng:. Biết cách phân loại giống vật nuôi

3. Thái độ: Có ý thức học tốt về kỹ thuật chăn nuôi và có thể vận dụng vào công việc chăn nuôi của gia đình.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: nghiên cứu sgk và sgv

Phương pháp: vấn đáp.Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**2. Kiểm tra bài cũ**

**Câu 1: Cho biết vai trò của chăn nuôi?**

**Câu 2: Em hãy cho biết nhiệm vụ phát triển chăn nuôi trong thời gian tới?**

**3. Bài mới**

Tục ngữ Việt Nam có câu “ Tốt giống, tốt má, tốt mạ, tốt lúa” điều này nói lên mối quan hệ chặt chẽ giữa giống với năng suất và chất lượng sản phẩm. Trong bài học này chúng ta cùng tìm hiểu thế nào là gióng vật nuôi và vai trò của giống đối với ngành chăn nuôi

**Hoạt động 1: Khái niệm về giống vật nuôi**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Giáo viên cho HS quan sát tranh 51, 52, 53 . Yêu cầu HS thảo luận tìm hiểu khái niệm vai trò của giống vật nuôi.  -      - Nhận xét. Giảng thêm  - Yêu cầu học sinh đọc phần thông tin mục I.2 và trả lời câu hỏi:  + Có mấy cách phân loại giống vật nuôi? Kể ra?  - Nhận xet, cho HS lấy ví dụ các giống vật nuôi.  - Yêu cầu học sinh đọc phần thông tin mục I.3 và trả lời các câu hỏi:  + Để được công nhận là giống vật nuôi phải có các điều kiện nào?  - Tổng kết | - Học sinh quan sát. Thảo luận đại diện trình bày  🡪 Giống vật nuôi là sản phẩm do con người tạo ra. Mỗi giống vật nuôi đều có đặc điểm ngoại hình giống nhau, có năng suất và chất lượng như nhau, có tính chất di truyền ổn định, có số lượng cá thể nhất định  - Học sinh đọc và trả lời:  🡪 Có 4 cách phân loại:  - Theo địa lí  - Theo hình thái, ngoại hình  - Theo mức độ hoàn thiện của giống - Theo hướng sản xuất    - Học sinh đọc phần thông tin và trả lời:  🡪 Cần các điều kiện sau:  - Các vật nuôi trong cùng một giống phải có chung nguồn gốc  - Có điều kiện về ngoại hình và năng suất giống nhau  - Có tính di truyền ổn định  - Đạt đến một số lượng nhất định và có địa bàn phân bố rộng  - Học sinh ghi bài | **I. Khái niệm về giống vật nuôi**.  1. Thế nào là giống vật nuôi?  Được gọi là giống vật nuôi khi những vật nuôi đó có cùng nguồn gốc, có những đặc điểm chung, có tính di truyền ổn định và đạt đến một số lượng cá thể nhất định  2.Phân loại giống vật nuôi  Có nhiều cách phân loại giống vật nuôi  \_ Theo địa lí  \_ Theo hình thái, ngoại hình  \_ Theo mức độ hoàn thiện của giống  \_ Theo hướng sản xuất  3. Điều kiện để được công nhận là một giống vật nuôi  - Các vật nuôi trong cùng một giống phải có chung nguồn gốc  - Có đặc điểm về ngoại hình và năng suất giống nhau  - Có tính di truyền ổn định  - Đạt đến một số lượng nhất định và có địa bàn phân bố rộng |

**Hoạt động 2:Vai trò của giống vật nuôi trong chăn nuôi 10’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Giống vật nuôi có vai trò như thế nào trong chăn nuôi?    + Giống quyết định đến năng suất là như thế nào?  - Giáo viên nhận xét, treo bảng 3 và mô tả năng suất chăn nuôi của một số giống vật nuôi  + Năng suất sữa và trứng của 2 loại gà(Logo+Gàri) và 2 loại bò(Hà lan+Sin) là do yếu tố nào quyết định?  - Nhận xét  + Ngoài giống ra thì yếu tố nào cũng quan trọng ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng sản phẩm?  - Tiểu kết  - Yêu cầu học sinh đọc mục II.2  + Chất lượng sữa dựa vào yếu tố nào?  + Sữa các loại vật nuôi như giống trâu Mura,giống bò Hà Lan, giống bò Sin, dựa vào yếu tố nào?  \_ Giáo viên chốt lại kiến thức | 🡪 Có vai trò:  - Giống vật nuôi quyết định năng suất chăn nuôi.  - Giống vật nuôi quyết định đến chất lượng sản phẩm chăn nuôi.  🡪 Trong cùng điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc thì các giống khác nhau sẽ cho năng suất khác nhau  🡪 Học sinh mô tả  🡪 Giống và yếu tố di truyền  🡪 Yếu tố chăm sóc thức ăn, nuôi dưỡng  - Học sinh đọc  🡪 Dựa vào hàm lượng mỡ trong sữa  🡪 Dựa vào tỉ lệ mỡ trong sữa  - Học sinh ghi bài. | **II. Vai trò của giống vật nuôi trong chăn nuôi**.  Giống vật nuôi có ảnh hưởng quyết định đến năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi. Muốn chăn nuôi có hiệu quả phải chọn giống vật nuôi phù hợp. |

**4.Củng cố (3p’)**

- Yêu cầu HS đọc ghi nhớ

- Hỏi:thế nào là một giống vật nuôi . cho ví dụ?Vai trò của giống vật nuôi trong chăn nuôi

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài

-Trả lời lại các câu hỏi. Chuẩn bị trước bài 32

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**BÀI 32: SỰ SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT DỤC**

**CỦA VẬT NUÔI**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: - Biết được định nghĩa về sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi

- Biết được các đặc điểm của sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi.

- Hiểu được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng và phát dục của vật nuôi

2. Kĩ năng:. Lấy được ví dụ về sự sinh trưởng và phát dục.

3. Thái độ: Có ý thức trong việc tác động đến sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: nghiên cứu sgk và sgv. Sơ đồ 8

Phương pháp: vấn đáp.Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**` 2. Kiểm tra 3’ :** Em hiểu thế nào là một giống vật nuôi? Hãy cho ví dụ.Giống vật nuôi có vai trò như thế nào trong chăn nuôi?

**3.Bài mới:**

**GT** 1’ : Mỗi loài vật nuôi đều trải qua giai đoạn con non 🡺 trưởng thành 🡺 sinh trưởng và phát dục. Vậy sinh trưởng và phát dục của vật nuôi là gì? Các yếu tố nào tác động đến sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi? Ta hãy vào bài mới.

**Hoạt động 1: tìm hiểu khái niệm về sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi 25’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Yêu cầu học sinh đọc thông tin mục I SGK  - Giáo viên treo tranh và yêu cầu học sinh quan sát hình 54 .hỏi:  + Nhìn vào hình 3 con ngan, em có nhận xét gì về khối lượng,hình dạng, kích thước cơ thể?  - Nhận xét, Thế nào là sự tăng trưởng.  - Nhận xét  - Giáo viên giải thích ví dụ trong SGK  - Yêu cầu học sinh đọc thông tin mục I.1 và cho biết:  + Thế nào là sự phát dục?  - Giáo viên nhận xét. yêu cầu học sinh đọc vd và giải thích .  - Chỉnh sửa  - Giáo viên yêu cầu học sinh chia nhóm thảo luận và điền vào bảng phân biệt sự sinh trưởng và phát dục  - Nhận xét, sửa | - Học sinh đọc thông tin mục I.  - Học sinh quan sát và trả lời:  🡪 Thấy có sự tăng về khối lượng, kích thước và thay đổi hình dạng  🡪 Là sự tăng về khối lượng, kích thước của các bộ phận cơ thể  - Học sinh ghi bài  - Học sinh đọc thông tin và trả lời:  🡪 Sự phát dục là sự thay đổi về chất của các bộ phận trong cơ thể  - Học sinh đọc và nghe giáo viên giải thích  - Làm việc theo nhóm, đại diện trình bày. | **I. Khái niệm về sự sinh trưởng và phát triển của vật nuôi**  1. Sự sinh trưởng:  Là sự tăng về khối lượng, kích thước của các bộ phận cơ thể  2. Sự phát dục:  Là sự thay đổi về chất của các bộ phận trong cơ thể |

**Hoạt động 2: Đặc điểm sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi 6’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Giáo viên cho HS xem sơ đồ 8 và trả lời các câu hỏi:  + Em hãy quan sát sơ đồ 8 và cho biết sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi có những đặc điểm nào?  - Nhận xét.  + Cho ví dụ về sinh trưởng không đồng đều ở vật nuôi.  + Cho ví dụ các giai đoạn sinh trưởng và phát dục của gà.  + Cho ví dụ minh họa cho sự phát triển theo chu kì của vật nuôi.  - Giáo viên nhận xét VD. tổng kết | 🡪 Có 3 đặc điểm: Không đồng đều. Theo giai đoạn. Theo chu kì (trong trao đổi chất, hoạt động sinh lí)  🡪 Sự tăng cân, tăng chiều cao, chiều rộng của cơ thể không như nhau ở các lứa tuổi…  🡪 Phôi trong trứng => ấp trứng (21ngày) => gà con (1 - 6 tuần) => gà dò(7 - 14 tuần) => gà trưởng thành  🡪 Lợn có thời gian 21 ngày, ngựa 23 ngày, gà vịt hàng ngày…  - Học sinh ghi bài | **II. Đặc điểm sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi**  Có 3 đặc diểm:  - Không đồng đều  - Theo giai đoạn  - Theo chu kì: (trong trao đổi chất, hoạt động sinh lí) |

**Hoạt động 3: Các yếu tố ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi 5’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Yêu cầu học sinh đọc thông tin mục II.SGK và trả lời các câu hỏi:  + Sự sinh trưởng và phát dục vật nuôi chịu ảnh hưởng của các yếu tố nào?  + Hiện nay người ta áp dụng biện pháp gì để điều khiển một số đặc điểm di truyền của vật nuôi?  - Nhận xét  + Hãy cho một số ví dụ về điều kiện ngoại cảnh tác động đến sinh trưởng và phát dục của vật nuôi .  - GV chốt lại kiến thức cho học sinh. | - Học sinh đọc thông tin và trả lời các câu hỏi:  🡪 Chịu ảnh hưởng bởi đặc điểm di truyền và điều kiện ngoại cảnh (như nuôi dưỡng,chăm sóc)  🡪 Áp dụng biện php chọn giống, chọn ghép con đực với con cái cho sinh sản.  🡪 Như: Thức ăn,chuồng trại,chăm sóc,nuôi dưỡng,khí hậu…  - Học sinh ghi bi. | **III.Các yếu tố tác động đến sự sinh trưởng v pht dục của vật nuơi**  Các đặc điểm về di truyền và các đk ngoại cảnh ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi. Nắm được các yếu tố này con người có thể điều khiển sự phát triển của vật nuôi theo ý muốn. |

**4.Củng cố (3p’)**

- Yêu cầu HS đọc ghi nhớ

- Hỏi: Em hãy cho biết đặc điểm về sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi?

Những yếu tố ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát dục cảu vật nuôi?

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài

-Trả lời lại các câu hỏi. Chuẩn bị trước bài 33

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**BÀI 33: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP CHỌN LỌC VÀ QUẢN LÝ GIỐNG VẬT NUÔI**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: - Hiểu được khái niệm về chọn lọc giống vật nuơi.

- Biết được một số phương pháp chọn lọc giống vật nuôi đang dùng ở nước ta.

- Hiểu được vai trị v cc biện php quản lí giống vật nuơi.

2. Kĩ năng:. Có được một số kỹ năng chọn lọc và quản lí giống vật nuơi.

3. Thái độ: nghiêm túc học.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: nghiên cứu sgk và sgv. Sơ đồ 9

Phương pháp: vấn đáp.Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**` 2. Kiểm tra 3’ :** Cho biết các đặc điểm về sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi?

Những yếu tố nào ảnh hưởng đến sự sinh trường và phát dục của vật nuôi?

**3.Bài mới:**

**GT** 1’ : Để có được một giống vật nuôi tốt có năng suất cao, chất lượng tốt thì phải tiến hnh chọn lọc. Khi chọn lọc xong muốn duy trì được những giống tốt nhất cho thế hệ sau và loại bỏ những giống không tốt ta phải biết cách quản lí giống.Vậy làm thế nào để chọn và quản lí tốt giống vật nuôi? Ta vào bài mới.

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về khái niệm về chon giống vật nuôi 6’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc phần thông tin mục I.SGK . hỏi:  + Thế nào là chọn giống vật nuôi?  - Nhận xét  \_ Giáo viên giải thích ví dụ trong SGK và giải thích cho học sinh hiểu thêm về chọn giống vật nuôi  - Em có thể nêu 1 ví dụ khác về chọn giống vật nuôi :  -GV sửa, bổ sung | - Học sinh đọc thông tin và trả lời:    🡪 Là căn cứ vào mục đích chăn nuôi để chọn những vật nuôi đực và cái giữ lại làm giống.  - Lắng nghe  🡪 Học sinh suy nghĩ và cho ví dụ.  - Ghi bài | **I.Khái niệm về chọn giống vật nuôi**:  Căn cứ vào mục đích chăn nuôi, lựa chọn những vật nuôi đực và cái giữ lại làm giống gọi là chọn giống vật nuôi |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu một số phương pháp chon giống vật nuôi 15’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Yêu cầu học sinh đọc thông tin mục II SGK .hỏi:  + Thế nào là chọn lọc hàng loạt?  - Nhận xét. Em hãy cho một ví dụ về chọn lọc hàng loạt?  - Nhận xét  + Thế nào phương pháp kiểm tra năng suất?  + Hiện nay người ta áp dụng phương pháp kiểm tra năng suất đối với những vật nuôi nào?  + Trong phương pháp kiểm tra năng suất lợn giống dựa vào những tiêu chuẩn nào?  - Nhận xét, giảng thêm | \_ Học sinh đọc và trả lời:  🡪 Là phương pháp dựa vào các tiêu chuẩn định trước rồi căn cứ vào sức sản xuất của từng vật nuôi để chọn lựa từ trong đàn vật nuôi những cá thể tốt nhất làm giống.  🡪 Học sinh cho ví dụ.  🡪 Các vật nuôi tham gia chọn lọc được nuôi dưỡng trong cùng một điều kiện “chuẩn”, trong cùng một thời gian rồi dựa vào kết quả đạt được đem ra so sánh với những tiêu chuẩn đ định trước để lựa chọn những con tốt nhất giữ làm giống.  🡪 Đối với lợn đực và lợn cái  🡪 Căn cứ vào cân nặng, mức tiêu tốn thức ăn, độ dày mở lưng để quyết định chọn lọn giống.  - Lắng nghe | **II.Một số phương pháp chọn giống vật nuôi**:  1.Phương pháp chọn lọc giống hàng loạt:  Là phương pháp dựa vào các tiêu chuẩn đ định trước và sức sản xuất của từng vật nuôi trong đàn để chọn ra những cá thể tốt nhất làm giống.  2.Phương pháp kiểm tra năng suất :  Các vật nuôi được nuôi dưỡng trong cùng một điều kiện “chuẩn”trong cùng một thời gian rồi dựa vào kết quả đạt được đem so sánh với những tiêu chuẩn đ định trước lựa những con tốt nhất giữ lại làm giống |

**Hoạt động 3: Quản lý giống vật nuôi 15’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc mục III SGK hỏi:  + Quản lí giống vật nuôi nhằm mục đích gì?  - Gv nhận xét bổ sung.  - Giáo viên treo sơ đồ 9, yêu cầu học sinh chia nhóm, quan sát và hoàn thành yêu cầu trong SGK.  - GV sửa  + Cho biết cc biện php quản lí giống vật nuơi.  -GV nhận xét. Chốt kiến thức | - Học sinh đọc và trả lời:  🡪 Nhằm mục đích giữ cho các giống vật nuôi không bị pha tạp về di truyền, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chọn lọc giống thuần chủng hoặc lai tạo để nâng cao chất lượng của giống vật nuôi.  - Học sinh lắng nghe.  - Quan sat, thảo luận nhóm.Cử đại diện nhóm tr lời\_ Phải nêu được  🡪 Có 4 biện php:  + Đăng kí Quốc gia các giống vật nuôi  + Chính sách chăn nuôi  + Phân vùng chăn nuôi  + Qui định về sử dụng đực giống ở chăn nuôi gia đình.  - Học sinh lắng nghe, ghi bài. | **III. Quản lí giống vật nuơi:**  - Mục đích: nhằm giữ cho các giống vật nuôi không bị pha tạp về mặt di truyền, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chọn lọc giống thuần chủng hoặc lai tạo để nâng cao chất lượng của giống vật nuôi.  - Có 4 biện pháp:  + Đăng kí Quốc gia cc giống vật nuơi  + Phân vùng chăn nuôi  + Chính sách chăn nuôi  + Qui định về sử dụng đực giống ở chăn nuôi gia đình. |

**4.Củng cố (3p’)**

- Yêu cầu HS đọc ghi nhớ

- Hỏi: thế nào là chọn giống vật nuôi. Theo em, muốn quản lý tốt giống vật nuôi cần phải làm gì?

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài

-Trả lời lại các câu hỏi. Chuẩn bị trước bài 34

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**BÀI 34: NHÂN GIỐNG VẬT NUÔI**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Hiểu được thế nào là chọn phối và các phương pháp chọn phối.

Biết được nhân giống thuần chuẩn và các phương pháp nhân giống thuần chủng.

2. Kĩ năng:. Hình thnh kỹ năng phân biệt được các phương pháp nhân giống trong chăn nuôi

3. Thái độ: bảo vệ các giống, loại vật nuôi quý hiếm

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: nghiên cứu sgk và sgv.

Phương pháp: vấn đáp.Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**` 2. Kiểm tra 3’ :** Chọn biết các phương pháp chọn lọc giống vật nuôi đang được sử dụng.

Theo em, muốn quản lí tốt giống vật nuôi cần phải làm gì?

**3.Bài mới:**

**GT** 1’ : Giống vật nuôi sau khi được chọn lọc kỷ thì được nhân giống và đưa vào sản xuất.Vậy nhân giống vật nuôi là gì?làm thế nào để nhân giống đạt kết quả? Vào bài mới ta sẽ hiểu được vấn đề này.

**Hoạt động 1: Chọn phối 16’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thông tin mục I.1 .hỏi:  + Thế nào là chọn phối? Lấy ví dụ minh họa  + Chọn phối nhằm mục đích gì?  + Hãy cho một số ví dụ về chọn phối  - GV nhận xét, bổ sung  - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thông tin I.2 SGK hỏi:  + Dựa vào cơ sở nào mà có phương pháp chọn phối thích hợp?  + Có mấy phương pháp chọn phối?  + Muốn nhân lên một giống tốt thì phải lm sao?  - GV nhận xé, giải thích ví dụ  + Muốn tạo được giống mới ta phải làm như thế nào?  - nhận xét. Cho HS lấy hai ví dụ khác về: Chọn phối cùng giống Chọn phối khc giống  - Nhận xét ví dụ  + Thế nào là chọn phối cng giống và chọn phối khác giống?  - Nhận xét, tiểu kết | - Học sinh đọc thông tin và trả lời câu hỏi:  🡪 Là chọn con đực ghép đôi con cái cho sinh sản theo mục đích chăn nuôi  🡪 Chọn phối nhằm mục đích phát huy tác dụng của chọn lọc giống.Chất lượng của đời sau sẽ đánh giá được việc chọn lọc và chọn phối có đúng hay không đúng  🡪 Học sinh suy nghĩ cho ví dụ:  - Học sinh đọc thông tin và trả lời:  🡪 Dựa vào mục đích của công tác giống mà có những phương pháp chọn phối khác nhau  🡪 Có 2 phương pháp chọn phối:  + Chọn phối cùng giống  + Chọn phối khác giống  🡪 Thì chọn ghép con đực với con cái trong cùng một giống.  - Học sinh nghe.  🡪 Chọn ghép con đực với cái khác giống nhau  🡪 Học sinh cho ví dụ:    🡪 Chọn phối cùng giống l giao phối 2 con giống của cng một giống.  \_ Chọn phối khác giống l giao phối 2 con giống thuộc 2 giống khác nhau. | **I.Chọn phối**:  1. Thế nào là chọn phối:  Chọn con đực đem ghép đôi với con cái cho sinh sản theo mục đích chăn nuôi  2.Các phương pháp chọn phối:  Tùy theo mục đích của công tác giống mà có phương pháp chọn phối khác nhau  - Muốn nhân lên một giống tốt đã có thì ghép con đực với con cùng trong cng một giống.  - Muốn lai tạo thì chọn ghép con đực với con cái khác giống nhau |

**Hoạt động 2: Nhân giống thuần chủng 20’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Yêu cầu học sinh, đọc thông tin mục II.1 hỏi:  + Thế nào là nhân giống thuần chủng ?  + Nhân giống thuần chủng nhằm mục đích gì?  - Nhận xét. Yêu cầu học sinh đọc ví dụ và giáo viên giải thích .  - GV cho HS thảo luận làm bài tập trong sgk.:  - GV sửa chữa  - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thông tin mục II.2 .hỏi:  + Để nhân giống thuần chủng đạt kết quả tốt ta phải làm gì?  + Thế nào là giao phối cận huyết?    + Giao phối cận huyết gây ra hiện tượng gì?  + Tại sao phải loại bỏ những vật nuôi có đặc điểm không mong muốn?  - Nhận xét các câu hỏi. | - Học sinh đọc thông tin và trả lời câu hỏi:  🡪 Là chọn ghép đôi giao phối con đực con cái của cùng một giống để được đời con cùng giống bố mẹ  🡪 Là tạo ra nhiều cá thể của giống đã cũ,với yêu cầu luôn giữ được và hoàn thiện các đặc tính tốt của giống đó  - Học sinh đọc và nghe  - Thảo luận , đại diện trình bày  - Học sinh ghi bài.  - Học sinh đọc thông tin và trả lời:  🡪 TL:  + Mục đích rõ ràng  + Chọn được nhiều cá thể đực, cái cùng giống tham gia. Quản lí giống chặt chẽ, biết được quan hệ huyết thống để tránh giao phối cận huyết.  + Nuôi dưỡng, chăm sóc tốt đàn vật nuôi, thường xuyên chọn lọc, kịp thời phát hiện và loại thải những vật nuôi không tốt.  🡪 Là giao phối giữa bố mẹ với con cái hoặc các anh, chị em trong cùng một đàn.  🡪 Gây nên hiện tượng thoái hoá giống.  🡪 Tráng gây tổn hại đến số lượng và chất lượng vật nuôi.  - Học sinh lắng nghe v ghi bi. | **II.Nhn giống thuần chủng :**  1.Nhn giống thuần chủng l gì?  Chọn phối giữa con đực với con cái cùng một giống để cho sinh sản gọi là nhân giống thuần chủng.  Nhân giống thuần chủng nhằm tăng nhanh số lượng cá thể, giữ vững và hoàn thiện đặc tính tốt của giống cũ.  2. Làm thế nào để nhân giống thuần chủng đạt kết quả?  - Phải có mục đích rõ ràng  - Chọn được nhiều các thể đực, cái cùng giống tham gia. Quản lí giống chặt chẽ, biết được quan hệ huyết thống để tránh giao phối cận huyết.  - Nuôi dưỡng, chăm sóc tốt đàn vật nuôi, thường xuyên chọn lọc, kịp thời phát hiện và loại bỏ những vật nuôi không tốt. |

**4.Củng cố (3p’)**

- Yêu cầu HS đọc ghi nhớ

- Hỏi: Chọn phối là gì? Lấy ví dụ. Mục đích và phương pháp nhân giống thuần chủng?

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài

-Trả lời lại các câu hỏi. Chuẩn bị trước bài 36

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**BÀI 36: Thực hành: NHẬN BIẾT MỘT SỐ GIỐNG LỢN QUA QUAN SÁT NGOẠI HÌNH VÀ ĐO KÍCH THƯỚC CÁC CHIỀU**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Nhận biết được một số giống lợn qua quan sát ngoại hình và đo kích thước một số chiều đo.

2. Kĩ năng: Biết dùng thước dây để đo chiều di thn v vịng ngực.

3. Thái độ: Rn luyện cho học sinh tính cẩn thận khi quan sát, nhận dạng trong thực hành.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: Mô hình heo. Thước dây. Nghiên cứu sgk và sgv.

Phương pháp: Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**` 2. Kiểm tra 3’ :** Chọn phối là gì? Lấy ví dụ. Mục đích và phương pháp nhân giống thuần chủng?

**3.Bài mới:**

**GT** 1’ : Hiện nay có rất nhiều giống lợn. Để nhận dạng được các giống lợn ta phải dựa vào những đặc điểm nào của chúng? Đó là nội dung của bài thực hành hôm nay.

**Hoạt động 1: Hướng dẫn ban đầu. 10’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Gv cho HS đọc chuẩn bị và trình tự thực hành.  - GV cho HS quan sát hình 61và mô hình yêu cầu học sinh nhận biết các đặc điểm ngoại hình. Kết quả ghi báo cáo:  + Về hình dạng chung như: quan sát mm, đầu, lưng, chân…  + Về màu sắc lông, da:  - Giáo viên nhấn mạnh các đặc điểm của một số giống lợn như:  + Lợn Lanđơrat lông, da trắng tuyền, tai to, rủ xuống phía trước.  + Lợn Đại Bạch: mặt gy, tai to hướng về phía trước, lông cứng và da trắng.  + Lợn Móng Cái: lông đen trắng, lưng hình yn ngựa.  - GV treo tranh treo hình 62 và hướng dẫn học sinh đo một số chiều đo của lợn.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh cách tính khối lượng . | - Đọc theo yêu cầu  - Học sinh quan sát và tiến hành nhận biết các đặc điểm của lợn qua ngoại hình.  + Hình dng chung.  + Mu sắc lông, da.  - Học sinh lắng nghe.  - Học sinh quan sát và lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đo. 1 học sinh khác làm lại cho các bạn xem.  - Học sinh lắng nghe v chú ý cách làm. | **I Vật liêu và dụng cụ**  **II. quy trình thực hnh**:  - Bước 1: Quan sát đặc điểm ngoại hình:  + Hình dạng chung:   * Hình dạng. * Đặc điểm: mm, đầu, lưng, chân…   + Mu sắc lơng, da:  - Bước 2: đo một số chiều đo:  + Dài thân: Tư điểm giữa đường nối hai gốc tai đến gốc đuôi.  + Đo vòng ngực: Đo chu vi lồng ngực sau bả vai. |

**Hoạt động 2: Thực hành 25’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Chia nhóm .  - Phất dụng cụ cho các nhóm  - Cho các nhóm thự hành  - Quan sát, uống nắn | - Phân nhóm theo sự điều khiển  - Nhận dụng cụ  - Tiến hành thực hành. Kết quả ghi vào báo cáo. |  |

**4.Củng cố (4p’)**

- GV thu báo cáo thực hành.

- Gọi 1 nhóm lên trình bày. Sửa chữa.

- Nhận xét tinh thần thái độ của HS và nhận xét tiết học

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài

- Chuẩn bị trước bài 37

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**BÀI 37: THỨC ĂN VẬT NUÔI**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Biết được nguồn gốc của thức ăn vật nuôi.

Biết được thành phần dinh dưỡng của thức ăn vật nuôi.

2. Kĩ năng: Có kỹ năng phân biệt các loại thức ăn của vật nuôi.

3. Thái độ: Có ý thức tiết kiệm thức ăn của vật nuôi.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: Nghiên cứu sgk và sgv.

Phương pháp: vấn đáp.Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**` 2. Kiểm tra :**

**3.Bài mới:**

**GT** 1’ : Thức ăn là nguồn cung cấp năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết cho mọi hoạt động sống của vật nuôi như sinh trưởng, phát triển, sản xuất. Vậy thức ăn vật nuôi là gì? Nguồn gốc và thành phần dinh dưỡng như thế nào? Để biết rõ ta vào bài mới.

**Hoạt động 1: Tìm hiểu nguồn gốc thức ăn vật nuôi 19’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - GV yêu cầu học sinh quan sát hình 63 hỏi:  + Cho biết các vật nuôi trâu, lợn, gà đang ăn thức ăn gì?  + Kể tên các loại thức ăn trâu, bò, lợn, em biết?  - Nhận xét. Tại sao trâu , bò ăn được rơm, rạ? Lợn, gà có ăn được thức ăn rơm khô không? Tại sao?  + Dựa vào căn cứ nào mà người ta chọn thức ăn cho vật nuôi?  - GV nhận xét  - GV cho hs xem hình 64,yeu cầu hs quan sát thảo luận để trả lời các câu hỏi:  + cho biết nguồn gốc của từng loại thức ăn, rồi xếp chúng vào một trong ba loại sau: nguồn gốc thực vật, động vật hay chất khoáng?  - Nhận xét. Hỏi: Vậy thức ăn của vật nuôi có mấy nguồn gốc?  - GV nhận xét, giảng thêm  - Ở nhà em có sử dụng mô hình kết hợp nuôi trồng không?  - Nhận xét. Các thức ăn vật nuôi trong mô hình này là một mắc xích với nhau, liên hệ mật thiết. GDBVMT. | - Học sinh quan sát và trả lời :  🡪 Thức ăn các vật nuôi đang ăn là:  + Trâu: ăn rơm.  + Lợn: ăn cám.  + G: thĩc, gạo…..  🡪 Học sinh suy nghĩ, lin hệ thực tế trả lời.  🡪 Vì trong dạ dàyy của trâu, bò cs hệ vi sinh vật cộng sinh. Cịn lợn, g khơng ăn được là vì thức ăn rơm, rạ, cỏ không phù hợp với sinh lí tiêu hoá của chúng.  🡪 Khi chọn thức ăn cho phù hợp với vật nuôi ta dụa vào chức năng sinh lí tiêu hoá của chúng.  - Học sinh ghi bài.  - Học sinh thảo lụân và cử đại diện trả lời, nhóm khác bổ sung.  🡪 Phải nu các ý:  + Nguồn gốc từ thực vật: cám, gạo, bột sắn, khô dầu đậu tương.  + Nguồn gốc động vật: bột cá.  + Nguồn gốc từ chất khống: premic khống, premic vitamin.  🡪 Thức ăn có nguồn gốc từ: thực vật, động vật và chất khoáng.  - Học sinh ghi bi.  - TL: Mô hình VAC.  - Lắng nghe. | **I. Nguồn gốc thức ăn vật nuôi**:  1. Thức ăn vật nuôi:  Là những loại thức ăn mà vật nuôi có thể ăn được và phù hợp với đặc điểm sinh lí tiêu hĩa của vật nuơi.  2. Nguồn gốc thức ăn vật nuôi:  Thức ăn vật nuôi có nguồn gốc từ: thực vật, động vật và từ chất khoáng. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu thành phần dinh dưỡng của thức ăn vật nuôi 20’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Yêu cầu học sinh đọc thông tin mục II SGK và cho biết:  + Thức ăn vật nuôi có mấy thành phần?  + Trong chất khô của thức ăn có các thành phần nào?  - Nhận xét  - GV treo bảng 4, yêu cầu thảo luận trả lời câu hỏi:  + Cho biết những loại thức ăn nào có chứa nhiều nước, protein, lipit, gluxit, khoáng, vitamin?  - Nhận xét.  -GV cho HS quan sát hình 65, yêu cầu cho biết những loại thức ăn ứng với kí hiệu của từng hình tròn (a, b,c,d)  - GV sửa tổng kết | - Học sinh đọc thông tin và trả lời:  🡪 Thức ăn vật nuôi có 2 thành phần: nước và chất khô.  🡪 Trong chất khô của thức ăn có các thành phần: protein, lipit, gluxit, vitamin, chất khoáng.  - HS thảo luận và đại diện trả lời:  🡪 Những loại thức ăn có chứa nhiều:  + Nước: rau muống, khoai lang củ.  + Prơtin: Bột c.  + Lipit: ngơ hạt, bột c.  + Gluxit: rơm lúa và ngô hạt.  + Khoáng, vitamin: bột cá, rơm lúa.  -TL::  🡪 Các thức ăn ứng với các hình trịn:  + Hình a: Rau muống.  + Hình b: Rơm lúa.  + Hình c: Khoai lang củ.  + Hình d: Ngơ hạt.  + Hình e: Bột c.  - Học sinh lắng nghe, ghi bài. | **II. Thành phần dinh dưỡng của thức ăn vật nuôi**:  Trong thức ăn vật nuôi có nước và chất khô.Phần chất khô của thức ăn có: protein, lipit, gluxit, khóang, vitamin.    Tùy loại thức ăn mà thành phần và tỉ lệ các chất dinh dưỡng khác nhau. |

**4.Củng cố (3p’)**

- Yêu cầu HS đọc ghi nhớ

- Hỏi: Em hãy cho biết nguồn gốc của thức ăn vật nuôi? Thức ăn vật nuôi có những thành phần dinh dưỡng nào?

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài

-Trả lời lại các câu hỏi. Chuẩn bị trước bài 38

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**BÀI 38: VAI TRÒ CỦA THỨC ĂN ĐỐI VỚI VẬT NUÔI**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Hiểu được thức ăn được tiêu hĩa và hấp thụ như thế nào.

Hiểu được vai trị cc chất dinh dưỡng trong thức ăn đối với vật nuôi.

2. Kĩ năng:. Rèn luyện kĩ năng hợp tác nhóm

3. Thái độ: Có ý thức trong việc lựa chọn thức ăn cho vật nuôi.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: nghiên cứu sgk và sgv. Bảng 5 và 6

Phương pháp: vấn đáp.Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1.Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**` 2. Kiểm tra 3’ :** Em hãy cho biết nguồn gốc của thức ăn vật nuôi.

Thức ăn của vật nuôi có những thành phần dinh dưỡng nào ?

**3.Bài mới:**

**GT** 1’ : Sau khi thức ăn được vật nuôi tiêu hóa, có thể vật nuôi sẽ hấp thụ để tạo ra sản phẩm chăn nuôi như : thịt, sữa, trứng, lông và cung cấp năng lượng làm việc… Vậy thức ăn được tiêu hóa và hấp thụ như thế nào ? Vai trị của cc chất dinh dưỡng trong thức ăn đối với vật nuôi ra sao ? Đó là nội dung của bài học hôm nay.

**Hoạt động 1: Tìm hiểu thức ăn được tiêu hóa và hấp thụ như thế nào? 16’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| 1. GV yêu cầu HS quan sát bảng 5 hỏi:   + Từng thành phần dinh dưỡng của thức ăn sau khi tiêu hóa được cơ thể hấp thụ ở dạng no?  - Nhận xét  - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thông tin mục I.2, thảo luận nhóm để điền vào chổ trống dựa vào bảng trên.  + Nhận xét. Loại thành phần dinh dưỡng của thức ăn nào sau khi tiêu hóa không biến đổi? Vì sao?  + Tại sao khi qua đường tiêu hóa của vật nuôi các thành phần dinh dưỡng của thức ăn lại biến đổi?  + Khi cơ thể vật nuôi cần glyxerin và axit béo thì cần thức ăn nào? Vì sao?  + Hãy cho một số ví dụ về thức ăn mà khi cơ thể hấp thu sẽ biến đổi thành đường đơn.  - Nhận xét.GV hoàn thiện kiến | - Học sinh quan sát trả lời:  🡪 Các thành phần dinh dưỡng sau khi tiêu hoá biến đổi thành các dạng:  + Nước => Nước.  + Prơtin => Axít amin.  + Lipit => Glyxerin v axit béo.  + Gluxit => Đường đơn.  + Muối khống => Ion khóang.  + Vitamin => Vitamin.   1. Học sinh đọc thông tin mục I.2, nhóm thảo luận và cử đại dịên trả lời,   🡪 Axit amin– glyxrin v axit amin – gluxit – ion khống.  🡪 Nước và vitamin. Vì được cơ thể hấp thu thẳng qua vch ruột vo mu.  🡪 Vì nếu khơng biến đổi thì cơ thể vật nuôi sẽ không hấp thụ được các chất dinh dưỡng đó.  🡪 Cần ăn thức ăn chứa nhiều lípit. Vì khi lipit vo cơ thể sẽ biến đổi thành glyxerin và axit béo.  🡪 Ví dụ như: ngô, gạo, sắn có chứa nhiều gluxit.  - Học sinh ghi bài. | **I. Thức ăn được tiêu hóa và hấp thụ như thế nào**?  Sau khi được vật nuôi tiêu hóa, các chất dinh dưỡng trong thức ăn được cơ thể hấp thụ để tạo ra sản phẩm cho chăn nuôi như thịt, sữa, trứng, lông và cung cấp năng lượng làm việc,… |

**Hoạt động 2: Vai trò của các chất dinh dưỡng trong thức ăn đối với vật nuôi 20’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. Giáo viên yêu cầu Hs quan sát bảng 6, hỏi:   + Các loại thức ăn sau khi hấp thụ vào cơ thể được sử dụng để làm gì?  + Trong các chất dinh dưỡng chất nào cung cấp năng lượng , chất nào cung cấp chất dinh dưỡng để tạo ra sản phẩm chăn nuôi?  + Hãy cho biết nước, axit amin, glyxêrin và axit béo, đường các loại, vitamin, khoáng có vai trị gì đối với cơ thể và đối với sản xuất tiêu dùng.  - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc nội dung phần II.  - Cho thảo luận điền vào chỗ trống.   1. Nhận xét   + Hãy cho biết vai trò của thức ăn đối với vật nuôi.  -GV tổng kết  - Khi tiêm thuốc kích thích sinh trưởng cho vật nuôi , con người lại sử dụng các sản phẩm chăn nuôi không đủ thời gian cách li có ảnh hưởng gì?  - Nhận xét, kết hợp GDBVMT. | - TL:  🡪 Các loại thức ăn sau khi hấp thụ vào cơ thể đựơc sử dụng tạo năng lượng và các sản phẩm chăn nuôi.  🡪 Cc chất cung cấp:  + Năng lượng: đường các loại, lipit (glyxêrin và axít béo).  + Để tạo sản phẩm chăn nuôi: vitamin, khoáng, axit amin, nước.   1. Đối với cơ thể:   + Cung cấp năng lượng cho cơ thể hoạt động.  + Tăng sức đề kháng cho cơ thể vật nuôi.   1. Đối với sản xuất và tiêu dùng:   + Lipit, gluxit: thồ hang, cy ko.  + Cc chất cịn lại: thịt, sữa, trứng, long, da, sừng, mĩng, sinh sản.  - Học sinh đọc thông tin mục II.   1. Nhóm thảo luận và điền vào chổ trống:   + Năng lượng.  + Chất dinh dưỡng.  + Gia cầm.  🡪 Vai trị của thức ăn đối với vật nuôi:  + Cung cấp năng lượng.  + Cung cấp chất dinh dưỡng.  - Học sinh ghi bài.  - TL: Con người sẽ bị ảnh hưởng gián tiếp về sức khỏe khi sử dụng (bị bệnh) | **II. Vai trị của cc chất dinh dưỡng trong thức ăn đối với vật nuôi**:  \_ Thức ăn cung cấp năng lượng cho vật nuôi hoạt động v pht triển.  \_ Thức ăn cung cấp các chất dinh dưỡng cho vật nuôi lớn lên và tạo ra sản phẩm chăn nuôi như: thịt, trứng, sữa. Thức ăn cịn cung cấp chất dinh dưỡng cho vật nuôi tạo ra lông, sừng móng. |

**4.Củng cố (3p’)**

- Yêu cầu HS đọc ghi nhớ

- Hỏi: thức ăn được cơ thể vật nuôi tiêu hóa như thế nào? Vai trò của thức ăn đối với cơ thể vật nuôi?

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài

-Trả lời lại các câu hỏi. Chuẩn bị trước bài 39

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**BÀI 39: CHẾ BIẾN VÀ DỰ TRỮ THỨC ĂN**

**CHO VẬT NUÔI**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: - Hiểu được mục đích của việc chế biến và dự trữ thức ăn.

- Nắm được các phương pháp chế biến và dự trữ thức ăn.

2. Kĩ năng:. Hình thành những kỹ năng chế biến và dự trữ thức ăn cho vật nuôi.

3. Thái độ: Có ý thức trong việc chế biến và dự trữ.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: Hình 66. 67 SGK phóng to.

Phương pháp: vấn đáp.Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**` 2. Kiểm tra 3’ :** Thức ăn được cơ thể vật nuôi tiêu hoá như thế nào? Vai trò của thức ăn đối với cơ thể vật nuôi.

**3.Bài mới:**

**GT** 1’ : Không phải loại thức ăn nào vật nuôi ăn cũng được hấp thụ do đó ta phải biết cách chế biến thức ăn để vật nuôi có thể hấp thụ tốt và để đảm bảo chất lượng thức ăn, ta phải biết cách bảo quản tốt. Vậy phương pháp chế biến và bảo quản nào là phù hợp? Ta hãy vào bài mới.

**Hoạt động 1: Mục đích của việc chế biến và dự trữ thức ăn.11’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung ghi bảng** |
| - Giáo viên yêu cầu 1 học sinh đọc to mục I và hỏi:  + Tại sao phải chế biến thức ăn?  + Cho một số ví dụ nếu không chế biến thức ăn vật nuôi sẽ không ăn được.  + Nhận xét. Hỏi: Chế biến thức ăn nhằm mục đích gì?  - Gv nhận xét, cho HS lấy ví dụ từng mục đích.  - Giáo viên tiểu kết.  + Dự trữ thức ăn nhằm mục đích gì?    + Hãy cho một số ví dụ về cách dự trữ thức ăn cho vật nuôi.  - Giáo viên sửa, bổ sung. | - 1 học sinh đọc to và các em khác lắng nghe để trả lời các câu hỏi:  🡪 Vì một số thức ăn nếu không chế biến vật nuôi sẽ không ăn được.  🡪 Học sinh suy nghĩ cho ví dụ (đậu tương, cám..).  🡪 Nhằm mục đích: làm tăng mùi vị, tăng tính ngon miệng để vật nuôi thích ăn, ăn được nhiều, dễ tiêu hóa, làm giảm bớt khối lượng, làm giảm độ thô cứng và khử bỏ các chất độc hại.  - HS lấy ví dụ  - Học sinh ghi bài.  🡪 Nhằm giữ thức ăn lâu hỏng và để luôn có đủ nguồn thức ăn cho vật nuôi.  🡪 Học sinh suy nghĩ , cho ví dụ  - Học sinh ghi bài. | **I. Mục đích của việc chế biến và dự trữ thức ăn:**  1. Chế biến thức ăn:  Tăng mùi vị, tăng tính ngon miệng để vật nuôi thích ăn, ăn được nhiều, dễ tiêu hóa, làm giảm bớt khối lượng, làm giảm độ thô cứng và khử bỏ các chất độc hại.  2. Dự trữ thức ăn:  Nhằm giữ thức ăn lâu hỏng và để luôn có đủ nguồn thức ăn cho vật nuôi. |

**Hoạt động 2:** **Các phương pháp chế biến và dự trữ thức ăn.25’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Giáo viên cho HS quan sát hình 66, chia nhóm, yêu cầu nhóm quan sát, thảo luận để trả lời câu hỏi:  + Thức ăn vật nuôi được chế biến bằng phương pháp vật lí, hóa học, vi sinh biểu thị trên các hình nào?  - Nhận xét. Vậy hình 5 biểu thị phương pháp nào?  - Giáo viên sửa, bổ sung.  - Giáo viên yêu cầu 1 học sinh đọc phần kết luận trong SGK và cho biết:  + Có mấy phương pháp chế biến thức ăn?  - Giáo viên yêu cấu HS quan sát hình 67, trả lời các câu hỏi:  + Có mấy phương pháp dự trữ thức ăn?  + Thức ăn nào được dự trữ bằng phương pháp ủ xanh?  + Thức ăn nào được dự trữ bằng phương pháp làm khô?  - Giáo viên yêu cầu HS suy nghĩ điền vào chổ trống.  - Giáo viên nhận xét, chốt lại kiến thức. | - Học sinh quan sát. chia nhóm, thảo luận và cử đại diện trả lời:  🡪 Chế biến bằng phương pháp vật lí biểu thị trên các hình: 1,2,3.  🡪 Phương pháp hóa học trên các hình: 6,7.  🡪 Phương pháp vi sinh vật biểu thị trên hình 4.  🡪 Hình 5 là phương pháp tổng hợp, sử dụng tổng hợp các phương pháp trên.  - Học sinh lắng nghe.  - 1 học sinh đọc phần kết luận trong SGK và trả lời:  🡪 Có nhiều cách chế biến thức ăn như: cắt ngắn, nghiền nhỏ, đường hóa, kiềm hóa, ủ, hấp, nấu, thức ăn hỗn hợp.  🡪 trả lời:  🡪 Có 2 phương pháp: Làm khô.  Ủ xanh.  🡪 Dự trữ thức ăn bằng phương pháp ủ xanh: các loại rau, cỏ tươi xanh đem ủ trong các hầm ủ xanh từ đó ta được thức ăn ủ xanh.  🡪 Dự trữ thức ăn bằng phương pháp làm khô: phơi rơm, cỏ cho khô hay thái khoai, sắn thành lát rồi đem phơi khô,…  🡪 Suy nghĩ và điền: làm khô – ủ xanh.  - Học sinh lắng nghe, ghi bài. | **II. Các phương pháp chế biến và dự trữ thức ăn**:  1. Các phương pháp chế biến thức ăn:    Có nhiều cách chế biến thức ăn vật nuôi như: cắt ngắn, nghiền nhỏ, rang, hấp, nấu chín, đường hóa, kiềm hóa, ủ lên men và tạo thành thức ăn hỗn hợp.  2. Một số phương pháp dự trữ thức ăn:  Thức ăn vật nuôi được dự trữ bằng phương pháp làm khô hoặc ủ xanh. |

**4.Củng cố (3p’)**

- Yêu cầu HS đọc ghi nhớ

- Hỏi: Chế biến và dự trữ thức ăn nhằm mục đích gì?Em hãy kể một số phương pháp chế biến thức ăn vật nuôi.

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài

-Trả lời lại các câu hỏi. Chuẩn bị trước bài 40

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**BÀI 40: SẢN XUẤT THỨC ĂN VẬT NUÔI**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: - Biết được các loại thức ăn của vật nuôi.

- Biết được một số phương pháp sản xuất các loại thức ăn giàu prôtêin, giàu gluxit và thức ăn thô xanh cho vật nuôi.

2. Kĩ năng: - Nhận biết được một số loại thức ăn vật nuôi.

- Hình thành những kỹ năng sản xuất các loại thức ăn cho vật nuôi..

3. Thái độ: nghiêm túc, hứng thú học.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: nghiên cứu sgk và sgv. Thông tin bổ sung

Phương pháp: vấn đáp.Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**` 2. Kiểm tra 3’ :** Chế biến và dự trữ thức ăn nhằm mục đích gì?

Em hãy kể một số phương pháp chế biến thức ăn vật nuôi.

**3.Bài mới:**

**GT** 1’ : Để có được thức ăn chế biến và dự trữ ta phải có những biện pháp sản xuất ra các loại thức ăn đó. Vậy sản xuất ra những thức ăn đó bằng những phương pháp nào? Vào bài mới ta sẽ rõ.

**Hoạt động 1: Phân loại thức ăn 10’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Yêu cầu học sinh đọc thông tin mục I SGK và trả lời các câu hỏi:  + Khi phân loại thức ăn người ta dựa vào cơ sở nào?  + Thức ăn được chia thành mấy loại?  + Thức ăn nào được gọi là thức ăn giàu prôtêin?  + Thức ăn nào được gọi là thức ăn giàu gluxit?  + Thế nào là thức ăn thô?  - Giáo viên nhận xét từng câu. yêu cầu học sinh chia nhóm, thảo luận và trả lời bằng cách điền vào chổ trống trong bảng.  - Gv nhận xét. | - Học sinh đọc và trả lời:  🡪 Dựa vào thành phần dinh dưỡng có trong thức ăn để phân loại.  🡪 Được chia thành 3 loại:  + Thức ăn giàu prôtêin.  + Thức ăn giàu gluxit.  + Thức ăn thô.  🡪 Thức ăn có hàm lượng prôtêin > 14%.  🡪 Là loại thức ăn có hàm lượng gluxit > 50%.  🡪 Thức ăn thô là thức ăn có hàm lượng chất xơ > 30%.  - Nhóm thảo luận và điền vào bảng. | **I. Phân loại thức ăn**:  Dựa vào thành phần dinh dưỡng của thức ăn người ta chia thức ăn thành 3 loại:  - Thức ăn có hàm lượng prôtêin > 14% gọi là thức ăn giàu prôtêin.  - Thức ăn có hàm lượng gluxit > 50% gọi là thức ăn giàu gluxit.  - Thức ăn có hàm lượng xơ > 30% gọi là thức ăn thô. |

**Hoạt động 2: Một số phương pháp sản xuất thức ăn giàu prôtêin.15’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Giáo viên yêu cầu HS quan sát hình 68 hỏi:  + Nêu tên các phương pháp sản xuất thức ăn giàu prôtêin?  + Hãy mô tả cách chế biến sản phẩm nghề cá.  + Tại sao nuôi giun đất được coi là sản xuất thức ăn giàu prôtêin?  + Tại sao cây họ Đậu lại giàu prôtêin?  - Giáo viên yêu cầu các nhóm đánh dấu (x) vào phương pháp sản xuất thức ăn giàu prôtêin.  + Tại sao phương pháp 2 không thuộc phương pháp sản xuất thức ăn giàu prôtêin?  - Nhận xét. Tổng kết lại | - Quan sát hình  🡪 Tên các phương pháp sản xuất thức ăn:  + Hình 28a: chế biến sản xuất nghề cá.  + Hình 28b: nuôi giun đất.  + Hình 28c: trồng xen, tăng vụ cây họ Đậu.  🡪 Từ cá biển và các sản phẩm phụ của nghề cá đem nghiền nhỏ, sấy khô cho ra sản phẩm bột cá giàu prôtêin (46% prôtêin).  🡪 Vì thu hoạch giun dùng làm thức ăn giàu prôtêin cho vật nuôi.  🡪 Vì cây họ Đậu có nốt rể có chứa vi khuẩn cộng sinh cố định được nitơ khí trời  - Nhóm trả lời: phương pháp sản xuất thức ăn giàu prôtêin là phương pháp: (1), (3), (4).  🡪 Vì hàm lượng prôtêin trong hạt ngô 8,9%, khoai 3,2%, sắn 2,9%...  -Học sinh ghi bài. | **II. Một số phương pháp sản xuất thức ăn giàu prôtêin**:  Có các phương pháp như:  - Chế biến sản phẩm nghề cá.  - Nuôi giun đất.  - Trồng xen, tăng vụ cây họ Đậu. |

**Hoạt động 3: Một số phương pháp sản xuất thức ăn giàu gluxit và thức ăn thô xanh.11’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc mục III SGK.  - Yêu cầu HS suy nghĩ và hoàn thành bài tập trong SGK  + Vậy 2 phương pháp còn lại có phải là phương pháp sản xuất thức ăn giàu gluxit hay thức ăn thô xanh không?  + Các em có biết về mô hình VAC không?  - Giáo viên nhận xét,giảng thêm về rừng- vườn- ao- chuồng.  + Theo em làm thế nào để có được nhiều thức ăn giàu gluxit và thức ăn thô xanh?  + Cho một số ví dụ về phương pháp sản xuất thức ăn giàu gluxit và thức ăn thô xanh.  - Giáo viên sửa, bổ sung. | - Học sinh đọc.  - Suy nghĩ làm hoàn thành bài tập.  🡪 Không.  🡪 Học sinh trả lời.  \_ Học sinh lắng nghe.  🡪 Bằng cách luân canh, tăng vụ nhiều loại cây trồng.  - Học sinh suy nghĩ cho ví dụ.  - Học sinh lắng nghe, ghi bài. | **III. Một số phương pháp sản xuất thức ăn giàu gluxit và thức ăn thô xanh**:  - Sản xuất thức ăn giàu gluxit bằng cách luân canh, gối vụ để sản xuất ra thêm nhiều lúa, ngô, khoai, sắn.  - Sản xuất thức ăn thô xanh bằng cách tận dụng đất vườn, rừng, bờ mương để trồng nhiều loại cỏ, rau xanh cho vật nuôi. |

**4.Củng cố (3p’)**

- Yêu cầu HS đọc ghi nhớ

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi sgk.

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài

-Trả lời lại các câu hỏi. Chuẩn bị trước bài 41,42

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**ÔN TẬP**

**KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**BÀI 41&42: Thực hành**

**CHẾ BIẾN THỨC ĂN HỌ ĐẬU BẰNG NHIỆT**

**CHẾ BIẾN THỨC ĂN GIÀU GLUXIT BẰNG MEN.**

**I.MỤC TIÊU**

- Biết được phương pháp chế biến thức ăn họ đậu bằng nhiệt.thực hiện đúng thao tác trong quy trình thực hành.

- Biết sử dụng bánh men rượu để chế biến các loại thức ăn giàu tinh bột làm thức ăn cho vật nuôi.

- Có ý thức làm việc cẩn thận, chính xác, đúng kĩ thuật.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: nghiên cứu sgk và sgv. Thông tin bổ sung

Phương pháp: vấn đáp.Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**` 2. Kiểm tra 3’ :** Phân biệt thức ăn giàu Protêin, giàu gluxit và thức ăn xanh.?

**3.Bài mới:**

**GT** 1’ : Để có được thức ăn đầy đủ chất dinh dưỡng và đảm bảo an toàn thực phẩm cho vật nuôi ăn. Chúng ta cần phải chế biến thức ăn cho vạt nuôi. Bài học hôm nay chúng ta sẽ làm quen với một vài phương pháp chế biến.

**Hoạt động 1: Hướng dẫn ban đầu 10’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - GV cho HS tìm hiểu quy trình thực hành. Gọi HS đọc phần II trang 110 sgk.  - Hỏi: có mấy phương pháp chế biến thức ăn họ đạu?  - Nhận xét, hướng dẫn từng bước trong 3 phương pháp cho HS biết.  - Gọi HS đọc to phần II trang 112.  - Hỏi: Dùng men rượu để chế biến thức ăn giàu gluxit gồm mấy bước?  - Nhận xét. Hướng dẫn chi tiết từng bước thực hành cho HS quan sát. | - HS đọc.  - TL: 3 cách: rang, hấp, luộc.  - Lắng nghe hướng dẫn của giáo viên.  - HS đọc.  - TL: 5 bước:  - Quan sát từng thao tác của GV. | **I. Hướng dẫn ban đầu**: chế biến thức ăn họ đậu và thức ăn giàu Gluxits bằng men |

**Hoạt động 2: Thực hành. 25’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Chia 4 tổ thành 4 nhóm. Mỗi nhóm thực hành một trong 2 nội dung mà GV hướng dẫn ban đầu.  - Kiểm tra dụng cụ mà các nhóm đã chuẩn bị sẵn từ trước.  - Gv cho các nhóm bắt đầu thực hành theo nôi dung nhóm lựa chọn. Kết quả ghi vào báo cáo thực hành của nhóm.  - Theo dõi, hướng dẫn từng nhóm. | - HS tập hợp nhóm, nhóm trưởng chọn nội dung thực hành.  - Để dụng cụ cho GV kiểm tra.  - Các nhóm thực hành chế biến thức ăn. Kết quả ghi vào báo cáo thực hành. | **II. Thực hành** |

**4.Củng cố (4p’)**

- GV thu báo cáo thực hành của các nhóm.

- Yêu cầu Mỗi nhóm tự đánh giá kết quả thực hành theo hướng dẫn của Gv.

- GV nhận xét kết quả thực hành của các nhóm. Chỉ ra những kĩ năng mà HS chưa làm tốt

- Nhận xét tinh thần thái dộ thực hành.

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về xem lại bài

-Chuẩn bị trước bài ôn tập.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**CHƯƠNG II: QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG CHĂN NUÔI**

**BÀI 44: CHUỒNG NUÔI VÀ VỆ SINH TRONG CHĂN NUÔI**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: - Nắm được vai trò của chuồng nuôi trong chăn nuôi.

- Hiểu được vai trò và biện pháp vệ sinh phòng bệnh trong chăn nuôi.

2. Kĩ năng:Có những kỹ năng xây dựng chuồng nuôi và vệ sinh trong chăn nuôi.

3. Thái độ: Có ý thức trong việc bảo vệ môi trường sinh thái.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: Sơ đồ 10, 11 SGK phóng to.

Phương pháp: vấn đáp.Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**` 2. Kiểm tra**

**3.Bài mới:**

**GT** 1’ : Trong chăn nuôi muốn cho vật nuôi sinh trưởng, phát triển tốt, không mắc các loại bệnh tật thì việc xây dựng chuồng nuôi và giữ vệ sinh chuồng đóng vai trò quan trọng. Để biết rõ vai trò của chuồng nuôi và các biện pháp vệ sinh chuồng nuôi như thế nào vào bài mới ta sẽ rõ.

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về chuồng nuôi 25’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Yêu cầu học sinh đọc mục 1 và hỏi:  + Chuồng nuôi có vai trò như thế nào trong chăn nuôi?  + Cho ví dụ về chuồng nuôi.  - Nhận xét. Cho HS hoàn thành bài tập.  - Giáo viên giải thích từng nội dung  - Giáo viên yêu cầu HS xem sơ đồ 10 và giới thiệu cho học sinh về tiêu chuẩn của chuồng nuôi hợp vệ sinh.  - Giáo viên hỏi:  + Chuồng nuôi hợp vệ sinh cần đảm bảo các yêu cầu nào?  - Giáo viên nhận xét, bổ sung.  - Yêu cầu nhóm thảo luận và hoàn thành bài tập.  - Giáo viên giảng thêm về mối quan hệ giữa các yếu tố: nhiệt độ, độ ẩm và độ thông gió.  - Giáo viên chốt lại kiến thức  -Giáo viên hỏi:  + Muốn chuồng nuôi hợp vệ sinh, khi xây dựng chuồng ta phải làm như thế nào?  \_ Giáo viên yêu cầu HS xem hình 69 và hỏi tiếp:  + Khi xây dựng chuồng nuôi thì ta nên chọn hướng nào? Vì sao?  - Giáo viên tiếp tục yêu cầu xem hình 70, 71 và giới thiệu cho học sinh về kiểu chuồng nuôi 1 dãy và kiểu chuồng 2 dãy.  - Giáo viên nhận xét chốt lại kiến thức. | - Học sinh đọc và trả lời:  🡪 Là “nhà ở” của vật nuôi. Chuồng nuôi phù hợp sẽ bảo vệ sức khoẻ vật nuôi, góp phần nâng cao năng suất chăn nuôi.  🡪 Học sinh suy nghĩ cho ví dụ.  - TL: câu e là câu đúng nhất.  - Học sinh ghi bài.  - Học sinh quan sát và trả lời, học sinh khác nhận xét, bổ sung.  - Học sinh phải nêu được:  + Nhiệt độ thích hợp.  + Độ ẩm: 60-75%  + Độ thông thoáng tốt.  + Độ chiếu sáng thích hợp  + Không khí: ít khí độc.  - Học sinh lắng nghe.  - Đại diện trả lời, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  1. Nhiệt độ  2. Độ ẩm  3. Độ thông thoáng.  - Học sinh lắng nghe.  -Học sinh ghi.  🡪 Thực hiện đúng kĩ thuật về chọn địa điểm, hướng chuồng, nền chuồng, tường bao, mái che và bố trí các thiềt bị khác.  - Học sinh phải nêu được: hướng Nam hoặc Đông Nam. Vì gió Đông Nam mát mẻ, tránh được nắng chiều, mưa, tận dụng ánh sáng lúc sáng sớm.  - Học sinh lắng nghe.  - Học sinh lắng nghe. | **I. Chuồng nuôi:**  1. Tầm quan trọng của chuồng nuôi:  - Chuồng nuôi là “ nhà ở” của vật nuôi.  - Chuồng nuôi phù hợp sẽ bảo vệ sức khỏe vật nuôi, góp phần nâng cao năng suất vật nuôi.  2. Tiêu chuẩn chuồng nuôi hợp vệ sinh:  - Nhiệt độ thích hợp.  - Độ ẩm: 60-75%  - Độ thông thoáng tốt.  - Độ chiếu sáng thích hợp.  - Không khí ít khí độc. |

Hoạt động 2: **Vệ sinh phòng bệnh.14’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Yêu cầu học sinh đọc thông tin mục 1 và cho biết:  + Vệ sinh trong chăn nuôi nhằm mục đích gì?  + Hãy cho biết trong chăn nuôi người ta có phương châm gì?  + Em hiểu như thế nào là phòng bệnh hơn chữa bệnh?  - Giáo viên nhận xét, bổ sung và giải thích rõ phương châm.  - Giáo viên cho học sinh ví dụ minh họa . hoàn chỉnh kiến thức.  - Giáo viên yêu cầu HS quan sát sơ đồ 11. Hỏi::  + Vệ sinh môi trường sống của vật nuôi cần đạt những yêu cầu nào?  - Giáo viên nhận xét.  - Giáo viên hỏi:  + Muốn cho vật nuôi khỏe mạnh, năng suất cao phải chú ý điều gì?  - Nhận xét  - Giáo viên hỏi: Vệ sinh thân thể vật nuôi bằng cách nào?  - Giáo viên hoàn chỉnh kiến thức | - Học sinh đọc mục 1 và cho biết:  🡪 Nhằm mục đích phòng ngừa bệnh dịch xảy ra, bảo vệ sức khoẻ vật nuôi và nâng cao năng suất chăn nuôi.  🡪 Phương châm: “ Phòng bệnh hơn chữa bệnh”.  🡪 Học sinh suy nghĩ trả lời:  - Học sinh lắng nghe.  - Lấy ví dụ  - Học sinh quan sát và trả lời:  🡪 Những yêu cầu: Khí hậu, Cách xây dựng chuồng,Thức ăn, Nước  - Học sinh lắng nghe.  - Học sinh trả lời:  - Yêu cầu phải nêu được:  + Cho ăn uống đầy đủ.  + Vệ sinh thân thể.  - Học sinh trả lời:  🡪 Tuỳ loại vật nuôi, tuỳ mùa mà vật nuôi tắm, chải, vận động hợp lí.  - Học sinh ghi bài. | **II. Vệ sinh phòng bệnh:**  1. Tầm quan trọng của vệ sinh trong chăn nuôi:  - Mục đích: để phòng ngừa bệnh dịch xảy ra, bảo vệ sức khỏe vật nuôi và nâng cao năng suất chăn nuôi.  - Phương châm: “Phòng bệnh hơn chữa bệnh”.  2. Các biện pháp vệ sinh phòng bệnh trong chăn nuôi:  a) Vệ sinh môi trường sống của vật nuôi:  Đảm bảo các yếu tố:  - Khí hậu, độ ẩm trong chuồng thích hợp.  - Thức ăn, nước uống phải đảm bảo hợp vệ sinh.  b) Vệ sinh thân thể cho vật nuôi:  Tùy loại vật nuôi, tùy mùa mà cho vật nuôi tắm, chải, vận động hợp lí. |

**4.Củng cố (3p’)**

- Yêu cầu HS đọc ghi nhớ

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi sgk.

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài

-Trả lời lại các câu hỏi. Chuẩn bị trước bài 45.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**BÀI 45: NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC**

**CÁC LOẠI VẬT NUÔI**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Hiểu được những biện pháp chủ yếu trong nuôi dưỡng và chăm sóc đối với vật nuôi non , vật nuôi đực giống , vật nuôi cái sinh sản.

2. Kĩ năng: Có được những kỹ năng nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi .

3. Thái độ: Có ý thức lao động cần cù chịu khó trong việc nuôi dưỡng ,chăm sóc vật nuơi .

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: Hình 78 , SGK phóng to . Sơ đồ 12, 13 SGK phóng to

Phương pháp: vấn đáp.Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**` 2. Kiểm tra 3’ :** Chuồng nuơi có vai trò như thế nào trong chăn nuôi ?

Vệ sinh trong chăn nuôi phải đạt những yêu cầu gì ?

**3.Bài mới:**

**GT** 1’ : Mỗi loại vật nuôi đều có những đặc điểm sinh trưởng phát triển khác nhau . Do đó ta phải có những biện pháp nuôi dưỡng và chăm sóc sao cho phù hợp và đạt năng suất cao . Đây là nội dung của bài học hôm nay .

**Hoạt động 1: Chăn nuôi vật nuôi non . 13’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - GV treo tranh hình 72  + Yêu cầu học sinh chia nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi: Cơ thể vật nuôi non có những đặc điểm gì ?  + Theo em, điều tiết thân nhiệt nhằm mục đích gì?  + Chức năng của hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh. Vậy ở loại vật nuôi non nên cho ăn những loại thức ăn nào ?  + Chức năng miễn dịch chưa tốt là như thế nào ?  - GV cho HS lấy ví dụ minh họa cho từng đặc điểm trên ở từng vật nuôi non cụ thể .  - GV tiểu kết .  + Muốn vật nuôi non tốt có đủ sữa để bú , người chăn nuôi phải làm gì? Tại sao phải tập cho vật nuơi non ăn sớm ?  + Cho vật nuôi non bú sữa đầu nhằm mục đích gì ?  - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc và sắp xếp các biện pháp kĩ thuật thuộc về nuôi dưỡng , chăm sóc theo thứ tự mức độ cần thiết từ cao đến thấp.  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức | - Học sinh quan sát , thảo luận và cử đại diện trả lời .  🡪 Có các đặc điểm :  + Sự điều tiết thân nhiệt chưa hoàn chỉnh .  + Chức năng miễn dịch chưa tốt .  🡪 Giữ nhiệt độ cơ thể ổn định.  🡪 Thức ăn chủ yếu là sữa mẹ.  🡪 Chưa tạo ra được sức đề kháng chống lại những điều kiện bất lợi của thời tiết , môi trường …  - Học sinh lấy ví dụ  Học sinh ghi bi  🡪 Chăm sóc con mẹ tốt để có nhiều sữa. Để bổ sung sự thiếu hụt chất dinh dưỡng trong sữa mẹ .  🡪 Mục đích vì sữa đầu có đủ chất dinh dưỡng và kháng thể .  - Học sinh đọc và đánh số thứ tự:  1. Nuơi vật nuơi mẹ tốt  2. Giữ ẩm cho cơ thể  3. Cho bú sữa đầu  4. Tập cho vật nuôi non ăn sớm  5. Cho vật nuôi vận động và tiếp xúc với ánh sáng  6. Giữ vệ sinh v phịng bệnh cho vật nuơi non | **I.Chăn nuôi vật nuôi non**  1.Một số đặc điểm của sự phát triển cơ thể vật nuôi non.  - Sự điều tiết thân nhiệt chưa hoàn chỉnh  - Chức năng của hệ tiêu hĩa chưa hoàn chỉnh  - Chức năng miễn dịch chưa tốt  2.Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non  - Nuôi vật nuôi mẹ tốt  - giữ ấm cho cơ thể , cho bú sữa đầu  - Tập cho vật nuôi non ăn sớm  - Cho vật nuôi non vận động, giữ vệ sinh , phịng bệnh cho vật nuôi non . |

**Hoạt động 2: Chăn nuôi vật nuôi đực giống 10’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thông tin mục II SGK hỏi:  + Chăn nuôi vật nuôi đực giống nhằm mục đích gì?  + Chăn nuôi vật nuôi đực giống cần đảm bảo các yêu cầu gì ?  - Nhận xét.  - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát sơ đồ 12 , hỏi :  + Chăm sóc vật nuôi đực giống phải làm những việc gì?  + Nuôi dưỡng vật nuôi đực giống cần phải làm gì ?  + Nuôi dưỡng, chăm sóc ảnh hưởng tới đời sau như thế nào ?  - GV nhận xét, chốt kiến thức | Học sinh đọc và trả lời  🡪 Nhằm đạt được khả năng phối giống cao và cho đời sau có chất lượng tốt .  🡪 vật nuôi có sức khỏe tốt, không quá béo hoặc quá gầy, có số lượng và chất lượng tinh dịch tốt .  🡪 Cần phải cho vật nuôi vận động, tắm chải thường xuyên, kiểm tra thể trọng và tinh dịch  🡪 Thức ăn phải có đủ năng lượng, prôtêin, chất khống và vitamin.  🡪 Làm cho khả năng phối giống và chất lượng đời sau có thể giảm hoặc tăng.  - Học sinh lắng nghe. | **II.Chăn nuôi vật nuôi đực giống** :  - Mục đích của chăn nuôi đực giống nhằm đạt được khả năng phối giống cao và cho đời sau có chất lượng tốt .  - Yêu cầu của chăn nuôi vật nuôi đực giống là vật nuôi có sức khỏe tốt , không quá béo hoặc quá gầy , có số lượng và chất lượng tinh dịch tốt .  - Chăm sóc : Cho vật nuôi vận động , tắm chải thường xuyên kiểm tra thể trọng và tinh dịch  - Nuôi dưỡng : Thức ăn có đủ năng lượng , prôtêin , chất khoáng và vitamin. |

**Hoạt động 2: Chăn nuôi vật nuôi cái sinh sản .13’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thông tin mục III SGK và trả lời các câu hỏi:  + Vật nuôi cái có ảnh hưởng như thế nào đến chất lượng chăn nuôi ?  + Muốn chăn nuôi vật nuôi cái sinh sản có kết quả tốt phải chú ý đến những điều gì ?  - Giáo viên treo sơ đồ 13 , yêu cầu quan sát và trả lời câu hỏi :  + Khi ở giai đoạn mang thai phải ăn đủ chất dinh dưỡng nhằm mục đích gì?  + Khi ở giai đoạn nuôi con phải ăn đủ chất dinh dưỡng nhằm mục đích gì?  - Nhận xét. Giáo viên yêu cầu học sinh sắp xếp theo mức độ ưu tiên dinh dưỡng của từng giai đoạn từ cao xuống thấp.  + Trong nuôi dưỡng vật nuôi cái giống cần phải chú trọng đến điều gì về mặt dinh dưỡng?  + Chăm sóc vật nuôi cái giống cần phải chú trọng những điều gì?  - GV nhận xét. | - Học sinh đọc thông tin mục III v trả lời:  🡪 Ảnh hưởng quyết định đến chất lượng vật nuôi con.  🡪 Phải chú ý đến giai đoạn mang thai và giai đoạn nuôi con.  - Học sinh quan sát sơ đồ và trả lời:  🡪 Nhằm mục đích:  - Nuôi thai  - Nuôi cơ thể mẹ và tăng trưởng.  - Chuẩn bị cho tiết sữa sau sinh.  🡪 Để:Tạo sữa nuơi con. Nuôi cơ thể mẹ. Hồi phục cơ thể mẹ sau khi đẻ và chuẩn bị cho kỳ sinh sản sau.  🡪 Học sinh sắp xếp:  - Giai đoạn mang thai:  + Nuôi thai.  + Nuôi cơ thể mẹ  + Hồi phục sau sanh.  🡪 Phải cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng cho từng giai đoạn nhất là protêin, chất khoáng (Ca, P…) và vitamin (A, B1, D, E…).  🡪 Phải chú ý đến chế độ vận động, tắm chải… nhất là cuối giai đoạn mang thai.  - Học sinh ghi bài. | **III . Chăn nuôi vật nuôi cái sinh sản**.  Chăn nuôi vật nuôi cái sinh sản tốt phải chú ý cả nuôi dưỡng, chăm sóc, nhất là vệ sinh, vận động và tắm, chải. |

**4.Củng cố (3p’)**

- Yêu cầu HS đọc ghi nhớ

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi sgk.

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài

-Trả lời lại các câu hỏi. Chuẩn bị trước bài 46,47.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**BÀI 46 & 47 :PHÒNG, TRỊ BỆNH THÔNG THƯỜNG**

**CHO VẬT NUÔI – VẮC XIN PHÒNG BỆNH CHO VẬT NUÔI**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Biết được khái niệm bệnh

- Hiểu được nguyên nhân gây bệnh

- Biết được cách phòng trị bệnh cho vật nuôi .Hiểu được tác dụng của vắc xin .

- Biết cách sử dụng vắc xin phòng bệnh cho vật nuơi .

2. Kĩ năng: Có được kỹ năng sử dụng vắc xin phịng bệnh cho vật nuôi .

Có những hiểu biết về cách phòng trị bệnh cho vật nuôi .

3. Thái độ: Có ý thức trong việc bảo vệ phòng bệnh cho vật nuơi

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: Sơ đồ 14 SGK phóng to

Phương pháp: vấn đáp.Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**` 2. Kiểm tra 3’:** Chăn nuôi vật nuôi non phải chú ý đến những vấn đề gì?

Hãy cho biết mục đích và biện pháp của chăn nuôi đực giống

**3.Bài mới:**

**GT** 1’ : Các em thường được nghe về những loại bệnh (kể ra ). Vậy bệnh là gì? Những thiệt hại do bệnh gây ra ra sao và người ta đã làm gì để phòng trị bệnh? Để hiểu rõ hơn về bệnh và cách phòng trị bệnh, ta vào bài mới.

**Hoạt động 1**: **Khi niệm về bệnh 5’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| + Con vật bị bệnh thường có những đặc điểm gì khc so với vật nuôi khỏe mạnh ?  + Nếu như chúng ta không chữa trị kịp thời thì vật nuơi sẽ như thế nào  + Vật nuôi bị bệnh thì ảnh hưởng như thế nào trong chăn nuôi ?  + Vậy bệnh là gì ? Hãy nêu 1 số ví dụ về bệnh .  - Nhận xét, bổ sung | 🡪 Bỏ ăn, nằm im, phân lỏng, mệt mỏi .  🡪 Gầy yếu, sụt cân hoặc có thể chết nếu không chữa trị kịp thời .  🡪 Vật nuôi bị bệnh thì hạn chế khả năng thích nghi , làm giảm khả năng sản xuất và giá trị kinh tế của vật nuôi .  🡪 Bệnh là sự rối loạn các chức năng sinh lí trong cơ thể do tác động các yếu tố gây bệnh.Cho ví dụ  - Học sinh ghi bài . | **I.Khái niệm về bệnh**  Vật nuôi bị bệnh khi có sự rối loạn các chức năng sinh lí trong cơ thể do tác động của các yếu tố gây bệnh . |

**Hoạt động 2: Nguyên nhân sinh ra bệnh 5’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Yêu cầu học sinh quan sát sơ đồ  - Chia thnh nhóm tiến hành thảo luận .  + Có mấy nguyên nhn sinh ra bệnh ?  + Nguyên nhân bên trong v nguyên nhân bên ngồi gồm những yếu tố nào?  - Nhận xét. Cho HS Lấy ví dụ về các nguyên nhân. GV sửa, bổ sung  - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc phần thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi .  + Dựa vào đâu mà người ta chia thành bệnh truyền nhiễm và không truyền nhiễm ?  + Hãy nêu một ví dụ về bệnh truyền nhiễm và bệnh không truyền nhiễm ?  - GV sửa chữa, bổ sung  - Từ các nguyên nhân sinh ra bệnh, cần làm gì để khắc phục các nguyên nhân đó ?  - Nhận xét, kết hợp GDBVMT | - Học sinh quan sát và thảo luận Cử đại diện trả lời nhóm và bổ sung.  🡪 Có 2 nguyên nhân gây bệnh: nguyên nhân bên trong và nguyên nhân bên ngồi  🡪 Nguyên nhân bên trong là những yếu tố di truyền .  - Nguyên nhân bên ngoài liên quan đến: Môi trường sống Hóa học.Cơ học . Sinh học. Lý học  - HS lấy ví dụ  - Học sinh đọc và trả lời:  🡪 Bệnh truyền nhiễm: Do các vi sinh vật gây ra lây lan nhanh thành dịch gây tổn thất nghiêm trọng do chết hàng loạt vật nuôi.  - HS lấy vi dụ  🡪 Học sinh suy nghĩ cho ví dụ  - Học sinh lắng nghe  - Có thể trả lời: Vệ sinh môi trường trong chăn nuôi, bảo vệ vật nuôi, tích cực phòng bệnh… | **II.Nguyên nhân sinh ra bệnh** - Bao gồm các yếu tố bên trong và bên ngòai  - Bệnh có 2 loại :  + Bệnh truyền nhiễm .  + Bệnh không truyền nhiễm . |

**Hoạt động 3:** **Phòng trị bệnh cho vật nuôi 7’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Yêu cầu học sinh đọc phần thông tin mục 3, SGK và tìm ra các biện pháp đúng .    + Tại sao lại không được bán hoặc mổ thịt vật nuơi ốm?  + Tất cả các biện php còn lại chỉ thực hiện một biện pháp được không ?  - Nhận xét, | - Học sinh đọc phần thông tin và đánh dấu.Tất cả các biện pháp đều đúng trừ biện pháp bán mổ thịt vật nuôi ốm.  🡪 Vì sẽ lây bệnh  🡪 Không vì tất cả các biện pháp có mối liên hệ với nhau .  - Học sinh ghi bài. | **III.Phịng trị bệnh cho vật nuơi** .  Phải thực hiện đúng, đủ các biện pháp, kỉ thuật trong nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi. |

**Hoạt động 4: Tác dụng của vắc xin 10’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| -Yêu cầu học sinh đọc thông tin và trả lời câu hỏi:  + Vắc xin là gì?  + Vắc xin được chế biến từ đâu?  - nhận xét. GV cho HS quan sát hình 73 SGK, hỏi:  + Có mấy loại vắc xin ?  + Thế nào là vắc xin nhược độc ?  + Thế nào là vắc xin chết?  - Nhận xét. lấy ví dụ minh họa.  - Yêu cầu HS quan sát hình 47 hỏi:  + Hình 74a cho thấy được gì?  + Hình 74b cho thấy điều gì?  + Hình 74c cho thấy gì?  - GV nhận xét. giảng thêm  - GV yêu cầu học sinh chia nhóm làm bt sgk.  - GV sửa., bổ sung | - Học sinh đọc và trả lời:  🡪 Là các chế phẩm sinh học dùng để phòng bệnh truyền nhiễm .  🡪 Vắc xin được chế từ chính mầm bệnh (vi khuẩn hay virus) gây ra bệnh mà ta muốn phòng ngừa .  - Học sinh quan sát và trả lời :  🡪 Có 2 loại vắc xin  + Vắc xin nhược độc  + Vắc xin chết  🡪 Là mầm bệnh bị làm yếu đi => tạo ra vắc xin nhược độc  🡪 Là mầm bệnh đ bị giết chết => vắc xin chết  - Học sinh lắng nghe.  - Học sinh quan sát và trả lời  🡪 Đang tiêm vắc xin vào cơ thể vật nuôi.  🡪 Cơ thể vật nuôi sản sinh kháng thể  🡪 Cơ thể vật nuôi có đáp ứng miễn dịch .  - Học sinh lắng nghe .  - Nhóm cử đại diện trả lời  🡪 Vắc xin giúp cơ thể tạo ra kháng thể để tiêu diệt mầm bệnh và có được sự miễn dịch đối với bệnh.  - HS ghi bài | **I.Tc dụng của vắc xin**.  1.Vắc xin l gì ?  Vắc xin là chế phẩm sinh học dùng để phịng bệnh truyền nhiễm.Văcxin được chế từ chính mầm bệnh gây ra bệnh mà ta muốn phòng ngừa    2 loại vắc xin  + Vắc xin nhược độc  + Vắc xin chết  2.Tác dụng của vắc xin .(sgk)  Khi đưa vắc xin vào cơ thể |

**Hoạt động 5 : Một số điều cần chú ý khi sử dụng vắc xin 9’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Yêu cầu học sinh đọc thông tin mục II.1 SGK và trả lời các câu hỏi:  + Tại sao phải bảo quản vắc xin?  + Bảo quản vắc xin thế nào cho tốt?  - Nhận xét, giải thích thêm  -Yêu cầu học sinh đọc thông tin mục II.2 SGK và trả lời các câu hỏi :+ Khi vật nuôi đang ủ bệnh tiêm vắc xin được không? Tại sao?  + Khi vật nuôi mới khỏi bệnh sức khỏe chưa phục hồi, có nên tiêm vắc xin khơng? Tại sao?  + Khi sử dụng vắc xin cần đáp ứng những yêu cầu nào?  + Sau khi dng phải làm gì với vắc xin thừa?  + Nếu vật nuơi bị dị ứng với vắc xin thì phải lm gì?  - GV chốt lại nhận xét , chốt kiến thức. | - Học sinh đọc thông tin và trả lời  🡪 Vì chất lượng và hiệu quả của vắc xin phụ thuộc vào điều kiện bảo quản  🡪 Phải giữ vắc xin đúng nhiệt độ theo chỉ dẫn trên nhn thuốc, không để vắc xin ở chỗ nóng và chỗ có ánh sng mặt trời chiếu trực tiếp.  - Học sinh lắng nghe .  - Học sinh đọc và trả lời  🡪 Khơng.Vì tiêm vắc xin cho vật nuơi đang ủ bệnh thì vật nuơi sẽ phát bệnh nhanh hơn.  🡪 Không . Nếu tiêm vắc xin cho vật nuôi không được khỏe thì hiệu quả vắc xin sẽ giảm.  🡪 Đáp ứng các yêu cầu :  + Phải tuân theo chỉ dẫn trên nhãn thuốc.  + Vắc xin được pha phải dùng ngay.  + Phải tạo được thời gian miễn dịch.  🡪 Cần phải xử lý theo đúng quy định.  🡪 Phải dùng thuốc chống dị ứng hoặc đem đến cán bộ thú y  - Học sinh ghi bài . | **II.Một số điều cần chú ý khi sử dụng vắc xin** .  1.Bảo quản :  Chất lượng và hiệu lực của văcxin phụ thuộc vào điều kiện bảo quản nên phải giữ vắcxin đúng nhiệt độ theo chỉ dẫn trên nhãn thuốc, khơng để chỗ nóng hoặc chỗ có ánh sáng mặt trời .  2.Sử dụng :    - Chỉ sử dụng vắc xin cho vật nuôi khỏe.  - Khi sử dụng phải tuân theo chỉ dẫn trên nhãn thuốc.  - Vắc xin đã pha phải dùng ngay.  - Dạng vắc xin xong phải theo dõi vật nuôi 2 – 3 giờ tiếp theo.  - Thấy vật nuôi dị ứng thuốc phải báo cho cán bộ thú y để giải quyết kịp thời. |

**4.Củng cố (3p’)**

- Yêu cầu HS đọc ghi nhớ

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi sgk.

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài

-Trả lời lại các câu hỏi. Chuẩn bị trước bài 48.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**=================================**

**BÀI 48: Thực hành**

**NHẬN BIẾT MỘT SỐ LOẠI VẮC XIN PHÒNG BỆNH CHO GIA CẦM VÀ PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG VẮC XIN NIU CÁT XƠN PHÒNG BỆNH CHO GÀ.**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Nhận biết tên, đặc điểm và sử dụng được một số loại vắc xin phịng bệnh cho gia cầm.

2. Kĩ năng: Biết sử dụng vắc xin bằng các phương pháp: Tiêm, nhỏ mũi, nhỏ mắt

3. Thái độ: Vận dụng vào thực tiễn sản xuất của gia đình và địa phương

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: Chuẩn bị kĩ nội dung sgk &sgv.

Phương pháp: vấn đáp.Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp. Chuẩn bị sẵn mẫu báo cáo.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**` 2. Kiểm tra 3’:** - Em cho biết tác dụng của vắc xin đối với cơ thể vật nuôi.

- Khi sử dụng vắc xin cần chú ý những điều gì?

**3.Bài mới:**

**GT** 1’ : Các em được biết tác dụng của vắc xin đối với cơ thể vật nuôi. Nhưng không phải vắc xin nào cũng sử dụng được mà phải tùy từng loại vật nuôi và tùy chủng loại vắc xin mà sử dụng thích hợp. Hơm nay chng sẽ cùng tìm hiểu cách nhận biết một số loại vắc xin và cách sử dụng các loại vắc xin đó.Ta vào bài 48.

**Hoạt động 1: Hướng dẫn ban đầu. 8’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Gọi HS đọc phần I sgk.  - Gv kiểm tra lại dụng cụ đã chuẩn bị  -Gọi HS đọc quy trình thực hành.  - Hướng dẫn HS thực hiện 2 nội dung thực hành:  + Nhận biết một số loại vắc xin phòng bệnh cho gia cầm.  + Phương pháp sử dụng vắc xin Niucatxon phòng bệnh cho gà. | - HS đọc.  - HS đọc quy trình thực hành  - Lắng nghe, quan sát Gv hướng dẫn | 1. Nhận biết một số loại vắc xin phòng bệnh cho gia cầm.  2. Phương pháp sử dụng vắc xin Niucatxon phòng bệnh cho gà. |

**Hoạt động 2: Thực hành 28’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Gv chia nhóm tổ chức cho HS thực hành theo hướng dẫn.  - GV quan sát, theo dõi, uốn nắn HS. | - Chia nhóm thực hành. Kết quả điền vào báo cáo. | 3. thực hành |

**4.Củng cố (3p’)**

- Yêu cầu các nhóm nộp lại báo cáo thực hành.

- GV nhận xét từng nội dung thực hành của HS, sửa chữa những chỗ HS mắc phải lỗi.

- Nhận xét tinh thần thái độ thực hành.

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài

- Chuẩn bị trước bài 49.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**=================================**

**ÔN TẬP**

**KIỂM TRA 1 TIẾT**

**PHẦN 3: THỦY SẢN**

**CHƯƠNG I: ĐẠI CƯƠNG VỀ KĨ THUẬT NUÔI THỦY SẢN**

**BÀI 49: VAI TRÒ NHIỆM VỤ CỦA NUÔI THỦY SẢN.**

**I.MỤC TIÊU**

- Hiểu được vai trò của nuôi thủy sản trong nền kinh tế và đời sống xã hội.

- Biết được một số nhiệm vụ chính của nuôi thủy sản.

- Có ý thức trong việc nuôi thủy sản và coi trọng phát triển ngành nuôi thủy sản

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: Hình 75 SGK phóng to.

Phương pháp: vấn đáp.Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**` 2. Kiểm tra :**

**3.Bài mới:**

**GT** 1’ : Nuôi thủy sản ở nước ta đang trên đà phát triển, đá và đang đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Để hiểu ão vai trò và nhiệm vụ của nuôi thủy sản, chúng ta hãy vào bài mới.

**Hoạt động 1**: **Vai trò của nuôi thủy sản 19’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Yêu cầu học sinh đọc thông tin mục I SGK  - Yêu cầu HS quan sát hình 75. hỏi :+ Nuôi thuỷ sản là nuôi những con vật gì ?  + Nhìn vào hình a , cho biết hình này nói lên điều gì?  + Vậy vai trị thứ nhất của nuôi thuỷ sản là gì?  + Hình b nói lên điều gì?  + Những loại thuỷ sản nào có thể xuất khẩu được?  + Vai trị thứ 2 của nuơi thuỷ sản là gì?  + Hình c nói lên điều gì?  + Người ta thường thả cá vào trong lu để làm gì?  + Vai trị thứ 3 của nuơi thuỷ sản là gì?  + Hình C nói lên điều gì?  + Vai trò thứ tư của nuôi thủy sản là gì?  - Nhận xét  + Ở địa phương em có nuôi những loài thủy sản nào?  - GV tổng kết lại 4 vai trò.  - Để thực hiện vai trò của nuôi thủy sản mà không làm ô nhiễm môi trường,em hãy đề ra một mô hình để thấy được nuôi thủy sản là một mắc xích không thể thiếu?  - Nhận xét, giảng giải. GDBVMT. | - Học sinh đọc bài và trả lời .  - Học sinh quan st .  - Học sinh quan sát trả lời:  🡪 Là nuôi những loài cá nước ngọt, cá nước lợ, nước mặn, ba ba, ếch, tôm, cua… và một số loài thủy sản khác.  🡪 Các đĩa đựng tôm , cá và các sản phẩm thủy sản khác làm thức ăn ..  🡪 Cung cấp thực phẩm cho con người.  🡪 Xuất khẩu thủy sản .  🡪 Như: cá ba sa, tôm đông lạnh …  🡪 Xuất khẩu thủy sản ra nước ngoài.  🡪 Cá ăn nhiều sinh vật nhỏ làm sạch môi trường nước.  🡪 Ăn lăng quăng, làm sạch nước trong lu.  🡪 Làm sạch mơi trường nước.    🡪 Bột cá, tôm làm thức ăn cho gia súc gia cầm.  🡪Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi  - Học sinh kể ra.  - Học sinh ghi bài.  - TRả lời: mô hình VAC, RVAC | **I.Vai trị của nuơi thuỷ sản** .  Có 4 vai trò:    - Cung cấp thực phẩm cho con người.    - Cung cấp nguyn liệu xuất khẩu.  - Làm sạch môi trường nước.  - Cung cấp thức ăn chongành chăn nuôi . |

**Hoạt động 2: Nhiệm vụ chính của nuôi thủy sản ở nước ta 20’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Yêu cầu học sinh đọc mục II.1 và trả lời các câu hỏi:  + Muốn nuôi thủy sản cần có những điều kiện gì?  + Tại sao phải khai thác tối đa tiềm năng mặt nước và giống nuôi?  + Cần chọn giống nuôi như thế nào?  + Tại sao nói nước ta có điều kiện thuận lợi nuôi thủy sản?  + Muốn chăn nuôi thủy sản có hiệu quả ta cần phải làm gì?  - Gv nhận xét từng câu hỏi.  - GV hỏi:  + Hiện nay người ta nuôi loài thủy sản nào nhiều nhất?  + Vậy nhiệm vụ thứ nhất của nuơi thủy sản là gì?  - GV tiểu kết ghi bảng.  - Yêu cầu học sinh đọc thông tin mục II. 2 SGK và trả lời câu hỏi .  + Cho biết vai trò quan trọng của thủy sản đối với con người?  + Thủy sản tươi là thế nào?  + Thủy sản khi cung cấp cho tiêu thụ phải như thế nào?    + Cung cấp thực phẩm tươi sạch nhằm mục đích gì?  + Nhiệm vụ thứ 2 của nuơi thủy sản là gì?  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức.  \_-Yêu cầu học sinh đọc mục II.3 SGK và cho biết:  + Để phát triển toàn diện ngành nuôi thủy sản cần phải làm gì?  - GV nhận xét, bổ sung. Đó là nhiệm vụ thứ 3.  - GV yêu cầu học sinh lặp lại 3 nhiệm vụ của nuơi thủy sản.  - Gv nhận xét, tổng kết | 🡪 Các điều kiện:  + Diện tích mặt nước.  + Giống nuơi.  🡪 Tạo ra nhiều sản phẩm thuỷ sản.  🡪 Chọn giống có giá trị xuất khẩu cao  🡪 Phần lớn nước ta là đồng bằng và có khí hậu thích hợp. Nước ta lại có nhiều sông, ao hồ v giáp với biển  🡪 Bằng cch:  - Tăng diện tích nuôi thuỷ sản  - Thuần hoá các giống mới năng suất cao.    🡪 Như : cá da trơn, tôm sú, ba ba, cá sấu…  🡪 Khai thác tối đa tiềm năng về mặt nước và giống nuôi .  - Học sinh ghi bài.  - Học sinh đọc và trả lời:  🡪 Cung cấp 40 – 50% lượng thực phẩm cho x hội.  🡪 Mới đánh bắt lên khỏi mặt nước được chế biến ngay để làm thực phẩm  🡪 Cần cung cấp thực phẩm tươi, sạch không nhiễm bệnh, không nhiễm độc .  🡪 Nhằm đảm bảo sức khoẻ và vệ sinh cộng đồng  🡪 Cung cấp thực phẩm tươi sạch.  - Học sinh lắng nghe.  - Học sinh đọc và trả lời:  🡪 Cần ứng dụng những tiến bộ khoa học kĩ thuật trong sản xuất giống, sản xuất thức ăn thủy sản, bảo vệ môi trường và phòng trừ dịch bệnh  - Học sinh lắng nghe.  🡪 Nuơi thủy sản cĩ 3 nhiệm vụ:  dịch bệnh trong nuơi thủy sản.  - Học sinh ghi bài . | **II.Nhiệm vụ của nuôi thủy sản ở nước ta:**  Có 3 nhiệm vụ chính  - Khai thác tối đa tiềm năng về mặt nước và giống nuôi  - Cung cấp thực phẩm tươi sạch .  - Ứng dụng những tiến bộ khoa học cơng nghệ vào nuôi thủy sản . |

**4.Củng cố (3p’)**

**-** Hỏi:Nuôi thủy sản có vai trò gì trong nền kinh tế và đời sống xã hội? Nhiệm vụ chính của nuôi thủy sản là gì?

- Yêu cầu HS đọc ghi nhớ

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài

-Trả lời lại các câu hỏi. Chuẩn bị trước bài 50.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**BÀI 50: MÔI TRƯỜNG NUÔI THỦY SẢN**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Hiểu được đặc điểm chính của nước nuôi thủy sản .

Biết được một số tính chất của nước nuôi thủy sản .

2. Kĩ năng: Biết cách cải tạo nước và đất đáy ao.

3. Thái độ: Có ý thức bảo vệ tốt nước nuôi thủy sản và bảo vệ môi trường sinh thái

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: Hình 76, 77, 78 SGK

Phương pháp: vấn đáp.Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**` 2. Kiểm tra 3’:** Nuôi thủy sản có vai trị như thế nào đối với nền kinh tế và đời sống xã hội?

Ba nhiệm vụ chính của nuơi thủy sản là gì?

**3.Bài mới:**

**GT** 1’ : Nước là môi trường sống của thủy sản. Nước có nhiều đặc điểm và tính chất ảnh hưởng trực tiếp đến các sinh vật sống trong nước đặc biệt là các loài thủy sản nuôi. Ảnh hưởng đó như thế nào? Ta vào bài mới.

**Hoạt động 1**: **Đặc điểm của nước nuôi thuỷ sản 10’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - GV yêu cầu học sinh nghiên cứu thông tin mục I .hỏi:  + Để một nắm tay muối và phân đạm vào chậu nước thấy hiện tượng gì xảy ra ?  + Hiện tượng đó nói lên đặc điểm gì của nước ?  + Dựa vào khả năng này của nước, người ta đã làm gì để tăng thức ăn cho vật nuôi ?  - GV nhận xét, giảng thêm  + Tại sao khi trời nóng các em lại muốn đi tắm?  + Trên tivi hoặc phim xứ lạnh người ta đục băng để câu cá, điều đó nói lên điều gì?  + Nước có khả năng gì?  - Nhận xét, giảng thêm  + Theo em, oxi trong nước do đâu mà có?  + Trong nước, oxy và khí cacbonic chất nào có tỉ lệ nhiều hơn?  - GV nhận xét, chốt kiến thức | -Học sinh nghiên cứu và trả lời câu hỏi:  🡪 Muối , đạm tan nhanh  🡪 Nước có khả năng hoà tan các chất đạm , muối  🡪 Người ta bón phân hữu cơ và vô cơ để tăng sự tạo thức ăn tự nhiên cho các loài thủy sản nuôi.  -Học sinh lắng nghe.  🡪 Khi trời nắng thì nước mát hơn không khí  🡪 Lớp nước bên dưới băng có nhiệt độ ấm hơn không khí.  🡪 Điều hoà nhiệt độ.  🡪 Do oxi không khí hoà tan vào nước.  🡪 Khí cacbonic nhiều hơn.  - Học sinh lắng nghe. Ghi bài. | **I.Đặc điểm của nước nuôi thủy sản:**  - Có khả năng hòa tan các chất hữu cơ và vô cơ  - Có khả năng điều hịa chế độ nhiệt độ của nước .  - Thnh phần oxi thấp và Cacbonic cao. |

**Hoạt động 2: Tính chất của nước nuôi thủy sản 20’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - GV hỏi:  + Tính chất lí học của nước nuôi thủy sản gồm những yếu tố no?  + Yếu tố nhiệt độ ảnh hưởng như thế nào đến tôm, cá?  + Nhiệt độ thích hợp để tôm,cá là bao nhiêu?  - Nhận xét.  - GV yêu cầu HS quan sát hình 76 hỏi:  + Nhiệt được tạo ra trong ao chủ yếu là do đâu?  - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thông tin mục II.2 và trả lời các câu hỏi:  + Độ trong là gì?  + Dựa vào độ trong ta xác định được điều gì?  - Nhận xét. Giáo viên giới thiệu đĩa Sếch xi để đo độ trong của nước.  - Yêu cầu học sinh đọc thông tin mục 1.c và trả lời các câu hỏi:  + Nước có mấy màu khác nhau ?  - Nhận xét, giảng thêm Yêu cầu học sinh cho từng ví dụ về màu nước.  + Nước có những hình thức chuyển động nào?  + Cho ví dụ để phân biệt được 3 hình thức chuyển động của nước.  + Sự chuyển động của nước ảnh hưởng như thế nào đến tôm, cá?  + Nước chuyển động đều, liên tục sẽ giúp điều gì đôi với thủy sản?  - GV giải thích thêm:    - tiểu kết  -Yêu cầu học sinh nghiên cứu thông tin mục 2 và cho biết:  + Nước nuôi thủy sản có những tính chất hóa học nào?  + Trong nước có những loại khí hòa tan chủ yếu nào?  - GV nhận xét, chỉnh chốt kiến thức.  - GV hỏi :  + Nguyên nhân sinh ra các muối haò tan trong nước là gì?  + Nêu một số muối haò tan trong nước.  - GV nhận xét, bổ sung.  - GV hỏi:  + Độ pH thích hợp của tôm, cá là bao nhiêu?  + Nếu độ pH trong nước cao hơn hoặc thấp hơn khoảng thích hợp thì có ảnh hưởng đến tôm, cá hay không?  - GV nhận xét , chỉnh.  - GV yêu cầu HS xem hình 78, cho biết:  + Trong nước nuôi thủy sản có những loại sinh vật nào?  - GV nhận xétt, chốt.ý | - Học sinh trả lời:  🡪 Nhiệt độ, độ trong, màu nước, chuyển động của nước.  🡪 Ảnh hưởng đến tiêu hoá, hô hấp và sinh sản của tôm, cá.  🡪 Tôm: 25- 350C ,cá: 20- 300C.  - Học sinh quan sát và trả lời:  🡪 Chủ yếu là do nhận ánh sáng mặt trời.  - Học sinh trả lời:  🡪 Độ trong là biểu thị mức độ ánh sang xuyên qua mặt nước.  🡪 Là một trong những tiêu chí để đánh giá độ tốt, xấu. của vực nước nuôi thuỷ sản.  - Học sinh lắng nghe.  - Học sinh đọc thông tin và trả lời:  🡪 3 màu: nõn chuối, đen.....  - Học sinh cho ví dụ.  🡪 Có 3 hình thức chuyển động: sóng, đối lưu và dòng chảy.  🡪 Học sinh cho ví dụ.  🡪 Ảnh hưởng đến lượng O2 và thức ăn cho thuỷ sản.  🡪 Sẽ làm tăng lượng O2, thức ăn được phân bố đều trong ao và kích thích cho quá trình sinh sản của tơm, cá.  - Học sinh lắng nghe.  - Học sinh nghiên cứu thông tin mục 2 và trả lời:  🡪 Tính chất hố học:  + Các chất khí hồ tan.  + Các muối hồ tan.  + Độ pH.  🡪 Trong nước có 2 loại khí hồ tan chủ yếu: khí O2 v khí CO2.  -Học sinh lắng nghe.  - Học sinh trả lời:  🡪 Do nước mưa, quá trình phn hủy cc chất hữu cơ...nhưng nguyên nhân chính là do bón phân ( hữu cơ, vô cơ).  🡪 Một số muối hoà tan trong nước: đạm, lân, sắt...  - Học sinh lắng nghe.  - Học sinh trả lời:  🡪 Độ pH thích hợp cho tôm, cá từ 6 đến 9.  🡪 Nếu độ pH cao hơn hay thấp hơn dẫn đến nước bị quá chua hay quá kiềm làm cho cá không lớn lên được.  - Học sinh lắng nghe.  - Học sinh quan sát v trả lời:  🡪 Trong nước nuôi thủy sản có rất nhiều sinh vật sống như thực vật thủy sinh (gồm thực vật phù du và thực vật đáy), động vật phù du và các loại động vật đáy.  - Học sinh lắng nghe. | **II. Tính chất của nước nuôi thủy sản**:  1. Tính chất lí học:  a. Nhiệt độ:  Nhiệt độ có ảnh hưởng đến tiêu hóa, hô hấp và sinh sản của tôm, cá.  b. Độ trong:  Là một trong những tiêu chí để đánh giá độ tốt, xấu của vực nước nuôi thủy sản.. Độ trong tốt nhất là 20-30cm.    c. Màu nước:  Nước có 3 màu chính:  - Màu nước chuối hoặc xanh lục: nước màu này có nhiều thức ăn.  - Nước có màu tro đục. xanh đồng: nước màu này ít thức ăn.  - Nước có màu đen. Mùi thối: có nhiều khí độc.  d. Sự chuyển động của nước:  Có 3 hình thức chuyển động: sóng, đối lưu, dòng chảy.  2. Tính chất haó học:  Bao gồm:  a. Các chất khí hòa tan:  - Khí O2  - Khí CO2 5mg/l.  b. Các muối haò tan: (đạm, lân, sắt.. ) sinh ra do sự phân hủy các chất hữu cơ, do nước mưa và nguồn phân bón.  c. Độ pH: thích hợp cho tôm, cá là từ 6 đến 9.  3. Tính chất sinh học:  Trong các vùng nước nuôi thủy sản có rất nhiều sinh vật sống như thực vật phù du, thực vật đáy, động vật phù du và động vật đáy. |

**Hoạt động 3:** **Biện pháp cải tạo nước và đất đáy ao.6’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - GV yêu cầu học sinh nghiên cứu thông tin mục III SGK hỏi:  + Những ao nào cần được cải tạo?  + Cải tạo nước nhằm mục đích gì?  + Nêu các biện pháp cải tạo nước ao mà em biết?  - GV nhận xét , chỉnh chốt  - GV hỏi:  + Ở địa phương em cải tạo đáy ao bằng cách nào?  - Nhận xét, giảng thêm | - Học sinh nghiên cứu và trả lời:  🡪 Những ao ở miền núi, trung du, ao có nhều thực vật thủy sinh…  🡪 Tạo điều kiện thuận lợi về thức ăn, oxi, nhiệt độ...cho thủy sản sinh trưởng phát triển tốt.  🡪 Học sinh suy nghĩ trả lời:  - Học sinh lắng nghe, ghi bảng.  - Học sinh trả lời:  🡪 Học sinh suy nghĩ trả lời. | **III. Biện pháp cải tạo nước và đáy ao**:  1. Cải tạo nước ao:  Bằng các biện pháp như trồng cây chắn gió, thiết kế ao có chỗ nông sâu khác nhau để điều hịa nhiệt độ, diệt côn trùng, bọ gậy, vệ sinh mặt nước, hạn chế sự phát triển quá mức của thực vật thủy sinh...  2. Cải tạo đáy ao: |

**4.Củng cố (3p’)**

- Yêu cầu HS đọc ghi nhớ

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi sgk.

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài

-Trả lời lại các câu hỏi. Chuẩn bị trước bài 51.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**=================================**

**BÀI 51: thực hành: XÁC ĐỊNH NHIỆT ĐỘ, ĐỘ TRONG VÀ ĐỘ pH CỦA NƯỚC NUÔI THỦY SẢN**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Biết cách đo nhiệt độ, xác định độ trong của nước bằng đĩa sếch xi, biết xác định độ pH bằng giấy đo pH.

2. Kĩ năng: Rèn luyện kỹ năng quan sát, thực hành.

3. Thái độ: Rèn luyện tính cẩn thận, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: Nhiệt kế, dĩa sếch xi, thang màu pH, 2 mẫu nước nuôi cá, giấy đo pH

Phương pháp: vấn đáp.Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**` 2. Kiểm tra 3’:-**  Nước nuôi thủy sản có những tính chất hóa học nào?

- Để nâng cao chất lượng của nước nuôi tôm, cá ta cần phải làm gì?

**3.Bài mới:**

**GT** 1’ : Môi trường nước mang tính chất quyết định đến hiệu quả, năng suất và chất lượng sản phẩm thủy sản, trong đó các yếu tố quyết định môi trường nước có thích hợp hay không là nhiệt độ, độ trong và độ pH. Làm sao để xác định những thành phần này có thích hợp hay không? Đây là nội dung của bài thực hành hôm nay.

**Hoạt động 1**: **Hướng dẫn ban đầu 10’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - GV kiểm tra những dụng cụ thực hành mà GV cùng HS chuẩn bị.  - Gọi 1 HS đọc to quy trình thực hành.  - Hỏi: Nội dung thực hành gồm mấy nội dung?  - Nhận xét.  - Hướng dẫn HS các bước thực hành của từng nội dung. | - Đọc quy trình thực hành  - TL: 3 nội dung  + Đo nhiệt độ nước  + Đo độ trong  + Đo độ pH bằng phương pháp đơn giản.  - Theo dõi hướng dẫn và thao tác mẫu. | +Đo nhiệt độ nước  + Đo độ trong  + Đo độ pH bằng phương pháp |

**Hoạt động 2: thực hành 26’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Chia nhóm, tổ chức cho HS thực hành.  - Quan sát, theo dõi, uốn nắn. | - Thực hành theo sự điều khiển của GV. Kết quả thực hanhf ghi vào báo cáo. | **Thực hành** |

**4.Củng cố (3p’)**

- Gv thu báo cáo thực hành

- Nhận xét kết quả thực hành.

- Nhận xét tinh thần thái độ giờ thực hành

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài

- Chuẩn bị trước bài 52,53.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**BÀI 52&53: THỨC ĂN CỦA ĐỘNG VẬT THỦY SẢN**

**( TÔM, CÁ) – Thực hành: QUAN SÁT ĐỂ NHẬN BIẾT CÁC LOẠI THỨC ĂN CỦA ĐỘNG VẬT THỦY SẢN( TÔM, CÁ)**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Biết được đặc điểm thức ăn tự nhiên và thức ăn nhân tạo để nuôi tôm, cá.

2. Kĩ năng: Giải thích được mối quan hệ về thức ăn của các loài sinh vật khác nhau trong vực nước nuôi thủy sản.

Nhận biết được một số loại thức ăn chủ yếu của tôm, cá.

Phân biệt được thức ăn tự nhiên và thức ăn nhân tạo.

3. Thái độ: Góp phần cùng gia đình tham gia tạo được thức ăn cho tôm, cá trong ao nhà.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: Sơ đồ 16. Phương pháp: vấn đáp.Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**` 2. Kiểm tra :**

**3.Bài mới:**

**GT** 1’ : Tôm, cá và các sinh vật khác muốn tồn tại, sinh trưởng, phát triển đều cần có thức ăn. Vậy thức ăn của tôm, cá gồm những loại gì? Ta sẽ tìm hiểu ở bài 52.

**Hoạt động 1**: **Những loại thức ăn của tôm, cá. 14’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Yêu cầu học sinh đọc thông tin SGK và cho biết:  + Thức ăn tôm, cá gồm mấy loại?  - GV yêu cầu HS xem hình 82, hỏi:  + Thức ăn tự nhiên là gì?  + Em hãy kể tn một số loại thức ăn tự nhiên mà em biết.  + Thức ăn tự nhiên gồm có mấy loại?  - Giáo viên nhận xét và giải thích thêm.  - GV hỏi tiếp:  + Thực vật phù du bao gồm những loại nào?  - Nhận xét, GV giải thích ví dụ sgk rõ hơn.  - Yêu cầu học sinh thảo luận làm BT trong SGK  - GV nhận xét.  - GV cho HS xem hình 83, đọc thông tin mục 2, kết hợp quan sát hình và cho biết:  + Thức ăn nhân tạo là gì?  + Thức ăn nhân tạo gồm mấy loại?  - Nhận xét. GV cho thảo luận trả lời các câu hỏi trong SGK  + Thức ăn tinh gồm những loại nào?  + Thức ăn thô gồm những loại nào?  + Thức ăn hỗn hợp có đặc điểm gì khc so với những loại thức ăn trên?  - GV nhận xét, chốt ý. | - Học sinh đọc thông tin và trả lời:  🡪 Gồm có 2 loại:  + Thức ăn tự nhiên.  + Thức ăn nhân tạo  - Học sinh quan sát trả lời:  🡪 Thức ăn tự nhiên là loại thức ăn có sẵn trong tự nhiên, rất giàu chất dinh dưỡng.  🡪 Học sinh kể tển một số loại thức ăn tự nhiên.  🡪 Gồm có 4 loại:  + Thực vật phù du  + Thực vật bậc cao  + Động vật phù du  + Động vật đáy  - Học sinh trả lời: Gồm những loại: Tảo khuê, tảo ẩn xanh, tảo đậu.  - Học sinh lắng nghe.  - Học sinh thảo luận và làm BT.Đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Phải sắp xếp được:  + Thực vật phù du: Tảo khuê, tảo ẩn xanh, tảo đậu.  + Thực vật bậc cao: Rong đen lá vịng, rong lơng g.  + Động vật phù du: Trùng túi trong, trùng hình tia, bọ vịi voi.  + Động vật đáy: Giun mồm dài, ốc củ cải.  - Học sinh ghi bi.  - Học sinh quan sát hình, đọc thông tin và trả lời:  🡪 Là những thức ăn do con người tạo ra để cung cấp cho tôm, cá.  🡪 Gồm có 3 loại:  + Thức ăn tinh  + Thức ăn thô  + Thức ăn hổn hợp  - Học sinh thảo luận đại diện trả lời:  🡪 Gồm có: Ngô, cám, đậu tương.  🡪 Gồm có: Các loại phân hữu cơ.  🡪 Thức ăn hỗn hợp có đặc điểm là sử dụng toàn bộ các loại thức ăn và các chất khác.  -Học sinh lắng nghe, ghi bài. | **I. Những loại thức ăn của tôm, cá:**  1. Thức ăn tự nhiên:  - Thức ăn tự nhiên là thức ăn có sẵn trong nước, rất giàu dinh dưỡng.  - Thức ăn tự nhiên bao gồm: vi khuẩn, thực vật thủy sinh động vật phù du, động vật đáy và mùn bã hữu cơ.  2. Thức ăn hỗn hợp:  - Là những thức ăn do con người tạo ra để cung cấp trực tiếp cho tôm, cá.  - Có 3 nhĩm:  + Thức ăn tinh  + Thức ăn thô  + Thức ăn hỗn hợp |

**Hoạt động 2: Quan hệ về thức ăn.10’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| -Yêu cầu học sinh đọc thông tin SGK.  - Giáo viên treo sơ đồ 10, yêu cầu học sinh quan sát hỏi:  + Thức ăn của thực vật thủy sinh, vi khuẩn là gì?  + Thức ăn của động vật phù du gồm những loại nào?  + Thức ăn của động vật đáy gồm những loại nào?  + Thức ăn trực tiếp của tôm, cá là gì?  + Thức ăn gián tiếp của tôm, cá là gì?  - GV nhận xét, hỏi:  + Thức ăn có mối quan hệ với nhau như thế nào?  - GV nhận xét  - GV hỏi:  + Muốn tăng lượng thức ăn trong vực nước nuôi trồng thủy sản phải làm những việc gì?  - Nhận xét, giảng thêm | - Học sinh nghin cứu thơng tin SGK.  - Học sinh quan sát trả lời  🡪 Là các chất dinh dưỡng hịa tan trong nước.  🡪 Là chất vẩn , thực vật thủy sinh, vi khuẩn.  🡪 Là chất vẩn và động vật phù du.  🡪 Là thực vật thủy sinh, động vật thủy sinh, động vật đáy, vi khuẩn.  🡪 Mọi nguồn vật chất trong vực nước trực tiếp làm thức ăn cho các loài sinh vật để rồi các loài sinh vật này lại làm thức ăn cho cá, tôm.  🡪 Quan hệ về thức ăn thể hiện sự liên quan giữa các nhóm sinh vật trong vực nước nuôi thủy sản.  -Học sinh ghi bài.  - Học sinh trả lời:  🡪 Phải bón phân hữu cơ, phân vô cơ hợp lí tạo điều kiện cho sinh vật phù du phát triển, trên cơ sớ đó các động, thực vật thủy sinh khác phát triển làm cho lượng thức ăn phong phú thêm, tôm cá sẽ đủ dinh dưỡng, sẽ chóng lớn… | **II. Quan hệ về thức ăn:**  Sơ đồ 16. sgk |

**Hoạt động 3:** **Thực hành : Quan sát để nhận biết các loại thức ăn của động vật thủy sản 15’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Gọi HS đọc quy trình thực hành  - Gv hướng dẫn thực hành 3 bước thực hành.  - tổ chức cho các nhóm thực hành.  - Quan sát, uốn nắn.  - GV thu báo cáo thực hành. | - HS đọc quy trình thực hành:  - Lăng nghe hướng dẫn.  - Thực hành theo sự điều khiển của GV. Kết quả ghi vào báo cáo.  - Nộp báo cáo. | **Quan sát để nhận biết các loại thức ăn của động vật thủy sản** |

**4.Củng cố (3p’)**

- Nhận xét phần thực hành

- thức ăn tôm cá gồm những loại nào? Phân biệt thức ăn tự nhiêm và thức ăn nhân tạo ?

- Yêu cầu HS đọc ghi nhớ

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài

-Trả lời lại các câu hỏi.

===============================

**BÀI 54: CHĂM SÓC , QUẢN LÝ VÀ PHÒNG TRỊ BỆNH CHO ĐỘNG VẬT NUÔI THỦY SẢN**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Biết được kĩ năng chưm sóc tôm, cá và biết cách quản lý ao nuôi.

Biết được phương pháp phòng và trị bệnh cho tôm ,cá

2. Kĩ năng: Ứng dụng các biện pháp phòng trị bệnh cho tôm, cá vào thực tiễn

3. Thái độ: Chú ý, tham thích học hỏi.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: Bảng 9 . Phương pháp: vấn đáp.Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**` 2. Kiểm tra :**

**3.Bài mới:**

**GT** 1’ : Chăm sóc, quản lí và phòng trị bệnh cho tôm, cá là những biện pháp kĩ thuật quan trọng vì nó quyết định đến năng suất, sản lượng của tôm, cá nuôi. Vậy chăm sóc, quản lí, phòng trị bệnh như thế nào để đạt năng suất và chất lượng tốt nhất. Đây là nội dung chúng ta cần tìm hiểu ở bài hôm nay.

**Hoạt động 1**: **Chăm sóc tôm, cá.14’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Gọi HS đọc thông tin mục 1 SGK .hỏi:  + Tại sao cho cá ăn vào lúc 7 – 8 giờ sáng là tốt nhất?  - GV nhận xét và giải thích cho học sinh rõ hơn.  + Hỏi: Tại sao lại bón phân tập trung vào thng 8 – 11?  - Nhận xét, giảng thêm:  + Tại sao chúng ta không bón phân vào mùa hạ?  - GV nhận xét,  - Yêu cầu học sinh đọc mục 2 SGK và cho biết:  + Nguyên tắc cho ăn “lượng ít và nhiều lần” mang lại lợi ích gì?  - GV giảng thêm:  + Khi cho tôm, cá ăn thức ăn tinh phải có máng đựng thức ăn nhằm mục đích gì?  + Cho phân xanh xuống ao nhằm mục đích gì?  + Tại sao bón phân chuồng, phân bắc xuống ao phải dùng phân đủ hoai mục?  - Nhận xét, tiểu kết  - Khi chăm sóc tôm, cá cần chú ý điều gì để tránh làm ô nhiễm môi trường và ca không bị bệnh?  - Nhận xét. GDBVMT | - Học sinh nghiên cứu và trả lời:  🡪 Vì lúc này trời mát, sau một đêm tôm, cá đói sẽ tích cực ăn, nhiệt độ 200C – 300C là thích hợp để lượng thức ăn phân hủy từ từ, .  - Học sinh lắng nghe.  🡪 Vì khoảng thời gian này trời mát, nhiệt độ thích hợp, thức ăn phân hủy từ từ, không gây ô nhiễm môi trường nước.  - Học sinh lắng nghe.  🡪 Thức ăn phân hủy nhanh gây ô nhiễm nước, nhiệt độ nước trong ao tăng.  - Học sinh ghi bài.  - Học sinh đọc và trả lời:  🡪 Tiết kiệm thức ăn và cá, tôm sẽ ăn hết thức ăn.  🡪 Thức ăn không bị rơi ra ngoài vì nếu thức ăn rơi tự do sẽ trôi đi, chìm xuống đáy ao rất lng phí.  🡪 Chất hữu cơ phân hủy là thức ăn của vi sinh vật phù du, vi sinh vật phù du phát triển sẽ làm thức ăn trở lại cho tơm, cá.  🡪 Tránh ô nhiễm môi trường lây lan mầm bệnh cho con người.  - Học sinh ghi bài.  - TL: Thời gian và cách cho ăn. | **I. Chăm sóc tôm, cá**:  1. Thời gian cho ăn:  Buổi sáng lúc 7 – 8 giờ. Lượng phân bón và thức ăn nên tập trung vào mùa xuân và các tháng 8 – 11.  2. Cho ăn:  Cần cho tôm, cá ăn đủ chất dinh dưỡng. Cho ăn theo nguyên tắc “lượng ít và nhiều lần”.  Mỗi loại thức ăn có cách cho ăn khác nhau:  + Thức ăn tinh và xanh thì phải có máng ăn, giàn ăn.  + Phân xanh bó thành bó dìm xuống nước.  + Phân chuồng đủ hoai và phân vơ cơ hòa tan trong nước rồi vải đều khắp ao. |

**Hoạt động 2: Quản lí.10’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Yêu cầu học sinh nghiên cứu thông tin SGK mục II .hỏi:  + Có mấy biện pháp quản lí trong nuơi trồng thủy sản?  -GV cho HS quan sát bảng 9. hỏi:  + Để kiểm tra ao nuôi cá ta cần làm những công việc gì?  -GV nhận xét,  - GV cho HS quan sát hình 84, hỏi:  + Để kiểm tra sự tăng trưởng của cá cần phải tiến hành như thế nào?  + Làm thế nào để kiểm tra chiều dài của cá?  + Kiểm tra khối lượng tôm, cá bằng cách nào?  - GV nhận xét, | - Học sinh nghiên cứu và trả lời:  🡪 Có 2 biện php quản lý:  + Kiểm tra ao nuơi tơm, cá.  + Kiểm tra sự tăng trưởng của tôm, cá.  - Học sinh quan sát và trả lời:  🡪 Cần tiến hành các công việc: (sgk)  - Học sinh ghi bài.  🡪 Cần phải tiến hnh kiểm tra:  + Kiểm tra chiều di.  + Kiểm tra khối lượng của tôm, cá.  🡪 Lấy thước đo chiều dài từ mút đầu đến cuối cùng của đuôi.  🡪 Bắt cá lên cân  - Học sinh ghi bài. | **II. Quản lý**:  1. Kiểm tra ao nuôi tôm, cá:  2. Kiểm tra sự tăng trưởng của tôm, cá |

**Hoạt động 3:** **Một số phương pháp phòng trị bệnh cho tôm, cá:15’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Yêu cầu học sinh đọc thông tin mục III.1 SGK và trả lời các câu hỏi:  + Tại sao lại coi trọng việc phòng bệnh hơn trị bệnh?  - GV nhận xét, bổ sung  - Hỏi: phòng bệnh cho vật nuôi có những biện pháp gì?  - Nhận xét, giảng thêm  - Yêu cầu học sinh đọc thông tin mục III.2 và cho biết:  + Khi tôm, cá bị bệnh có nên dùng thuốc không?  - GV chốt lại, ghi bảng.  \_ Giáo viên treo tranh và giới thiệu cho học sinh biết. Sau đó yêu cầu nhóm thảo luận hoàn thành bài tập.  - GV nhận xét, bổ sung | - Học sinh đọc và trả lời:  🡪 Vì khi tôm, cá bị bệnh việc chữa trị rất khó khăn, tốn kém, hiệu quả thấp.  - Học sinh ghi bài.  -TL ( dựa vào sgk)  - Lắng nghe.  - Học sinh đọc và trả lời:  🡪 Có, vì dùng thuốc để tiêu diệt những tác nhân gây bệnh, đảm bảo cho cá khỏe mạnh trở lại, sinh trưởng và phát triển bình thường.  - Học sinh ghi bài.  - Học sinh thảo luận, đại diện trả lời phải nêu được:  + Hóa chất: vôi, thuốc tím.  + Thuốc tân dược: Sulfamit.  + Thuốc thảo mộc:.  - Học sinh ghi bài. | **III. Một số phương pháp phòng và trị bệnh cho tôm, cá:**  1. Phòng bệnh:  a. Mục đích:  Tạo điều kiện cho tôm, cá luôn luôn được khỏe mạnh, sinh trưởng và phát triển bình thường, không bị nhiễm bệnh.  b. Biện pháp (sgk)  2. Chữa bệnh:  a. Mục đích:  Dùng thuốc để tiêu diệt những tác nhân gây bệnh cho tôm, cá đảm bảo cho cá khỏe mạnh trở lại, sinh trưởng và phát triển bình thường.  b. Một số thuốc thường dùng:  - Hóa chất: vơi, thuốc tím.  - ân dược: Sunfamit, Ampicilin.  -Thảo mộc: tỏi, cây thuốc cá. |

**4.Củng cố (3p’)**

- Hỏi: Nêu các biện pháp chưm sóc tôm, cá? Công việc quản lý ao là gì?

Nêu các biện pháp phòng và trị bệnh cho vật nuôi?

- Yêu cầu HS đọc ghi nhớ

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài

-Trả lời lại các câu hỏi. Chuẩn bị trước bài 55

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

=====================================

**BÀI 55: THU HOẠCH, BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN ĐỘNG VẬT THỦY SẢN**

**I.MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Biết được các phương pháp thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm thủy sản.

.

2. Kĩ năng: Rèn luyện những kỹ năng trong việc thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm thủy sản.

Vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

3. Thái độ: nghiêm túc học, hứng thú ham mê tìm tòi.

**II. PHƯƠNG TIỆN**

- GV: Chuẩn bị kĩ nội dung sgk và sgv. Tư liệu tham khảo liên quan

Phương pháp: vấn đáp.Thảo luận nhóm

- HS: Đọc trước bài khi đến lớp.

**III.TIẾN TRÌNH TRÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp 1’:** GV kiểm tra sỉ số lớp

**` 2. Kiểm tra 3’ :** - Muốn phòng bệnh cho tôm, cá theo em cần phải có những biện pháp gì?

- Em hãy trình bày tóm tắt biện pháp chăm sóc tôm, cá.

**3.Bài mới:**

**GT** 1’ : Thu hoạch, bảo quản, chế biến là các khâu cuối cung của quá trình sản xuất thủy sản làm không tốt các khâu này sẽ làm cho chất lượng sản phẩm giảm, hiệu quả sử dụng kém và giá trị kinh tế thấp. Do vậy chúng ta cần thực hiện tốt các yêu cầu kĩ thuật đề ra như sau.

**Hoạt động 1**: **Thu hoạch.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Nội dung** |
| - Yêu cầu học sinh nghiên cứu thông tin SGK và cho biết:  + Có mấy phương pháp thu hoạch?    + Thu hoạch theo đánh tỉa thả bù là như thế nào?  - Gio vin nhận xétt, bổ sung . Cho HS lấy ví dụ minh họa:  - Nhận xét. hỏi:  + Tác dụng của đánh tỉa thả bù là gì?  - GV nhận xét.  + Thu hoạch toàn bộ tôm, cá trong ao là như thế nào?  + Thu hoạch tòan bộ cần làm những công việc gì?  - GV nhận xét  + Em hy nu ưu và nhược điểm của 2 phương pháp trên.  - Nhận xét, chốt kiến thức | - Học sinh nghiên cứu thông tin và trả lời:  🡪 Có 2 phương pháp:  + Đánh tỉa thả bù  + Thu hoạch tồn bộ tơm, cá trong ao.  🡪 Thu hoạch những con đạt chuẩn, thả thêm con giống bù vào lượng cá đã thu hoạch.  - Học sinh lấy ví dụ  🡪 Thực phẩm tươi, sống sẽ được cung cấp thường xuyên và tăng năng suất cá nuôi ln 20%.  - Học sinh ghi bài.  🡪 Thu hoạch toàn bộ tôm, cá có trong ao một cách triệt để.  🡪 Bao gồm các cơng việc:  + Tháo bớt nước  + Kéo 2 – 3 mẻ lưới  + Tháo cạn nước để bắt hết cá đạt chuẩn.  🡪 Phương pháp:  + Đánh tỉa thả bù có ưu điểm là cung cấp thực phẩm thường xuyên và năng suất cao.  + Thu hoạch toàn bộ cho sản phẩm tập trung, chi phí ít nhưng năng suất không cao.  \_- Học sinh lắng nghe. | **I. Thu hoạch:**  1. Đánh tỉa thả bù:  Thu hoạch những con đạt chuẩn, thả thêm con giống bù vào lượng cá đ thu hoạch.  2. Thu hoạch toàn bộ tôm cá trong ao:  Là cách thu hoạch triệt để không để lại một con nào cả. |

**Hoạt động 2**: **Bảo quản.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| \_ Yêu cầu học sinh đọc mục II SGK hỏi:  + Bảo quản sản phẩm nhằm mục đích gì?  + Các sản phẩm không được bảo quản sẽ như thế nào?  - Nhận xet, bổ sung  - Yêu cầu HS quan sát hình 86 . Hỏi:  + Bảo quản sản phẩm thủy sản có mấy phương pháp?  - Nhận xét  - Giáo viên cho hs lấy ví dụ về các phương pháp bảo quản và nhận xét  - GV hỏi:  + Trong ba phương pháp bảo quản sản phẩm thủy sản, theo em phương pháp nào phổ biến? Vì sao?  + Tại sao muốn bảo quản sản phẩm thủy sản lâu hơn phải tăng tỉ lệ muối?  - Nhận xét, chốt ý | - Học sinh đọc và trả lời:  🡪 Nhằm mục đích hạn chế hao hụt, đảm bảo nguyên liệu cho chế biến, phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.  🡪 Nếu không bảo quản thì sản phẩm bị hư hỏng, tỉ lệ hao hụt cao.  - Học sinh quan sát, đọc thông tin và trả lời:  🡪 Có 3 phương pháp:  + Phương pháp ướp muối.  + Phương pháp làm khô.  + Phương pháp đông lạnh.  - Lấy ví dụ  🡪 Học sinh tự suy nghĩ trả lời:  🡪 Tăng tỉ lệ muối nhằm làm cho vi khuẩn không hoạt động được, cá sẽ không bị ươn thối.  - Học sinh ghi bài. | **II. Bảo quản:**  1. Mục đích:  Nhằm hạn chế hao hụt về chất và lượng của sản phẩm, đảm bảo nguyên liệu cho chế biến phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.  2. Các phương pháp bảo quản:  Có 3 phương pháp: Ướp lạnh  Làm khô, Đông lạnh |

**Hoạt động 3:** **Chế biến.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - hỏi: Tại sao phải chế biến thủy sản?  - GV nhận xét .  + Chế biến thủy sản nhằm mục đích gì?  - GV nhận xé t, chốt ý  - GV cho HS quan sát hình 87 giới thiệu cho học sinh các sản phẩm thủy sản đã qua chế biến.  - Hỏi: Em hãy nêu một số phương pháp chế biến mà em biết.  + Có mấy phương pháp chế biến?  - Giáo viên yêu cầu học sinh chia nhóm, thảo luận để hoàn thành bài tập trong SGK.  - Nhận xét, bổ sung | 🡪 Vì sản phẩm thủy sản không chế biến không dùng được.  - Học sinh lắng nghe.  🡪 Nhằm làm tăng giá trị sử dụng thực phẩm đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm.  - Học sinh quan sát lắng nghe giới thiệu.  🡪 Có 2 phương pháp chế biến:  + Phương pháp thủ công  + Phương pháp công nghiệp.  - Đại diện nhóm trình bày\_ Học sinh phải nêu được:  + Phương pháp thủ công: nước mắm, nước tương, cá kho..  + Phương pháp công nghiệp: các sản phẩm đồ hộp.  - Học sinh ghi bài. | **III. Chế biến:**  1. Mục đích:  Nhằm tăng giá trị sử dụng thực phẩm đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm.  2. Các phương pháp chế biến:  Có 2 phương pháp:  - Phương pháp thủ công tạo ra nước mắm, mắm tôm, tôm chua.  - Phương pháp công nghiệp tạo ra các sản phẩm đồ hộp. |

**4.Củng cố (3p’)**

- Yêu cầu HS đọc ghi nhớ

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi sgk

**5. Hướng dẫn về nhà (1’)**

- Về học bài

-Trả lời lại các câu hỏi. Chuẩn bị tiết sau ôn tập

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

======================================